

Số/No: 2204.01/2026/CBTT-VBSE07+12

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026
Hanoi, April 22, 2026

V/v: Công bố thông tin Biên bản họp và Nghị quyết
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

Ref: Information disclosure of Meeting Minutes
and Resolution of 2026 Annual General Meeting
of Shareholders

CÔNG BỐ THÔNG TIN INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh/ *HoChiMinh Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank
The Organization name: VietinBank Securities Joint Stock Company
- Mã chứng khoán/ *Securities code: CTS*
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội.
Head office address: 1st to 4th Floor, Building N02-T2 Diplomatic Corps Area, Xuan Dinh Ward, Hanoi.
- Điện thoại/Telephone: 024. 3974 1771 Fax: 024. 3974 1760
- Email: congbothongtin@vbse.vn
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by:*
 - Họ và tên/Full name: Trần Thị Ngọc Tài/ *Tran Thi Ngoc Tai*
 - Chức vụ/Position: Phó Tổng Giám đốc/ *Deputy General Director*
 - Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội
Address: 1st to 4th Floor, Building N02-T2 Diplomatic Corps Area, Xuan Dinh Ward, Hanoi.
 - Điện thoại cơ quan/Telephone: 024. 3974 1771 Fax: 024. 3974 1760

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular On demand

Nội dung thông tin công bố/ *Content of information disclosure:*

Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (Công ty/VBSE) công bố thông tin Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 kèm theo các Báo cáo, Tờ trình ĐHCĐ thường niên 2026 của Công ty.

(Chi tiết theo tài liệu đính kèm)

VietinBank Securities Joint Stock Company (the Company/VBSE) announces the Meeting

Minutes and Resolution of 2026 Annual General Meeting of Shareholders along with the Reports, Proposals for the 2026 AGM of Shareholders of the Company.

(Details in the attached document)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/04/2026 tại đường dẫn: <https://www.vbse.vn/co-dong/vbse-cbtt-bien-ban-hop-va-nghi-quyet-dhdcd-thuong-nien-2026-vbse-information-disclosure-of-meeting-minus-and-resolution-of-2026-agm/>

This information was published on the Company's website on April 22, 2026 as in the link: <https://www.vbse.vn/co-dong/vbse-cbtt-bien-ban-hop-va-nghi-quyet-dhdcd-thuong-nien-2026-vbse-information-disclosure-of-meeting-minus-and-resolution-of-2026-agm/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We hereby certify that the above information is true and we bear the full responsibility to the law for the contents of published information.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/As above;
- Lưu/Archive: TCHC, TVTCĐN, VP. HỘQT/
HR & Administration, Corporate Finance
Advisory Department, BOD's Office.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2026 số 01/2026/BBH-ĐHĐCĐ-VBSE ngày 21/04/2026 /Meeting Minutes of 2026 Annual General Meeting of Shareholders No. 01/2026/BBH-ĐHĐCĐ-VBSE on April 21, 2026;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-VBSE ngày 21/04/2026 /Resolution of 2026 Annual General Meeting of Shareholders No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-VBSE on April 21, 2026.
- Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2026/ 2026 AGM's Materials.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE
INFORMATION
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Trần Thị Ngọc Tài/ Tran Thi Ngoc Tai



Số: *01*/2026/NQ-DHDCD-VBSE

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (“Công ty”);

Căn cứ Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/04/2026;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank ngày 21/04/2026;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về Công tác quản lý kinh doanh Công ty năm 2025, Công tác quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị năm 2025 và Định hướng kinh doanh năm 2026 (Tài liệu đính kèm).

Điều 2. Nhất trí thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban Kiểm soát trong năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 (Tài liệu đính kèm).

Điều 3. Nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PWC (Việt Nam) với các chỉ tiêu cơ bản như sau:



Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu		Số tiền
1.	Tổng tài sản	12.410.698.820.601
2.	Nợ phải trả	9.555.262.431.087
3.	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	2.855.436.389.514
	- Vốn góp của chủ sở hữu	2.126.934.380.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	7.415.080.553
	- Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	49.773.892.800
	- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	7.000.641.200
	- Lợi nhuận chưa phân phối	664.312.394.961
	+ Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	631.867.774.163
	+ Lợi nhuận chưa thực hiện	32.444.620.798
	Tổng doanh thu và thu nhập khác	2.099.147.842.062
4.	(=Doanh thu hoạt động kinh doanh + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác)	
	Tổng chi phí	1.384.494.990.127
5.	(=Chi phí hoạt động kinh doanh + Chi phí tài chính + Chi phí quản lý doanh nghiệp + Chi phí khác)	
6.	Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	714.652.851.935
	+ Lợi nhuận đã thực hiện	768.601.967.436
	+ Lỗ chưa thực hiện	(53.949.115.501)
7.	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	577.371.584.960

(Theo chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 210/2014/TT-BTC).

Điều 4. Nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung		Số tiền
1.	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Báo cáo tài chính (BCTC)	577.371.584.960
	Trong đó: Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2025 theo BCTC (*)	616.832.933.233
2.	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	33.240.470.400
3.	Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2025 còn lại sau trích quỹ (**)	583.592.462.833

(*) Việc trích lập các quỹ tính toán dựa trên Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2025 của Công ty.

(**) Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025.

Điều 5. Nhất trí thông qua Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 của Công ty với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
1. Lợi nhuận trước thuế	454.000.000.000
2. Tỷ lệ Cổ tức dự kiến (%)	9%

Dại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank chủ động rà soát, nghiên cứu và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhất trí thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn 01 (một) Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 (theo danh sách đính kèm Tờ trình ĐHĐCĐ về việc Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2026) và được cập nhật đến thời điểm lựa chọn để thực hiện soát xét/kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên/năm của Công ty năm 2026, đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhất trí thông qua Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026 như sau:

- Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank năm 2026: Tối đa 6% Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2026.
- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát quyết định mức cụ thể và phân phối phù hợp với quy định của Pháp luật và quy định của Công ty.

Điều 8. Nhất trí thông qua Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty, cụ thể:

8.1. Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025 của Công ty:

❖ **Mức tăng vốn điều lệ:**

- Mức vốn điều lệ tại thời điểm phát hành: 2.126.934.380.000 đồng.



- Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 595.541.620.000 đồng.
- Mức vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành phát hành toàn bộ số cổ phiếu để trả cổ tức: 2.722.476.000.000 đồng.

❖ **Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:**

- Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank.
- Mã cổ phiếu : CTS
- Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu).
- Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành : 212.693.438 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 212.693.438 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu phát hành dự kiến : 59.554.162 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức : 272.247.600 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá) : 595.541.620.000 đồng.
(Số lượng cổ phiếu phát hành và tổng giá trị phát hành cụ thể sẽ căn cứ vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty).
- Tỷ lệ phát hành : 28%, tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền là 100 : 28
(Số lượng cổ phiếu phát hành, tổng giá trị phát hành theo mệnh giá, tỷ lệ phát hành cụ thể thực hiện theo phê duyệt của Cơ quan có thẩm quyền (nếu có)).

— [Signature]

- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank có tên trong danh sách sở hữu cổ phần do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu theo phương án phát hành được thông qua và theo quy định của pháp luật.
- Nguồn vốn thực hiện : Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025 của Công ty (căn cứ số liệu tại BCTC năm 2025 đã được kiểm toán).
- Thời gian phát hành : Trong năm 2026.
Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ủy quyền cho Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty quyết định thời điểm phát hành cụ thể sau khi được sự chấp thuận của Cơ quan có thẩm quyền về Phương án phát hành (nếu có).
- Thời gian hoàn thành : Thời gian hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại giấy phép/chấp thuận của Cơ quan có thẩm quyền.
- Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ : Số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức mỗi cổ đông nhận được sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ không thực hiện và số vốn điều lệ mới được đăng ký trên số cổ phần thực tế phân phối được.
Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức, cổ đông A đang sở hữu 15 cổ phiếu của

Handwritten signature

Công ty sẽ nhận được số cổ phiếu mới phát hành để trả cổ tức là 4,2 cổ phiếu, tuy nhiên do làm tròn xuống đến hàng đơn vị nên thực tế cổ đông A sẽ chỉ nhận được 04 cổ phiếu mới và 0,2 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.

- Điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký, niêm yết bổ sung và đưa chứng khoán vào giao dịch : Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và Niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật hiện hành.
- Các nội dung khác : Như nêu trong Tờ trình Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty.

8.2. Đại hội đồng cổ đông:

- Phê duyệt thông qua *“Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025 của Công ty”*.
- Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần tăng thêm.
- Thông qua việc điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).
- Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị Công ty:
 - + Quyết định, điều chỉnh, hoàn thiện *“Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025 của Công ty”* trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Cơ quan có thẩm quyền/yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền (nếu có).
 - + Thông qua nội dung sửa đổi, toàn văn hợp nhất và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần tăng thêm.



- + Quyết định, thông qua nội dung và triển khai tất cả các công việc, thủ tục cần thiết để thực hiện: tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty, điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại VSDC, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại HOSE và các thủ tục khác theo quy định của Pháp luật.
- + Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty.

Điều 9. Nhất trí thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn hợp nhất Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo Tờ trình và các văn bản dự thảo đính kèm.

Giao người có thẩm quyền ký ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 10. Nhất trí thông qua Quy trình về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty theo Tờ trình và văn bản dự thảo đính kèm.

Giao người có thẩm quyền ký ban hành Quy trình về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 11: Điều khoản thi hành:

- 11.1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank thông qua toàn văn tại cuộc họp thường niên 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/04/2026.
- 11.2. Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết theo đúng chức năng, thẩm quyền của mình trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank.

Nơi nhân:

- Như Điều 11;
- UBCKNN, SGDCVN, HSX, HNX;
- Website Công ty;
- Lưu: TCHC, VP.HĐQT.

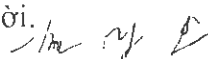


Trần Phúc Vinh

Số: 01/2026/BBH-ĐHĐCĐ-VBSE

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

- Tên doanh nghiệp** : Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank.
- Giấy phép thành lập và hoạt động** : Số 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/07/2009 và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động.
- Mã số doanh nghiệp** : 0101078450
- Trụ sở chính** : Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội.
- Hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 (“ĐHĐCĐ”/ “Đại hội”)** : Trực tiếp.
- Phương thức biểu quyết đối với từng vấn đề tại Đại hội** : Biểu quyết trực tiếp.
- Địa điểm họp Đại hội** : Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội.
- Thời gian họp Đại hội** : Từ 07h30’ ngày 21 tháng 04 năm 2026.
- Thành phần tham dự Đại hội** : - Cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (“VBSE”/“Công ty”) có tên trong danh sách sở hữu cổ phần tại Ngày đăng ký cuối cùng (24/03/2026) do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp;
- Khách mời. 

Tổng số cổ đông, đại diện : 14 đại biểu, đại diện cho 12 cổ đông sở hữu **160.937.846** cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng **160.937.846** phiếu biểu quyết, chiếm **75,666578%** tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

DIỄN BIẾN TÓM TẮT ĐẠI HỘI:

A. TÍNH HỢP PHÁP VÀ HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:

Đại hội được chính thức khai mạc vào hồi 08h18' ngày 21/04/2026.

Đại hội đã nghe Ông Võ An Hải – Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông công bố Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tới 08h18' ngày 21/04/2026 như sau:

- Tổng số cổ phần đã phát hành của Công ty là: **212.693.438** cổ phần phổ thông.
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: **212.693.438** cổ phần, tương ứng tổng số phiếu biểu quyết của Công ty là: **212.693.438** phiếu.
- Cổ đông được mời tham dự Đại hội gồm: Toàn bộ cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank có tên trong danh sách sở hữu cổ phần tại Ngày đăng ký cuối cùng (24/03/2026) do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền dự họp.
- Tổng số cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, người được ủy quyền (sau đây gọi chung là “**đại biểu**”) dự họp tính tới 08h18' ngày 21/04/2026 là: **11** đại biểu, đại diện cho **09** cổ đông sở hữu **160.937.638** cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng với **160.937.638** phiếu biểu quyết, chiếm **75,66648%** tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

Trong đó:

- + Cổ đông dự họp trực tiếp: **05** cổ đông;
- + Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức dự họp: **03** người;
- + Người được ủy quyền dự họp: **03** người.

Các đại biểu nêu trên có đầy đủ tư cách tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ tổ chức và hoạt động (“**Điều lệ**”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

Ban Tổ chức tiếp tục làm thủ tục đăng ký cho các đại biểu tham dự Đại hội muộn sau khi cuộc họp đã khai mạc. Đại biểu có quyền tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội sau khi đăng ký xong.

B. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI:

I. Hướng dẫn nguyên tắc và thể lệ biểu quyết tại Đại hội:

Đại hội đã nghe Ông Võ An Hải – Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông trình bày Hướng dẫn nguyên tắc và thể lệ biểu quyết tại Đại hội.

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết: 160.937.638 phiếu. Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là 160.937.638 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; không hợp lệ là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%. Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.937.638 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

II. Bầu Ban Chủ tọa, cử Ban Thư ký và bầu Ban Kiểm phiếu:

Để điều hành Đại hội và thực hiện công tác kiểm phiếu của Đại hội, Đại hội đã tiến hành bầu Ban Chủ tọa và Ban Kiểm phiếu.

Sau khi nghe danh sách nhân sự dự kiến do Ban Tổ chức giới thiệu, Đại hội đã biểu quyết thông qua Ban Chủ tọa gồm ba (03) thành viên sau đây:

1. Ông Trần Phúc Vinh - Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty – Chủ tọa;
2. Ông Vũ Đức Mạnh - Thành viên HDQT, Tổng Giám đốc Công ty – Thành viên;
3. Ông Phạm Việt Hùng - Thành viên độc lập HDQT Công ty – Thành viên.

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết: 160.937.638 phiếu. Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là 160.937.638 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; không hợp lệ là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%. Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.937.638 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

Ban Chủ tọa đã thay mặt Đại hội cử Ban Thư ký Đại hội để ghi chép nội dung, diễn biến Đại hội, soạn dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội gồm các thành viên sau đây:

1. Bà Lê Mai Khanh – Phó Chánh Văn phòng HDQT, Người phụ trách quản trị Công ty;
2. Ông Đào Đức Thịnh - Chuyên viên phòng Quản lý rủi ro.

Tiếp theo, Ban Chủ tọa đã giới thiệu và Đại hội đã biểu quyết bầu ra Ban Kiểm phiếu Đại hội gồm ba (03) thành viên sau đây:

1. Ông Võ An Hải – Trưởng Phòng KTKSNB – Trưởng ban;
2. Ông Lê Huy Tuệ – Trưởng phòng CNTT – Thành viên;
3. Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Trưởng Bộ phận KTNB – Thành viên;

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết: 160.937.738 phiếu. Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là 160.937.738 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; không hợp lệ là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%. Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là

160.937.738 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

III. Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2026:

1. Đại hội đã nghe Ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch HĐQT Công ty, Chủ tọa Đại hội trình bày dự thảo Chương trình Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội.

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết: 160.937.838 phiếu. Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là 160.937.838 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; không hợp lệ là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%. Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.937.838 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

2. Đại hội đã nghe Ông Phạm Việt Hùng – Thành viên độc lập HĐQT Công ty, thành viên Ban Chủ tọa trình bày dự thảo Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026.

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết: 160.937.838 phiếu. Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là 160.937.838 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; không hợp lệ là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%. Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.937.838 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

IV. Nội dung chính của Đại hội:

1. Các Tờ trình Đại hội:

Đại hội đã nghe trình bày các Báo cáo, Tờ trình (tài liệu kèm theo), cụ thể:

- Ông Phạm Việt Hùng – Thành viên độc lập HĐQT Công ty trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về Công tác quản lý kinh doanh Công ty năm 2025, Công tác quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị năm 2025 và Định hướng kinh doanh năm 2026.
- Bà Phan Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban Kiểm soát trong năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026.
- Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Kế toán trưởng Công ty trình bày Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.



- Ông Vũ Đức Mạnh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty trình bày Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; và Tờ trình Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2026.
- Bà Phan Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát Công ty trình bày Tờ trình về việc Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét/kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên/năm của Công ty năm 2026.
- Ông Vũ Đức Mạnh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty trình bày Tờ trình về Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026; và Tờ trình Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty;
- Ông Phạm Việt Hùng – Thành viên độc lập HĐQT Công ty trình bày Tờ trình về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; và Tờ trình về việc ban hành Quy trình về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2. Thảo luận và thông qua các Báo cáo, Tờ trình:

Đại hội đã tiến hành thảo luận về nội dung các Báo cáo, Tờ trình đã được trình bày tại Đại hội (*Phụ lục các nội dung thảo luận tại Đại hội đính kèm*).

Đại hội đã thống nhất các nội dung trình bày, giải trình tại Đại hội và không có ý kiến gì khác.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung các Báo cáo, Tờ trình Đại hội.

3. Kết quả biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo, Tờ trình Đại hội:

Đại hội đã nghe Ông Võ An Hải – Trưởng ban Kiểm phiếu công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo, Tờ trình Đại hội:

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: 160.937.846 phiếu, tương ứng tỷ lệ 75,666578% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết (“**phiếu tham gia biểu quyết**”): 160.934.739 phiếu, tương ứng tỷ lệ 75,665117% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

a. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về Công tác quản lý kinh doanh Công ty năm 2025, Công tác quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị năm 2025 và Định hướng kinh doanh năm 2026:

- Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là: 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

- Số phiếu tham gia biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

- b. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban Kiểm soát trong năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026:

- Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là: 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Số phiếu tham gia biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

- c. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán:

- Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là: 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Số phiếu tham gia biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

- d. Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

- Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là: 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Số phiếu tham gia biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

- e. Thông qua Tờ trình Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2026:

- Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là: 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

- Số phiếu tham gia biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

f. Thông qua Tờ trình về việc Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét/kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên/năm của Công ty năm 2026:

- Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là: 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Số phiếu tham gia biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.892.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,973902%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 42.000 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,026098%.

g. Thông qua Tờ trình về Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026:

- Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là: 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Số phiếu tham gia biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.925.939 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,994532%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 8.800 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,005468%.

h. Thông qua Tờ trình Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty:

- Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là: 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Số phiếu tham gia biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.892.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,973902%; Không tán thành là 42.000 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,026098%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.



- i. Thông qua Tờ trình về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

Cụ thể: Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn hợp nhất Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo Tờ trình và các văn bản dự thảo đính kèm. Giao người có thẩm quyền ký ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

Với kết quả như sau:

- (i1). Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty:

- Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là: 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Số phiếu tham gia biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.892.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,973902%; Không tán thành là 42.000 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,026098%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

- (i2). Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

- Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là: 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Số phiếu tham gia biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.892.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,973902%; Không tán thành là 42.000 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,026098%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

- j. Thông qua Tờ trình về việc ban hành Quy trình về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty:

Cụ thể: Thông qua Quy trình về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty theo Tờ trình và văn bản dự thảo đính kèm. Giao người có thẩm quyền ký ban hành Quy trình về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Với kết quả như sau:

- Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là: 160.934.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

- Số phiếu tham gia biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.892.739 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,973902%; Không tán thành là 42.000 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,026098%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

V. Các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về Công tác quản lý kinh doanh Công ty năm 2025, Công tác quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị năm 2025 và Định hướng kinh doanh năm 2026 với tỷ lệ biểu quyết thông qua là **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban Kiểm soát trong năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 với tỷ lệ biểu quyết thông qua là **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán với tỷ lệ biểu quyết thông qua là **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
4. Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 với tỷ lệ biểu quyết thông qua là **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
5. Thông qua Tờ trình Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 với tỷ lệ biểu quyết thông qua là **100%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
6. Thông qua Tờ trình về việc Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét/kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên/năm của Công ty năm 2026 với tỷ lệ biểu quyết thông qua là **99,973902%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
7. Thông qua Tờ trình về Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026 với tỷ lệ biểu quyết thông qua là **99,994532%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
8. Thông qua Tờ trình Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty với tỷ lệ biểu quyết thông qua là **99,973902%** tổng số

phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

9. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể:

9.1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty với tỷ lệ biểu quyết thông qua là **99,973902%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

9.2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty với tỷ lệ biểu quyết thông qua là **99,973902%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

10. Thông qua Tờ trình về việc ban hành Quy trình về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty với tỷ lệ biểu quyết thông qua là **99,973902%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

VI. Nội dung phát sinh ngoài Chương trình nghị sự đã được thông qua:

Không có.

VII. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội:

Biên bản này và Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 đã được đọc lại trước toàn thể Đại hội và được lấy ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Biên bản họp và Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026.

Kết quả biểu quyết thông qua Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2026: Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết: 160.937.846 phiếu. Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là 160.937.846 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; không hợp lệ là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%. Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.937.846 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

Kết quả biểu quyết thông qua Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026: Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết: 160.937.846 phiếu. Số phiếu tham gia biểu quyết hợp lệ là 160.937.846 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; không hợp lệ là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%. Số phiếu tham gia biểu quyết Tán thành là 160.937.846 phiếu, chiếm tỷ lệ 100%; Không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%; Không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0%.

Biên bản này được lập vào hồi 11h30' ngày 21/04/2026 ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank kết thúc chương trình Đại hội.

THƯ KÝ GHI BIÊN BẢN

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA


Đào Đức Thịnh


Lê Mai Khanh




Trần Phúc Vinh

Tài liệu lưu kèm:

- Báo cáo kết quả Kiểm tra tư cách cổ đông;
- Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2026;
- Các Báo cáo, Tờ trình ĐHĐCĐ thường niên 2026 và tài liệu kèm theo;
- Biên bản kiểm phiếu biểu quyết;
- Phụ lục các nội dung thảo luận tại ĐHĐCĐ thường niên 2026;
- Các tài liệu khác có liên quan.

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG THẢO LUẬN TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2026

(đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 số 01/2026/BBH-DHĐCĐ-VBSE ngày 21/04/2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank)

CÂU HỎI CỦA ĐẠI BIỂU, CỔ ĐÔNG:

- Về thị trường các-bon:** Thị trường các-bon là một lĩnh vực mới và dự kiến sẽ có sự tham gia của nhiều định chế tài chính lớn, bao gồm cả các công ty chứng khoán quốc tế và tổ chức tài chính trong nước, vậy VBSE xác định lợi thế cạnh tranh cốt lõi của mình là gì để có thể tiếp cận và phục vụ hiệu quả nhóm doanh nghiệp phát thải trọng điểm? Đồng thời mảng hoạt động này được VBSE kỳ vọng sẽ đóng góp như thế nào vào cơ cấu doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty trong thời gian tới?
- Về hoạt động kinh doanh vốn:** Mảng kinh doanh nguồn vốn của VBSE là mảng đóng góp tỷ trọng lớn, tuy nhiên có ghi nhận giảm khá đáng kể trong Quý I/2026. Ban Lãnh đạo có thể chia sẻ lý do và triển vọng trong các quý tới?
- Về hoạt động môi giới và cho vay margin:** Chiến lược của Công ty đối với mảng môi giới và cho vay margin trong bối cảnh là cạnh tranh khá cao và lãi suất tăng hiện nay?
- Về thanh khoản thị trường:** Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá thanh khoản thị trường trong năm nay như thế nào?
- Về kế hoạch lợi nhuận năm 2026:** Năm 2025 Công ty có kết quả lợi nhuận rất tích cực, tại sao kế hoạch năm 2026 lại thận trọng hơn với mức là 454 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế? Đầu sẽ là động lực chính cho doanh thu và lợi nhuận của VBSE trong năm 2026, môi giới hay margin hay tự doanh?
- Về quy mô vốn điều lệ:** Hiện nay các công ty chứng khoán trên thị trường thì vốn điều lệ 10.000 tỷ đồng đã là mặt bằng chung. Vậy, đối với quy mô vốn hiện nay của VBSE thì Ban Lãnh đạo Công ty xác định đâu là những “mảng ngách” hoặc những điểm khác biệt để giúp VBSE sẽ vượt trội hơn so với các công ty chứng khoán cùng phân khúc vốn?

PHẢN TRẢ LỜI CỦA BAN CHỦ TOA ĐẠI HỘI:

- Về thị trường các-bon:**

Ông Vũ Đức Mạnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty:

- VBSE sẽ là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên tham gia thị trường hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon. Trong giai đoạn đầu, thị trường các-bon sẽ ưu tiên tính minh bạch và chuẩn hóa, trên cơ sở đó, VBSE xác định rõ vai trò của mình xoay quanh ba lợi thế chính:



+ **Thứ nhất, về hạ tầng lưu ký và thanh toán:** VBSE tiếp cận sản phẩm hạn ngạch phát thải như một tài sản tài chính cần được quản lý chặt chẽ. Theo đó Công ty đã chủ động hoàn thiện hệ thống lưu ký và thanh toán đáp ứng tiêu chuẩn và đảm bảo tính chính xác. Điều này sẽ giúp được các doanh nghiệp có nhu cầu giao dịch hạn ngạch phát thải hoặc giao dịch mua bán tín chỉ các-bon sẽ giảm thiểu rủi ro sai lệch khi báo cáo cho Cơ quan quản lý, đồng thời tạo ra một nền tảng vận hành ổn định ngay từ giai đoạn đầu tiên. Trên thực tế, đây cũng là một thị trường cũng khá mới và các doanh nghiệp tham gia thị trường sẽ cần được đào tạo, hướng dẫn ngay giai đoạn đầu cũng như trong quá trình quản lý tài sản này như một tài sản tài chính để nâng cao hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của Nhà nước về khí thải, về hạn ngạch phát thải, đồng thời có thể giảm thiểu được các chi phí tài chính hoặc gia tăng thêm lợi nhuận từ việc giao dịch các hạn ngạch này.

+ **Thứ hai, về vai trò cầu nối vận hành:** Thực tế thách thức lớn của các doanh nghiệp không nằm ở nhu cầu giao dịch mà ở quy trình kỹ thuật và tuân thủ. Theo đó, VBSE sẽ hỗ trợ doanh nghiệp xuyên suốt từ khi mở tài khoản tại VSDC đến thực hiện giao dịch trên hệ thống.

+ **Thứ ba, về tối ưu nguồn lực và chi phí:** Thay vì đầu tư dàn trải, VBSE sẽ tận dụng hạ tầng sẵn có và điều chỉnh để phục vụ riêng cho phần giao dịch hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon. Cách tiếp cận này giúp VBSE tối ưu chi phí vận hành, từ đó cung cấp dịch vụ với mức phí cạnh tranh, đồng thời vẫn đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- **Về định hướng doanh thu và lợi nhuận,** trong giai đoạn đầu, VBSE ưu tiên xây dựng nền tảng và cơ sở dữ liệu khách hàng hơn là tối đa lợi nhuận trong ngắn hạn. Như đã nói, đây là một thị trường mới và lợi nhuận cũng có thể chưa nhiều bằng các mảng kinh doanh truyền thống nhưng VBSE với tư cách là một tổ chức tài chính, công ty con của Ngân hàng VietinBank sẽ cung cấp đầy đủ các dịch vụ, hỗ trợ các khách hàng tuân thủ quy định pháp luật và hướng tới việc tiếp cận các nguồn vốn xanh, bền vững. Khi thị trường dần hoàn thiện về pháp lý và thanh khoản, mảng các-bon được kỳ vọng sẽ trở thành một nguồn thu bổ trợ có ý nghĩa, đồng thời mở ra các cơ hội phát triển dịch vụ tài chính xanh trong dài hạn.

Tóm lại, VBSE hướng tới việc trở thành một trong những đơn vị cung cấp hạ tầng giao dịch hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon đầu tiên, đáng tin cậy, tạo nền móng để mở rộng sang các dịch vụ giá trị gia tăng khác khi thị trường bước sang giai đoạn phát triển mới.

2. Về hoạt động kinh doanh vốn:

Ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty:

- Trong Quý I/2026, bối cảnh thị trường gặp nhiều khó khăn, hệ thống ngân hàng căng thanh khoản, lãi suất liên ngân hàng và lãi suất cho vay tăng cao, ảnh hưởng chung đến toàn bộ nền kinh tế, đặc biệt là với các doanh nghiệp đang vay vốn ngân hàng.

VBSE là một đơn vị trên thị trường có dư nợ lớn, hạn mức tín dụng ngân hàng nhiều. Hiện VBSE được khoảng 51 ngân hàng và các đơn vị cho vay với tổng hạn mức lên đến

35.000 tỷ đồng. Với hạn mức lớn như vậy, Công ty luôn cố gắng tối ưu hóa chi phí vốn đầu vào, mảng kinh doanh vốn của Công ty của năm 2025 được triển khai đạt kết quả tốt.

Từ đầu năm 2026, các ngân hàng siết tín dụng nên việc giải ngân nguồn vốn cho vay đối với Công ty bị thu hẹp, đồng thời mặt bằng lãi suất tăng nhanh, trước tình hình trên Công ty cũng chủ động giảm bớt kinh doanh nguồn vốn, ưu tiên đặt mục tiêu thanh khoản lên hàng đầu, qua đó ảnh hưởng đến kết quả mảng hoạt động này trong Quý I/2026. Tuy nhiên, trong thời gian tới khi áp lực về thanh khoản và lãi suất ổn định, VBSE sẽ chủ động triển khai các sản phẩm phù hợp theo hướng tối ưu hơn và Công ty cũng xác định mảng kinh doanh vốn sẽ vẫn là điểm mạnh của Công ty trong thời gian tới.

3. Về hoạt động môi giới và cho vay margin:

Ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty:

- Lãi suất cho vay margin của VBSE được Công ty đánh giá là lãi suất ưu đãi so với thị trường. Công ty cũng mong muốn đẩy mạnh mảng môi giới và cho vay margin để tăng trưởng thị phần và gia tăng lợi nhuận từ mảng hoạt động này. Thực tế trong năm 2025, dư nợ margin bình quân của Công ty cũng đã tăng rất mạnh, duy trì mức bình quân lên đến tầm 4.200 – 4.500 tỷ đồng và có thời điểm gần như full hạn mức. Có thể nói, mảng môi giới và cho vay margin của VBSE đã tăng trưởng rất tốt trong năm 2025 và Công ty cũng sẽ tiếp tục duy trì sự tăng trưởng của mảng hoạt động này trong năm 2026 thông qua các cơ sở: (1) Lãi suất margin dành cho khách hàng của VBSE luôn được ưu đãi cạnh tranh trên thị trường; (2) Chính sách hợp tác phát triển khách hàng được triển khai hiệu quả với mức Phí cộng tác viên tốt; (3) Các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng như khuyến nghị, tư vấn sẽ tiếp tục được nâng cao chất lượng; (4) Cuối năm 2025 Công ty cũng đã nâng cấp hệ thống App/Web Trading mới giúp giao dịch cổ phiếu của khách hàng trên App/Web được tương tác tốt hơn với nhiều tiện ích mới. Bên cạnh đó, năm 2026 định hướng của Công ty cũng sẽ tiếp tục tích hợp thêm nhiều sản phẩm số đối với hoạt động môi giới để tăng cường năng lực cạnh tranh trong môi trường chuyên đổi số hiện tại.

4. Về thanh khoản thị trường:

Ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty:

- Trong Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông về định hướng hoạt động kinh doanh của VBSE năm 2026 Công ty đã nhận định kịch bản tích cực xác suất là 60% cùng với các điều kiện để kịch bản này xảy ra. Tuy nhiên với tình hình địa chính trị trên thế giới bất ổn như hiện tại, biến động xung quanh cuộc giao tranh giữa Mỹ và Iran cũng rất khó lường, ảnh hưởng toàn diện đến cả nền kinh tế. Việc thanh khoản thị trường như thế nào sẽ phụ thuộc rất lớn vào cuộc chiến giữa Mỹ và Iran này. Thực tế trước tình hình vừa qua, thanh khoản thị trường trong Quý I/2026 chỉ ở mức quanh 20-30 ngàn tỷ đồng/phiên. Theo đó, khi nào cuộc chiến này có tín hiệu tích cực thì mới có thể dự đoán chính xác được mức độ thanh khoản của thị trường chứng khoán. Mặc dù thị trường Việt Nam đã được nâng hạng tuy nhiên dòng tiền vốn ngoại đổ vào thị trường cũng sẽ mất một khoảng thời gian và thường có độ trễ, bên cạnh đó, nội lực của các doanh nghiệp trong nền

kinh tế cũng phải rất tốt thì mới tạo được niềm tin cho các nhà đầu tư, từ đó thanh khoản thị trường sẽ được đẩy nhanh cải thiện.

5. Về kế hoạch lợi nhuận năm 2026:

Ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty:

- Năm 2025 là một năm rất thuận lợi cho các công ty chứng khoán, kết quả kinh doanh của các công ty trong ngành nhìn chung đều rất tốt. Đối với VBSE, với định hướng và nhận định thị trường đúng đắn ngay từ bước đầu, kết quả đạt được của Công ty đã tăng trưởng vượt bậc, ghi nhận mức cao nhất trong 25 năm thành lập và hoạt động.

- Đến năm 2026, Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh theo hướng thận trọng, sát nhất có thể với diễn biến thị trường, nhằm đảm bảo tính khả thi để thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra. Theo đó, trên cơ sở phân tích các yếu tố kinh tế vĩ mô, tình hình địa chính trị và triển vọng tăng trưởng trong năm 2026, VBSE đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế 454 tỷ đồng, ở mức bình ổn của thị trường, không mang tính đột biến như năm 2025.

- Bên cạnh đó, có thể nhận thấy thị trường và nền kinh tế năm 2026 khá khó khăn, mặc dù mục tiêu tăng trưởng kinh tế được kỳ vọng ở mức hai con số, tuy nhiên sự khó khăn này là hiện hữu. Việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty cũng phụ thuộc nhiều vào nền kinh tế. Vì trên thực tế, ngoài mảng hoạt động chính là hoạt động môi giới thì thị trường chứng khoán Quý I/2026 diễn biến khá thận trọng, khả năng đến Quý II, Quý III thị trường mới có thể cởi mở hơn trong khi đối với hoạt động tư vấn cũng như hoạt động khác như tự doanh thì nền tảng hoạt động của các doanh nghiệp trên thị trường tốt các hoạt động này của Công ty mới tốt được, và dù mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số thì để tăng trưởng toàn diện thị trường là rất khó. Vì vậy, Công ty thận trọng đặt ra mục tiêu lợi nhuận năm 2026 ở mức 454 tỷ đồng.

- Động lực tăng trưởng năm 2026 của Công ty như đã trao đổi nêu trên là hoạt động môi giới và cho vay margin, cung cấp dịch vụ, bên cạnh đó là hoạt động tự doanh. Đối với hoạt động tự doanh, nhờ lợi thế từ hệ sinh thái VietinBank, Công ty có cơ hội tận dụng tệp khách hàng và năng lực thẩm định để nâng cao hiệu quả đầu tư, bám sát thị trường và hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp, qua đó tối ưu lợi nhuận trên cơ sở quản trị rủi ro chặt chẽ và hiệu quả.

6. Về quy mô vốn điều lệ:

Ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty:

- Vốn chủ sở hữu của VBSE hiện tại là khoảng 2.900 tỷ đồng, thuộc nhóm trung bình các công ty chứng khoán. Theo đó, Công ty cũng chịu áp lực tăng vốn như công ty chứng khoán khác hiện nay và nhu cầu tăng vốn luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Tuy nhiên, cơ cấu sở hữu của Công ty có 75,6% vốn của cổ đông lớn là Ngân hàng mẹ - VietinBank, do đó quá trình tăng vốn của Công ty sẽ thực hiện theo lộ trình và cần thông qua các quy trình xin cấp phép của VietinBank cũng như Ngân hàng Nhà nước. Cụ thể về lộ trình tăng

vốn Công ty sẽ có đề án trình VietinBank để lựa chọn phương án phù hợp để tăng vốn cho Công ty và sẽ báo cáo, xin ý kiến các cổ đông.

- Về điểm khác biệt của Công ty trên thị trường:

+ Mặc dù vốn điều lệ của VBSE không cao nhưng Công ty duy trì hiệu suất sinh lời khá tốt, bình quân tỷ lệ ROE trong những năm gần đây của Công ty luôn nằm trong Top các công ty chứng khoán. Riêng năm 2025, tỷ lệ ROE của Công ty đứng thứ 02 trên thị trường. Kết quả này cho thấy khả năng sử dụng vốn hiệu quả, phản ánh năng lực của Công ty trong việc tạo ra lợi nhuận cho cổ đông.

VBSE thuộc hệ sinh thái của VietinBank, nhờ đó Công ty có cơ hội khai thác lợi thế từ tệp khách hàng lớn và hệ thống thông tin vĩ mô, vi mô doanh nghiệp và thị trường rất tốt. Bên cạnh đó, mạng lưới của các Chi nhánh Ngân hàng Công thương Việt Nam phủ khắp từ Bắc vào Nam cũng tạo điều kiện thuận lợi và lợi thế cạnh tranh để Công ty tiếp cận khách hàng từ doanh nghiệp đến cá nhân để chào bán sản phẩm dịch vụ. Công ty cũng nhận được các thông tin định hướng cụ thể từ Ngân hàng mẹ đối với hoạt động kinh doanh trong từng năm. Trên cơ sở đó, Công ty đã và đang tận dụng tốt lợi thế, triển khai hiệu quả và bám sát kế hoạch nhằm hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao.

7. Về sản phẩm dịch vụ và tiện ích:

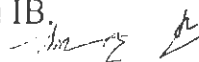
Ông Vũ Đức Mạnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty:

- Tại VBSE hiện nay chúng tôi đang đẩy mạnh mảng môi giới và cung cấp các dịch vụ cho các nhà đầu tư. Đến với VBSE, khách hàng không chỉ giao dịch cổ phiếu mà Công ty cũng đã, đang và sẽ là đại lý phân phối rất nhiều các chứng chỉ quỹ của những quỹ đầu tư hàng đầu trên thị trường.

- Ngoài ra, VBSE cũng cung cấp rất nhiều dịch vụ tài chính ngắn hạn dài hạn để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đối với các khách hàng muốn giao dịch ngắn hạn, an toàn và kiếm lợi nhuận cao hơn các sản phẩm tiết kiệm truyền thống thì hiện Công ty có những sản phẩm liên quan đến giao dịch trái phiếu niêm yết và giao dịch tập trung trên HNX và/hoặc trái phiếu thứ cấp tăng vốn của VietinBank. Đối với các khách hàng doanh nghiệp, VBSE đang dẫn đầu thị trường IB trong hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động huy động vốn thông qua các hình thức như phát hành cổ phiếu, trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu chuyển đổi, để từng bước góp phần vào việc giúp doanh nghiệp giảm phụ thuộc vào nguồn vốn ngắn hạn của Ngân hàng. Bên cạnh đó, VBSE cũng đang tăng cường vai trò trong việc cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành, chào bán, giới thiệu các trái phiếu được Công ty bảo lãnh phát hành tới các nhà đầu tư.

- Đối với hệ thống giao dịch, VBSE cũng đang tích hợp rất nhiều các sản phẩm dịch vụ App/Web Trading với dữ liệu real-time để khách hàng có thể tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường trong phiên, phân tích dòng tiền, theo dõi dòng tiền đầu tư, mở rộng thời gian chuyển rút tiền online ngoài giờ cho các nhà đầu tư,.....

Theo đó, Công ty cũng xác định hai mảng cốt lõi đối với VBSE trong 2026 và những năm tiếp theo vẫn sẽ là môi giới, cho vay Margin và dịch vụ IB.



BÁO CÁO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NĂM
2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông CTCP Chứng khoán VietinBank

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (Công ty/VBSE) xin gửi tới Quý cổ đông báo cáo về các phần sau:

- Đánh giá về Công tác quản lý kinh doanh Công ty năm 2025;
- Công tác quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT năm 2025;
- Định hướng kinh doanh năm 2026.

TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2025:

Năm 2025 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế toàn cầu và thị trường chứng khoán thế giới nói chung cũng như nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng do chịu những tác động từ các sự kiện trong và ngoài nước như: Mỹ tiến hành áp thuế quan đối ứng với tất cả các nền kinh tế toàn cầu từ ngày 05/04; quá trình hạ lãi suất của Cục Dự trữ liên bang (FED) và các ngân hàng trung ương lớn khác như Châu Âu, Anh, Canada, Úc diễn ra chậm hơn dự kiến trong bối cảnh lạm phát tiếp tục diễn biến phức tạp và chưa thể chạm mức lạm phát mục tiêu, làm ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam; xung đột chính trị giữa các nước, hay các gói kích cầu nhằm vực dậy thị trường bất động sản Trung Quốc chưa thực sự mang lại hiệu quả cũng là những yếu tố khiến giới đầu tư lo ngại về khả năng tăng trưởng của nền kinh tế. Thị trường cũng ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực trong năm 2025 như việc Việt Nam nhanh chóng đạt được thỏa thuận liên quan đến thuế quan đối ứng với Mỹ, thực hiện được mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm ở mức 8% và được FTSE công bố nâng hạng lên nhóm Thị trường mới nổi dù cần thiết phải tiến hành kiểm tra lại các tiêu chí vào tháng 03 năm 2026. Ở chiều ngược lại, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục phải chịu áp lực bởi nhiều thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến từ các yếu tố vĩ mô như giá vàng trong nước liên tục vượt đỉnh lịch sử từ các bất ổn địa chính trị trên thế giới khiến Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phải đẩy nhanh cơ chế thành lập sản giao dịch vàng, xóa bỏ cơ chế độc quyền vàng miếng; trình trạng thiếu thanh khoản trên hệ thống ngân hàng có dấu hiệu gia tăng trở lại, khiến các ngân hàng phải đồng loạt nâng mặt bằng lãi suất huy động từ tháng 11/2025.

Dưới những tác động nêu trên, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 đã diễn biến theo chiều hướng khó dự báo khi chỉ số VN-Index đã có quãng thời gian tăng nhẹ khoảng 40 điểm (từ cuối tháng 12/2024 đến cuối tháng 03/2025) nhưng sau đó giảm mạnh xuống 1.073,61 điểm vào ngày 09/04 (sau sự kiện thuế quan của Mỹ) trước khi duy trì xu hướng tăng xuyên suốt trong phần còn lại của năm 2025 và đóng cửa năm 2025 tại mức 1.784,49 điểm, tăng 40,87% so với giá đóng cửa phiên giao dịch cuối năm 2024 (1.266,78 điểm). Vốn hóa của VN-Index tính đến cuối



năm 2025 được ghi nhận ở mức 8,31 triệu tỷ đồng, tăng 59,57% so với cuối năm 2024. Thanh khoản trên thị trường năm 2025 trung bình đạt 993,69 triệu cổ phiếu khớp lệnh/ngày, ghi nhận tăng 35,7% so với năm 2024 trong khi giá trị khớp lệnh trung bình đạt 26.457,96 tỷ đồng/ngày, tăng 42,1% so với 2024.

Về tài khoản mở mới, số lượng nhà đầu tư mở tài khoản tiếp tục duy trì xu hướng tăng với tốc độ tăng mạnh mẽ hơn đáng kể với giai đoạn trước đó. Cụ thể, trong năm 2025, nhà đầu tư trong nước đã mở mới gần 2,6 triệu tài khoản chứng khoán, tăng 28,3% so với năm 2024, nhà đầu tư nước ngoài mở mới gần 2,4 nghìn tài khoản, nâng tổng số lượng tài khoản nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam tại 31/12/2025 lên hơn 11,87 triệu tài khoản, tăng 27,6% so với số tài khoản tại cuối năm 2024.

Về tình hình giao dịch của khối ngoại, nhà đầu tư nước ngoài đã tiến hành bán ròng kỷ lục 125.261,09 tỷ đồng trên HOSE trong năm 2025, tăng mạnh so với giá trị bán ròng 90.269,03 tỷ đồng trong năm 2024. Một điểm đáng chú ý là áp lực bán ròng của khối ngoại kéo dài liên tục trong cả năm 2025, với nguyên nhân chủ yếu đến từ việc tỷ giá USD/VND sau một thời gian ổn định đã bất ngờ tăng mạnh trở lại và thiết lập vùng đỉnh lịch sử mới tại mốc 26.500 đồng.

I. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2025

1. Về hoạt động kinh doanh

Kết thúc năm 2025, tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty đạt 2.099,15 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế đạt 714,65 tỷ đồng, tăng 148,67% so với năm 2024, hoàn thành 240,30% kế hoạch Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao (297,4 tỷ đồng), Lợi nhuận sau thuế đạt 577,37 tỷ đồng, tăng 149,85% so với năm 2024. Cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Thực hiện		Tỷ lệ thực hiện năm 2025 so với năm 2024
		Năm 2025	Năm 2024	
I	Doanh thu	2.098.458.761.735	1.036.052.431.257	202,54%
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.170.380.444.790	391.767.991.951	298,74%
1.2	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	79.861.979.479	64.879.576.528	123,09%
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	434.202.879.200	319.637.893.115	135,84%
1.4	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	179.953.509.828	119.525.223.514	150,56%
1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	180.787.476.455	105.190.238.623	171,87%
1.6	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	3.202.727.273	1.120.000.000	285,96%

Handwritten signature

STT	Khoản mục	Thực hiện		Tỷ lệ thực hiện năm 2025 so với năm 2024
		Năm 2025	Năm 2024	
1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	21.603.874.720	8.865.183.340	243,69%
1.8	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	290.000.000	-	-
1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	12.793.796.811	12.989.457.983	98,49%
1.10	Thu nhập hoạt động khác	12.765.257.761	8.271.188.358	154,33%
1.11	Doanh thu hoạt động tài chính	2.616.815.418	3.805.677.845	68,76%
II	Thu nhập khác	689.080.327	2.791.736.431	24,68%
III	Chi phí	1.384.494.990.127	751.452.642.910	184,24%
3.1	Chi phí hoạt động + chi phí quản lý công ty chứng khoán	1.009.745.727.382	494.594.610.512	204,16%
3.2	Chi phí tài chính	374.534.256.246	256.343.679.748	146,11%
3.3	Chi phí khác	215.006.499	514.352.650	41,80%
IV	Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	714.652.851.935	287.391.524.778	248,67%
4.1	Lợi nhuận đã thực hiện	768.601.967.436	301.723.136.270	254,74%
4.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	(53.949.115.501)	(14.331.611.492)	376,43%
V	Lợi nhuận kế toán sau thuế (*)	577.371.584.960	231.086.774.298	249,85%
5.1	Lợi nhuận đã thực hiện	616.832.933.233	242.552.063.493	254,31%
5.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	(39.461.348.273)	(11.465.289.195)	344,18%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty)

(*) Theo chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 210/2014/TT-BTC.

2. Đánh giá các hoạt động kinh doanh chính

Kết quả đạt được của Công ty trong năm 2025 nêu trên chủ yếu đến từ các hoạt động kinh doanh chính là: hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán và kinh doanh vốn, hoạt động môi giới và cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, đại lý và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Cụ thể:

2.1. Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán và kinh doanh vốn

Về hoạt động đầu tư tự doanh: Năm 2025, tình hình thị trường chứng khoán diễn biến phức tạp theo từng giai đoạn, theo đó, Công ty đã bám sát định hướng kinh doanh đưa ra từ ngay đầu

3/ma

năm, kiểm soát giảm quy mô giá trị danh mục đầu tư cổ phiếu, tăng cường quản trị rủi ro, đầu tư an toàn và hiệu quả. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ đạt 1.170,38 tỷ đồng và Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán đạt 79,86 tỷ đồng. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị trái phiếu đầu tư mới theo mệnh giá là 628 tỷ đồng. Giá trị danh mục trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm niêm yết và chưa niêm yết) tại thời điểm 31/12/2025 theo giá vốn đạt 772,26 tỷ đồng, tăng 6,47% so với đầu kỳ. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh hoạt động bảo lãnh phát hành trái phiếu, với giá trị trái phiếu bảo lãnh phát hành trong năm đạt 308 tỷ đồng, thu phí bảo lãnh phát hành 2,61 tỷ đồng.

Về hoạt động kinh doanh vốn: Năm 2025, Công ty đã triển khai hiệu quả, đảm bảo thanh khoản để phục vụ hoạt động kinh doanh đồng thời tối ưu hóa chi phí vốn trong điều kiện thị trường tài chính tiếp tục chịu nhiều biến động khi lãi suất toàn cầu vẫn duy trì ở mức cao, tỷ giá VND/USD biến động lớn, giá vàng tăng cao và môi trường kinh tế còn nhiều thách thức. Tính đến hết năm 2025, Công ty đã thiết lập và mở rộng quan hệ với gần 50 tổ chức tín dụng và các định chế tài chính, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tổng hạn mức tín dụng, hạn mức vay vốn và bảo lãnh Công ty được cấp đến 31/12/2025 quy đổi ra VND đạt hơn 33 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực triển khai các phương án kinh doanh vốn để góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận đạt được trong năm.

2.2. Hoạt động môi giới và cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục tăng cường đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ với kết quả tương đối tích cực. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán toàn Công ty năm 2025 đạt 180,79 tỷ đồng tăng mạnh 71,87% so với năm 2024. Doanh thu từ tiền lãi margin thu được năm 2025 là 419,3 tỷ đồng, tăng 36,59% so với năm 2024.

Công ty luôn chú trọng kiểm soát chặt chẽ rủi ro hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, đảm bảo tuân thủ các giới hạn về cho vay giao dịch ký quỹ theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Với việc quản lý danh mục vay thận trọng, điều chỉnh linh hoạt theo diễn biến thị trường cùng với áp dụng các chương trình, chính sách phí ưu đãi, dư nợ margin cuối năm 2025 của Công ty tăng trưởng mạnh, tăng 53,2% so với cuối kỳ năm 2024, đạt 4.892,466 tỷ đồng.

2.3. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp và đại lý phát hành chứng khoán

Năm 2025, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty đã có những bước đột phá. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đại lý phát hành toàn Công ty đạt gần 22,2 tỷ đồng, tăng 122,3% so với năm 2024, trong đó doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính đạt 21,6 tỷ đồng, tăng 143,69%, doanh thu từ hoạt động đại lý phát hành đạt 0,59 tỷ đồng.

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp và đại lý phát hành chứng khoán của Công ty đã ghi nhận doanh thu tăng trưởng vượt trội trong năm 2025 nhờ vào việc hoàn thành nhiều hợp đồng có giá trị lớn, phát triển tệp khách hàng chất lượng, tăng giá trị cốt lõi, bền vững, đồng thời tạo tiềm năng mở rộng cho các năm tới. Bên cạnh đó, với nỗ lực không ngừng của Công ty trong việc thích ứng những thay đổi và nắm bắt cơ hội của thị trường, cùng năng lực triển khai dịch vụ tư vấn được nâng cao và nhu cầu thị trường hồi phục trong nửa cuối năm đã đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của hoạt động này trong năm 2025.



3. Đánh giá các hoạt động hỗ trợ và quản trị rủi ro

3.1. Hoạt động nghiên cứu phân tích, phát triển sản phẩm

Trong năm 2025, hoạt động nghiên cứu phân tích và phát triển sản phẩm của Công ty tiếp tục cung cấp được nhiều bản tin nhận định và khuyến nghị bổ ích tới nhà đầu tư, thực hiện các báo cáo chuyên sâu mang tính chất định hướng, hỗ trợ cho mảng nghiệp vụ môi giới chứng khoán và các phòng ban nghiệp vụ khác trong nội bộ. Bên cạnh đó, nghiệp vụ phát triển sản phẩm cũng đẩy mạnh với nhiều hoạt động, dự án được triển khai như: (i) Dự án nâng cấp phần mềm MobileTrading và WebTrading với nhiều trải nghiệm và tiện ích mới; (ii) Test tuân thủ, chuyển đổi và chính thức kết nối, triển khai hệ thống KRX, nâng cấp Core, chuyển đổi Core, thay đổi nhận diện thương hiệu; (iii) Các hoạt động khác như khảo sát/nghiên cứu các sản phẩm mới và xây dựng các chương trình marketing (Chương trình ưu đãi kép kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty, kết nối với Khối Bán lẻ VietinBank quảng bá chương trình ưu đãi kép trên ứng dụng VietinBank Ipay,..) cũng được chú trọng để giúp gia tăng độ nhận diện thương hiệu của Công ty cũng như thu hút khách hàng mở mới/duy trì hoạt động của tài khoản.

3.2. Công tác quản lý kế toán, tài chính

Hoạt động quản lý tài chính kế toán của Công ty năm 2025 tiếp tục có được sự phối hợp chặt chẽ giữa các Đơn vị nội bộ trong việc theo dõi, hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác và minh bạch các khoản mục tài sản, nguồn vốn, tình hình đầu tư kinh doanh của Công ty cũng như số dư tiền gửi của khách hàng giao dịch chứng khoán theo chế độ quy định. Toàn bộ các số liệu kế toán được cập nhật, lưu trữ và theo dõi tập trung trên hệ thống phần mềm nghiệp vụ, giúp tối ưu hóa công tác kiểm soát và truy xuất dữ liệu định kỳ. Công tác kế toán tài chính trong năm 2025 cũng đã hỗ trợ, phối hợp khá chặt chẽ với các Đơn vị nội bộ thực hiện điều tiết, cân đối vốn, đảm bảo thanh khoản an toàn, ổn định và đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định của pháp luật.

3.3. Hoạt động công nghệ thông tin

Trong năm 2025, bên cạnh việc bảo đảm Hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT) vận hành ổn định, an toàn và liên tục, Công ty đã triển khai thành công nhiều dự án trọng điểm như: Dự án nâng cấp Core chứng khoán nhằm đáp ứng yêu cầu Core mới theo mô hình KRX của các Sở Giao dịch Chứng khoán; triển khai hệ thống Web/App thể hệ mới dành cho nhà đầu tư; nâng cấp website Công ty; triển khai dự án Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) và các dự án rà soát, đánh giá an toàn thông tin, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thực hiện đồng bộ nhiều dự án nâng cấp hạ tầng CNTT không chỉ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, yêu cầu của cơ quan quản lý mà còn góp phần gia tăng năng lực xử lý, mức độ an toàn và an ninh cho toàn bộ hệ thống. Ngoài ra, trong năm vừa qua, Công ty đã tích cực phối hợp với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong việc triển khai các nội dung liên quan đến kết nối hạ tầng CNTT, phục vụ các dự án giao dịch chứng chỉ tiền gửi trên nền tảng iPay, cũng như các hoạt động chia sẻ và kết nối thông tin khách hàng.

3.4. Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

Năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì mô hình cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro theo ba tuyến bảo vệ độc lập và thực hiện đầy đủ các bước trong quy trình quản lý rủi ro, bao gồm: nhận diện, đo lường, theo dõi, kiểm soát và xử lý, báo cáo rủi ro đối với các rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng

đến hoạt động của Công ty và quyền lợi của khách hàng. Công tác quản trị rủi ro tiếp tục được tăng cường, chú trọng và luôn song hành cùng các hoạt động kinh doanh nhằm phát hiện sớm các rủi ro tiềm ẩn, đưa ra các cảnh báo rủi ro kịp thời, qua đó giúp VBSE chủ động phòng ngừa và hạn chế các tổn thất có thể xảy ra. Ban Lãnh đạo cùng các tuyến bảo vệ thường xuyên thực hiện việc đánh giá rủi ro trong các hoạt động đầu tư, kinh doanh vốn, cho vay giao dịch ký quỹ, quản lý các khoản nợ đến hạn và quá hạn, rủi ro tác nghiệp, cũng như rủi ro đối với các sản phẩm mới, từ đó đưa ra các cảnh báo và biện pháp quản lý rủi ro phù hợp, hiệu quả.

3.5. Quản lý công tác tổ chức, lao động tiền lương

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tập trung tuyển dụng nhân sự có năng lực, đồng thời thực hiện bổ nhiệm, điều động và luân chuyển cán bộ nội bộ nhằm kiện toàn cơ cấu tổ chức, đáp ứng yêu cầu hoạt động và chiến lược phát triển của các đơn vị. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được đẩy mạnh thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và các khóa đào tạo chuyên sâu bên ngoài, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý và hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ, nhân viên.

Chính sách tiền lương của Công ty tiếp tục được xây dựng trên cơ sở kết quả đánh giá hiệu quả công việc (KPIs), bảo đảm tính công bằng, minh bạch, gắn với năng lực và mức độ đóng góp của người lao động. Đồng thời, Công ty thường xuyên rà soát, cải tiến cơ chế đãi ngộ nhằm nâng cao khả năng thu hút và giữ chân nhân sự chất lượng cao, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững trong dài hạn.

3.6. Công tác hành chính quản trị

Trong năm 2025, công tác hành chính – quản trị được tổ chức hiệu quả, đáp ứng kịp thời yêu cầu phục vụ các hoạt động của Công ty. Hệ thống cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ và phương tiện phục vụ công việc được đầu tư, nâng cấp, bảo trì và bảo dưỡng định kỳ, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành.

Công ty duy trì tốt công tác bảo đảm an ninh, an toàn tại trụ sở và các đơn vị trực thuộc; công tác phòng, chống cháy nổ được triển khai đầy đủ, tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, bảo đảm môi trường làm việc an toàn, ổn định cho người lao động.

4. Công tác an sinh xã hội

Trong năm 2025, VBSE tiếp tục khẳng định cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua việc duy trì và triển khai nhiều hoạt động an sinh xã hội thiết thực. Công ty thực hiện đóng góp vào các quỹ xã hội, từ thiện và tích cực tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng thông qua hoạt động của Công đoàn và Đoàn Thanh niên.

Bên cạnh đó, Công ty chủ động tham gia và khởi xướng các chương trình thiện nguyện có ý nghĩa, đề hướng tới các giá trị lâu dài, góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín thương hiệu và thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội, cụ thể:

- Đồng hành cùng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thành phố Hà Nội tổ chức chương trình “Tháng Ba biên giới” tại xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang - một hành trình ý nghĩa hướng về vùng đất địa đầu Tổ quốc.

- Tổ chức chương trình “Hành trình về nguồn – Tìm về quê Bác” tại Nghệ An cho đảng viên, quần chúng ưu tú.
- Trao tặng bằng chứng nhận những đóng góp tích cực trong việc hỗ trợ bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn và đồng hành cùng bệnh viện lan tỏa những giá trị nhân ái tới cộng đồng tại “Lễ kỷ niệm Ngày Công tác Xã hội Việt Nam 25/3 – Tri ân các nhà hảo tâm” do Phòng Công tác Xã hội Bệnh viện Châm cứu Trung ương tổ chức.
- Chủ động, trực tiếp phối hợp với Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương tổ chức đợt hiến máu tại đơn vị.
- Đồng hành cùng VietinBank tổ chức Lễ Khởi công công trình “VietinBank đồng hành cùng em” tại Trường PTDT Bán trú THCS Văn Vũ (huyện Na Ri, tỉnh Bắc Kạn - nay thuộc tỉnh Thái Nguyên).
- Phối hợp cùng Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Khối Khách hàng Doanh nghiệp và các Chi nhánh VietinBank tổ chức lễ dâng hoa, dâng hương tưởng niệm tại Nghĩa trang Liệt sĩ Ngọc Hồi, Hà Nội nhân kỷ niệm 78 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2025).
- Thực hiện ủng hộ 100.000.000 đồng cho nhân dân Thành phố Đà Nẵng bị ảnh hưởng do bão lũ gây ra (thông qua Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam - Thành phố Đà Nẵng).

5. Các nội dung khác:

- Ngoài các hoạt động nêu trên, trong năm 2025 Công ty đã thực hiện thành công việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank, ra mắt Logo và nhận diện thương hiệu mới với tên thương hiệu VBSE, qua đó đã giúp Công ty tái định vị thương hiệu với định hướng đổi mới tư duy và mục tiêu xây dựng hình ảnh theo chuẩn mực quốc tế, năng động và chuyên nghiệp.
- Thành tựu của VBSE trong năm 2025 cũng được ghi nhận thông qua Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Tập thể đã có những thành tích, đóng góp đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025; Danh hiệu Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025 do Ngân hàng VietinBank trao tặng và Giải thưởng Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500) do Vietnam Report phối hợp báo VietnamNet công bố.
- Trong năm 2025, Công ty không triển khai thực hiện đợt phát hành trái phiếu nào.

II. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ CÁC THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2025

Tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank, với các định hướng kinh doanh đã đề ra và mục tiêu chung cả năm 2025 của Công ty cũng như nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã giao, cũng như trên cơ sở diễn biến thực tế và nhận định dự báo thị trường trong năm, HĐQT và các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã luôn sát cánh, tích cực phát huy vai trò của các cấp lãnh đạo, Người quản lý, Người điều hành trong việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả và an toàn. Theo đó, trong năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các Đơn vị trong Công ty tiếp tục tăng cường công tác bán chéo sản phẩm dịch vụ, đẩy mạnh khai thác hệ sinh thái VietinBank để phát triển khách hàng, gia tăng doanh thu,

[Handwritten signature]

lợi nhuận cho Công ty, đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh cốt lõi như: khai thác tối đa cơ hội thị trường trên cơ sở định hướng đã đặt ra để giao dịch tự doanh cổ phiếu, trái phiếu một cách hiệu quả, kết hợp quản trị rủi ro danh mục chặt chẽ; tiếp tục đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán và gia tăng quy mô cho vay giao dịch ký quỹ (dư nợ margin bình quân năm 2025 đã tăng mạnh +46,63% so với mức bình quân của năm 2024, dư nợ margin năm 2025 đạt 4.892,5 tỷ đồng (tăng +53,2% so với năm 2024)). Bên cạnh đó, dưới sự chỉ đạo, lãnh đạo và hỗ trợ của HĐQT, các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty và sự nỗ lực của các Đơn vị nội bộ, năm 2025 Công ty đã tiếp tục mở rộng quan hệ với các định chế tài chính trong ngoài nước và các doanh nghiệp để kịp thời đáp ứng nhu cầu vốn cho các hoạt động kinh doanh với chi phí sử dụng vốn hợp lý dù thị trường lãi suất có xu hướng gia tăng trong những tháng cuối năm, tình hình thanh khoản của Công ty trong năm 2025 luôn được đảm bảo an toàn, ổn định. Song song với nhiệm vụ thúc đẩy hoạt động kinh doanh, HĐQT cũng đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các Đơn vị trong Công ty tập trung tăng cường kiểm soát rủi ro đối với tất cả hoạt động, từ đó, không phát sinh các rủi ro trọng yếu trong năm; tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kiểm toán, kiểm tra kiểm soát; duy trì và tăng cường công tác rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách quy định nội bộ. Các hoạt động liên quan đến phát triển nguồn nhân lực, tinh gọn, đổi mới, nâng cao chất lượng nhân sự cũng như thúc đẩy chuyên đổi số, đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống CNTT cũng được HĐQT chỉ đạo triển khai, đẩy mạnh... Nhìn chung các mặt hoạt động của Công ty năm 2025 đều được HĐQT và các thành viên HĐQT tích cực quan tâm sâu sát, các nhiệm vụ theo yêu cầu của ĐHCĐ cũng đã được HĐQT triển khai đầy đủ.

Cụ thể:

1. Kết quả hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- 1.1. HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (Điều lệ Công ty).
- 1.2. Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty đã được ĐHCĐ thông qua, HĐQT đã xác định các mục tiêu hoạt động, phê duyệt việc phân bổ chỉ tiêu kinh doanh cho các Đơn vị và giám sát việc triển khai thực hiện để hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.
- 1.3. Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 32 cuộc họp trực tiếp với sự tham gia đầy đủ của 100% các thành viên HĐQT (trong đó đảm bảo họp định kỳ tối thiểu 01 quý/01 lần và họp bất thường khi có các vấn đề phát sinh), qua đó kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành và quản lý rủi ro của Công ty, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc, đưa ra các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động, giám sát công tác quản trị rủi ro và kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh doanh. Các thành viên HĐQT luôn tích cực tham gia các cuộc họp HĐQT, cũng như tích cực nghiên cứu, cho ý kiến đối với các quyết sách, phê duyệt của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao.

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, hợp lệ, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản

trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT tích cực thảo luận, trao đổi và cho ý kiến. Các nội dung phải được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT cũng đã được Chủ tịch HĐQT tổ chức họp để lấy ý kiến các thành viên HĐQT đầy đủ theo quy định.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp, Chủ tịch HĐQT cũng thực hiện Lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các quyết nghị và ban hành 210 Nghị quyết HĐQT theo phương thức trên.

Tổng cộng số lượng Nghị quyết HĐQT Công ty đã ban hành trong năm 2025 là 242 Nghị quyết.

Chi tiết thông tin về các cuộc họp HĐQT, nội dung các Nghị quyết của HĐQT ban hành trong năm 2025 và các nội dung liên quan đến tình hình quản trị Công ty đã được Công ty trình bày tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 và thực hiện công bố thông tin đến toàn thể cổ đông và nhà đầu tư, các Cơ quan quản lý theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

1.4. Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của Thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT:

Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 ngày 24/04/2025 của Công ty, ĐHĐCĐ đã thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên độc lập HĐQT Công ty đối với Bà Phạm Thị Huyền Trang kể từ ngày 24/04/2025 và bầu bổ sung Ông Phạm Việt Hùng làm Thành viên độc lập HĐQT Công ty. Theo đó:

- Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 23/04/2025: Thành viên độc lập HĐQT Công ty là Bà Phạm Thị Huyền Trang.
- Từ ngày 24/04/2025 đến 31/12/2025: Thành viên độc lập HĐQT Công ty là Ông Phạm Việt Hùng.

Trong năm 2025, ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của Thành viên HĐQT, trên cương vị là Thành viên độc lập HĐQT, trong thời gian đảm nhận chức vụ, Bà Phạm Thị Huyền Trang và Ông Phạm Việt Hùng đã thực hiện vai trò Thành viên độc lập HĐQT của Công ty theo quy định của pháp luật, giám sát hoạt động của Công ty đảm bảo cho lợi ích của các cổ đông, tham dự đầy đủ, thường xuyên đóng góp ý kiến trên cương vị độc lập và biểu quyết tại 100% cuộc họp của HĐQT/lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản. Thành viên độc lập HĐQT cũng đã chủ động đưa ra những ý kiến đóng góp/đề xuất đối với hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro và quản lý điều hành của Công ty.

Theo đánh giá chung của các Thành viên độc lập HĐQT:

- Năm 2025, HĐQT Công ty đã hoạt động một cách tích cực, trách nhiệm đối với triển khai và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng

quản trị Công ty. Nội dung thảo luận trong các cuộc họp HĐQT đảm bảo minh bạch, độc lập, trên tinh thần xây dựng, tiếp thu ý kiến đóng góp của các thành viên.

- HĐQT đã triển khai, giám sát, góp ý với Ban Tổng Giám đốc trong xây dựng chiến lược trung hạn và kế hoạch kinh doanh của Công ty, xác định các mục tiêu hoạt động cho các Đơn vị trên cơ sở các mục tiêu, kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua đảm bảo lợi ích của cổ đông, lợi ích của Công ty và quyền lợi của người lao động, quyền lợi của khách hàng;
- HĐQT cũng tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển công tác bán chéo sản phẩm để khai thác hiệu quả từ hệ sinh thái của Ngân hàng mẹ, tăng cường đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm dịch vụ cốt lõi phù hợp với xu hướng và diễn biến của thị trường cũng như định hướng của Công ty như môi giới và cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán; kinh doanh vốn; tư vấn tài chính doanh nghiệp; ... và tiếp tục duy trì, tối ưu hóa hiệu quả quản trị điều hành, quản lý rủi ro tại Công ty.
- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức họp thường kỳ và tổ chức họp khi cần thiết để nắm bắt tình hình, kết quả hoạt động và đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty. HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị Công ty, qua đó HĐQT đã có các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc trong công tác điều hành, triển khai các nhiệm vụ kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc.
- Năm 2025, thị trường chứng khoán tiếp tục chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố vĩ mô trong và ngoài nước, mặc dù vậy, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chủ động bám sát, đánh giá và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời để Công ty đạt được chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ đề ra. Kết quả, với sự nỗ lực và đồng lòng cố gắng HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Lợi nhuận trước thuế năm 2025 được ĐHĐCĐ giao.

2. Giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

2.1. Giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó:

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành 10 (mười) Nghị quyết chấp thuận thông qua việc Giao dịch với người có liên quan, cụ thể:

- (1) Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 04/04/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng Đặt lệnh giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư lưu ký tại ngân hàng lưu ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội.



- (2) Nghị quyết số 73/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 17/04/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng khung giao dịch mua bán giấy tờ có giá và thực hiện giao dịch mua/bán giấy tờ có giá với Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- (3) Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 22/05/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Phụ lục Hợp đồng đính kèm Hợp đồng tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng số 16B/2022/TVCB/CKCT07 - VIETINBANK ngày 29/09/2022 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) về việc chào bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ra công chúng của VietinBank.
- (4) Nghị quyết số 165/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 29/09/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng Tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu, Tư vấn niêm yết Trái Phiếu phát hành ra công chúng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) với VietinBank.
- (5) Nghị quyết số 191/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 14/11/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng khung giao dịch mua bán Giấy Tờ Có Giá và thực hiện giao dịch mua/bán Giấy Tờ Có Giá với Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Indovina (IVB).
- (6) Nghị quyết số 213/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 15/12/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng cho thuê văn phòng với Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- (7) Nghị quyết số 215/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 18/12/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Một thành viên Vàng Bạc Đá Quý Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam để thực hiện gói mua sắm quà tặng cao cấp tri ân đối tác khách hàng nhân dịp năm mới 2026.
- (8) Nghị quyết số 218/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 23/12/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng Đại lý đăng ký và Đại lý thanh toán Trái Phiếu phát hành ra công chúng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) với VietinBank.
- (9) Nghị quyết số 221/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 24/12/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng mua bảo hiểm sức khỏe với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- (10) Nghị quyết số 230/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 31/12/2025 chấp thuận việc Công ty ký kết Hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Một thành viên Vàng Bạc Đá Quý Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam để thực hiện gói mua sắm quà tặng phổ thông tri ân đối tác khách hàng nhân dịp năm mới 2026.

Ngoài ra Nghị quyết số 200/2024/NQ-HĐQT-CKCT ngày 26/09/2024 của Hội đồng quản trị về việc Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng, giao dịch với người có liên quan (*gồm thông tin Đối tác/Bên liên quan, Phạm vi các Hợp đồng/Giao dịch và Giá trị giao dịch lũy kế tới đã trong năm*) vẫn còn hiệu lực.

- 2.2. *Giao dịch giữa công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó: Công ty hiện không có công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ.*

2.3. *Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:*

- Không có.

Thông tin chi tiết về các giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn; giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch phát sinh trong năm 2025 và số dư với các bên liên quan đã được Công ty trình bày tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam) và tại Phần VII Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 được công bố thông tin đến toàn thể cổ đông và nhà đầu tư, các Cơ quan quản lý theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Về kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty:

Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã giám sát Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ, các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch được giao theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác trong việc điều hành công việc kinh doanh và hoạt động hằng ngày của Công ty được thực hiện thông qua các quyết nghị, chỉ đạo cụ thể của HĐQT đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty tại các cuộc họp HĐQT định kỳ/bất thường khi có phát sinh và trong các Nghị quyết được HĐQT phê duyệt theo phương thức Lấy ý kiến bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, đồng thời giám sát qua các kênh như qua cơ chế báo cáo của Tổng Giám đốc lên HĐQT, qua hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, ...

Thông qua hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty, HĐQT nhận thấy Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các nội dung định hướng, chỉ đạo của HĐQT và các công việc theo chức năng nhiệm vụ được giao trên cơ sở quy định tại Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành. Trong năm 2025, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trình HĐQT thông qua, trên cơ sở đó, Tổng Giám đốc giao nhiệm vụ kinh doanh cụ thể tới từng đơn vị liên quan để triển khai và thực hiện báo cáo HĐQT về kết quả thực hiện theo quy định. Tại các phiên họp định kỳ của HĐQT, Tổng Giám đốc đã thực hiện báo cáo về các mảng hoạt động của Công ty và kế hoạch hoạt động kinh doanh trong thời gian tiếp theo, bên cạnh đó Tổng Giám đốc cũng đã thực hiện việc báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT và báo cáo theo yêu cầu của HĐQT.

HĐQT cũng giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành của Ban Tổng Giám đốc đối với các quy chế, quy định, quyết định/nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT nhằm bảo đảm an toàn, hiệu quả cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Năm 2025, HĐQT Công ty cũng đã phê duyệt ban hành Quy chế về hoạt động giám sát của HĐQT nhằm mục đích tạo cơ chế thống nhất cho hoạt động giám sát của HĐQT để đảm bảo hoạt động giám sát được minh bạch và hiệu quả.



HĐQT ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 giao cũng như trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2025.

Tiền lương của Người điều hành Công ty năm 2025 (tính cả **tiền lương** của các Người điều hành kiêm nhiệm Thành viên HĐQT Công ty) là **13.361.277.709 đồng**. Cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Ông Vũ Đức Mạnh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.666.160.000
2	Ông Đặng Anh Hào – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.859.652.785
3	Ông Phạm Ngọc Hiệp – Phó Tổng Giám đốc Công ty	1.790.949.971
4	Ông Nguyễn Tuấn Anh – Phó Tổng Giám đốc Công ty	1.701.710.073
5	Bà Trần Thị Ngọc Tài – Phó Tổng Giám đốc Công ty	1.701.710.073
6	Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Kế toán trưởng Công ty	1.398.294.422
7	Ông Hà Ngọc Hùng – Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.239.900.463
8	Bà Lê Diệu Thúy – Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	997.889.496
	TỔNG CỘNG	13.361.277.709

4. Về thực hiện một số nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty:

❖ **Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025:**

(1) Về việc thực hiện Phương án phân phối lợi nhuận:

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT ngày 24/04/2025, ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, theo đó Công ty đã thực hiện trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2024 theo đúng nội dung được ĐHĐCĐ thông qua.

(2) Về việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2025 ĐHĐCĐ thường niên 2025 giao cho Công ty:

- Về kết quả kinh doanh, lợi nhuận: Năm 2025, Công ty đạt 714,65 tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế, hoàn thành 240,30% kế hoạch Lợi nhuận trước thuế năm 2024 được ĐHĐCĐ giao (297,4 tỷ đồng).
- Về cổ tức: Tỷ lệ cổ tức dự kiến theo kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên 2025 của Công ty phê duyệt là 9%. Hiện Công ty đã xây dựng Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa

phân phối đến hết năm 2025 với tỷ lệ phát hành là 28% trình ĐHĐCĐ thường niên 2026.

(3) Về nội dung ĐHĐCĐ thường niên 2025 ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét/ kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên/năm 2025 của Công ty:

- Ngày 19/06/2025, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 112/2025/NQ-HĐQT-CKCT phê duyệt việc lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2025 và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 của Công ty.
- Ngày 30/06/2025, Công ty đã ký Hợp đồng với Công ty TNHH PwC (Việt Nam) để thực hiện các nội dung nêu trên và thực hiện Công bố thông tin theo quy định.

(4) Về Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT và mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025; và Tình hình thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT Công ty và từng thành viên HĐQT năm 2025: Được Công ty thực hiện trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 và các quy định nội bộ của Công ty. Cụ thể:

- Kế hoạch Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT và mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty năm 2025 được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua là: *Tối đa 6% Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2025.*
- **Tổng lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác của HĐQT và tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác của Ban Kiểm soát Công ty năm 2025 là: 11.727.682.350 đồng, bằng 2,03% Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2025.**

Trong đó, Tổng lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên HĐQT năm 2025 là: **8.646.864.901 đồng** (gồm cả thù lao của các Thành viên HĐQT không chuyên trách, Thành viên độc lập HĐQT; lương, thưởng và lợi ích khác theo Quy định chi trả tiền lương và các quy định nội bộ của Công ty đối với các Thành viên HĐQT chuyên trách hoặc kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành tại Công ty như Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty).

Cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác của các thành viên HĐQT năm 2025	8.646.864.901
-	Ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch HĐQT	3.003.736.905
-	Ông Vũ Đức Mạnh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.999.965.000

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
-	Ông Đặng Anh Hào – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (từ 01/01/2025 đến 23/04/2025)	784.981.200
-	Bà Hồ Thị Thu Hiền – Thành viên HĐQT	444.701.145
-	Bà Bùi Thị Thanh Thúy - Thành viên HĐQT (từ 24/04/2025 đến 17/11/2025)	245.025.135
-	Bà Trần Thu Trang - Thành viên HĐQT (từ 18/11/2025 đến 31/12/2025)	72.517.420
-	Bà Phạm Thị Huyền Trang – Thành viên độc lập HĐQT (từ 01/01/2025 đến 23/04/2025)	292.314.286
-	Ông Phạm Việt Hùng - Thành viên độc lập HĐQT (từ 24/04/2025 đến 31/12/2025)	803.623.810
2	Tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác của Ban Kiểm soát năm 2025	3.080.817.449
-	Bà Phan Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	1.441.320.643
-	Bà Lâm Thị Thu Hương – Kiểm soát viên	780.280.644
-	Bà Trần Thị Kim Oanh – Kiểm soát viên	859.216.162
	TỔNG CỘNG	11.727.682.350

(5) Về việc triển khai thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua:

Công ty đã hoàn thành việc thực hiện việc tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024 của Công ty với tỷ lệ phát hành 43%. Cụ thể:

- Ngày 19/06/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 111/2025/NQ-HĐQT-CKCT về việc Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024 của Công ty trong đó: Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 63.955.127 cổ phiếu; Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành: 212.693.438 cổ phiếu; Vốn điều lệ sau phát hành là **2.126.934.380.000 đồng**.
- Ngày 27/06/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã có văn bản số 2918/UBCK-QLKD về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty.
- Ngày 16/07/2025, Công ty được UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 50/GPDC-UBCK, và ngày 04/09/2025 được Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài

chính Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 13, trong đó Vốn điều lệ của Công ty là **2.126.934.380.000 đồng**.

- Số vốn điều lệ tăng thêm là **639.551.270.000 đồng** từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT ngày 24/04/2025, nguồn vốn thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024 của Công ty nêu trên đã được ghi nhận tại chỉ tiêu “Vốn góp của chủ sở hữu” tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam) và được Công ty sử dụng để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định pháp luật.

(6) *Về nhân sự thành viên HĐQT Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025:*

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT ngày 24/04/2025, các Thành viên HĐQT được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 là Bà Bùi Thị Thanh Thúy – Thành viên HĐQT và Ông Phạm Việt Hùng – Thành viên độc lập HĐQT đã tiếp quản công việc, nhận nhiệm vụ của Thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 24/04/2025.

❖ **Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025:**

- (1) *Về việc ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn hợp nhất Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; giao người có thẩm quyền ký ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được ĐHĐCĐ thông qua:*

Ngày 18/11/2025 sau khi cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 kết thúc, Chủ tịch HĐQT Công ty đã ký ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và các Văn bản này đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- (2) *Về việc Thay đổi tên Công ty theo ĐHĐCĐ bất thường năm 2025:*

- Ngày 10/12/2025, Công ty đã được UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 133/GPĐC-UBCK, trong đó điều chỉnh nội dung tên công ty như sau:
 - + Tên Công ty viết đầy đủ bằng tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank**
 - + Tên Công ty viết đầy đủ bằng tiếng Anh: **VietinBank Securities Joint Stock Company**
 - + Tên Công ty viết tắt: **VBSE**
- Ngày 25/12/2025, Công ty đã được Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 với nội dung thay đổi tên Công ty như trên.
- Ngày 30/12/2025, Công ty đã thực hiện công bố thông tin Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Công ty và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty được sửa đổi theo tên mới của Công ty là Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank, căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT ngày 18/11/2025, Nghị quyết số 229/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 29/12/2025 của HĐQT Công ty và Biên bản họp số 05.2025/BB.BKS.CKCT ngày 29/12/2025 của Ban Kiểm soát Công ty.

(3) Về nhân sự thành viên HĐQT Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2025:

Căn cứ Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT ngày 18/11/2025, Bà Trần Thu Trang - Thành viên HĐQT được bầu tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 đã tiếp quản công việc, nhận nhiệm vụ của Thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 18/11/2025.

III. ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2026:

1. Nhận định chung thị trường năm 2026

Theo nhận định, một số yếu tố mang tính dẫn dắt, định hình xu hướng vận động của thị trường chứng khoán Việt Nam xuyên suốt cả năm 2026 bao gồm: mặt bằng lãi suất ổn định, đi cùng với chính sách điều hành tiền tệ linh hoạt của NHNN, ngoài ra, việc dòng vốn FDI tiếp tục tăng mạnh vào Việt Nam, cũng như thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư công từ Chính phủ cũng nên coi là tín hiệu thuận lợi của thị trường khi ảnh hưởng tích cực tới nhiều nhóm ngành then chốt. Trong dài hạn, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn nhiều điểm sáng như môi trường chính trị ổn định, quyết tâm chính thức nâng hạng thị trường của các Bộ/Ban ngành đi cùng với đó là những sản phẩm tài chính mới khi hệ thống KRX đi vào hoạt động là những nhân tố có thể thu hút được sự quan tâm của dòng vốn ngoại. Tuy nhiên, cũng cần chú ý tới một số những yếu tố có thể đem tới rủi ro cho thị trường như các yếu tố liên quan đến tỷ giá USD/VND, lạm phát, thuế quan từ Mỹ trước các chính sách quyết liệt và đột ngột trong nhiệm kỳ hai của Tổng thống Donald Trump cùng tình hình căng thẳng địa chính trị trên toàn cầu gia tăng, nhất là tại khu vực Trung Đông khi cuối tháng 02/2026 Mỹ và Israel đồng loạt tiến hành không kích Iran và các động thái đáp trả ngược lại từ phía Iran, qua đó kéo theo giá dầu Brent thế giới đồng loạt bật tăng mạnh và đẩy giá xăng dầu tại hàng loạt quốc gia châu Á tăng vọt hơn 30% trong một tuần và tăng hơn 60% đối với giá khí đốt tại khu vực châu Âu. Trước những diễn biến trên, thị trường chứng khoán thế giới nói chung và châu Á nói riêng đồng loạt sụt giảm mạnh, đặc biệt là tại các quốc gia phải tiến hành nhập khẩu dầu mỏ do lo ngại lạm phát tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cắt giảm lãi suất để hỗ trợ kinh tế của các ngân hàng trung ương.

Theo đó, với kịch bản tích cực (xác suất 60%), chỉ số VN-Index được nhận định có thể sẽ sideway dài trong vùng 1.600 – 1.775 điểm, với các điều kiện để kịch bản này xảy ra bao gồm: (1) Chính sách nới lỏng tiền tệ của Fed vẫn duy trì, không có cú sốc địa chính trị và tài chính quá lớn; (2) Cuộc chiến Mỹ - Israel - Iran sẽ không duy trì kéo dài, giá năng lượng sẽ ổn định giúp cho vĩ mô thế giới không bị biến động mạnh, tạo dư địa cho các ngân hàng trung ương toàn cầu thực hiện các biện pháp kích thích kinh tế; (3) Chính sách tiền tệ trong nước thuận lợi với tăng trưởng tín dụng cao nhưng không méo mó, dòng tiền chảy vào sản xuất, tiêu dùng, hạ tầng, thị trường vốn giúp kiểm soát tốt tình hình lạm phát và hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GDP năm

2026 ở mức 10%; (4) Việt Nam đáp ứng được các tiêu chí nâng hạng của FTSE trong kỳ review tháng 03/2026 và được nâng hạng chính thức lên Emerging Market, thu hút dòng vốn ngoại ròng 10 – 15 tỷ USD (ETF + Quỹ chủ động); (5) Thanh khoản thị trường trung bình đạt mức 40.000 – 50.000 tỷ đồng/phiên.

2. Mục tiêu của Công ty năm 2026

Trên cơ sở những nhận định về thị trường chứng khoán nêu trên, Công ty đặt mục tiêu năm 2026 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối với các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi phù hợp với xu hướng và nhận định thị trường, duy trì và tối ưu hóa hiệu quả quản trị điều hành, quản lý rủi ro tại Công ty. **Theo đó, Công ty xây dựng kế hoạch Lợi nhuận trước thuế năm 2026 trình ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua là 454 tỷ đồng.**

3. Một số định hướng cụ thể

3.1. Khai thác hiệu quả hệ sinh thái NHCTVN

Với lợi thế là công ty con của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - một trong những ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước lớn nhất tại Việt Nam, Công ty đã định hướng và triển khai mạnh mẽ chiến lược bán chéo nhằm khai thác tối đa giá trị của hệ sinh thái VietinBank. Theo đó, Công ty tập trung: (i) Tích cực thúc đẩy bán chéo các sản phẩm, dịch vụ thuộc các mảng môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp và kinh doanh vốn; (ii) Xây dựng các chương trình ưu đãi phù hợp với định hướng theo từng thời kỳ của Công ty (iii) Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động bán chéo. Qua đó, Công ty góp phần hình thành và phát triển hệ sinh thái VietinBank trở nên đồng bộ, toàn diện, tối ưu và hiệu quả.

3.2. Hoạt động môi giới chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ

Với định hướng xuyên suốt là ưu tiên tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán và gia tăng thị phần, đồng thời tiếp tục tăng trưởng quy mô dư nợ margin, năm 2026, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và tiến hành triển khai các giải pháp: (i) Thúc đẩy gia tăng giao dịch của khách hàng thông qua cải tiến phần mềm giao dịch chứng khoán với nhiều tiện ích và tính năng ưu việt thu hút nhà đầu tư; Gia tăng chất lượng khuyến nghị, chất lượng các bản tin/báo cáo, linh hoạt với diễn biến thị trường; triển khai các gói sản phẩm, chương trình ưu đãi để thu hút khách hàng; nghiên cứu chính sách thu hút các Quỹ đầu tư trong nước/nước ngoài, các khách hàng tổ chức/khách hàng doanh nghiệp mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty; (ii) Đẩy mạnh hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ hướng tới khai thác tối đa hạn mức margin trên vốn chủ sở hữu toàn Công ty trên cơ sở đảm bảo quản trị rủi ro cho vay chặt chẽ; (iii) Xây dựng cơ chế, chính sách linh hoạt để phát triển mạng lưới Cộng tác viên và tạo động lực cho cán bộ môi giới.

3.3. Hoạt động tự doanh và bảo lãnh phát hành

Năm 2026, Công ty định hướng tiếp tục tăng cường kiểm soát tỷ trọng danh mục cổ phiếu trên vốn chủ sở hữu, duy trì cách tiếp cận linh hoạt, bám sát các yếu tố vĩ mô và diễn biến thị trường, kết hợp với quản trị chặt chẽ rủi ro danh mục để đưa ra các quyết định đầu tư tối ưu, hiệu quả và an toàn đối với danh mục cổ phiếu; Tiếp tục mở rộng đầu tư mới danh mục trái phiếu doanh nghiệp thông qua tệp khách hàng tiềm năng trong hệ sinh thái VietinBank để hợp tác, chia sẻ cơ hội đầu tư; tìm kiếm, lựa chọn trái phiếu phát hành ra công chúng, trái phiếu của các doanh nghiệp

lớn, có tình hình tài chính/dòng tiền tốt, tài sản bảo đảm có giá trị đồng thời phải đáp ứng các điều kiện phát hành theo quy định của pháp luật; Đẩy mạnh dịch vụ bảo lãnh phát hành trái phiếu để tăng cường thu phí dịch vụ.

3.4. Hoạt động kinh doanh vốn

Trong năm 2026, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu đảm bảo thanh khoản ổn định, vững chắc, duy trì đệm thanh khoản đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty tại mọi thời điểm, đồng thời định hướng phát triển quan hệ với các Tổ chức tín dụng theo chiều sâu, nhằm khai thác nguồn vốn vay với lãi suất tốt. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục tăng cường quản trị thanh khoản, chủ động ứng biến với mọi thách thức, biến động khó lường từ thị trường tài chính trong nước và quốc tế; cân đối vay vốn trên thị trường trong nước và nước ngoài, dựa trên dự báo về xu hướng lãi suất, để tối ưu chi phí vốn toàn Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh giao dịch giấy tờ có giá để gia tăng lợi nhuận, đa dạng hóa danh mục tài sản trên Bảng cân đối kế toán, đưa hình ảnh năng động của Công ty hiện diện rộng khắp trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.

3.5. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

Năm 2026, Công ty định hướng nâng cao chất lượng và tính chuyên sâu của dịch vụ qua việc tiếp tục chuẩn hóa hơn nữa quy trình tư vấn, hồ sơ, báo cáo; từng bước xây dựng sản phẩm tư vấn trọn gói, gắn với mục tiêu và kết quả đầu ra. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng kiểm soát rủi ro và tính bền vững thông qua việc lựa chọn kỹ đối tác và dự án tư vấn, kiểm soát chặt chẽ điều khoản hợp đồng, tiến độ nghiệm thu, hạn chế rủi ro công nợ và kéo dài thời gian ghi nhận doanh thu. Công ty cũng đưa ra nhiều giải pháp về tổ chức, về truyền thông, đào tạo nội bộ để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động bán chéo sản phẩm trong hệ thống, ưu tiên các dịch vụ có thể kết hợp với hoạt động đầu tư, bảo lãnh và đại lý phát hành, tạo chuỗi giá trị tuần hoàn khép kín. Ngoài ra, Công ty tiếp tục tập trung phát triển các mảng tư vấn có khả năng ghi nhận doanh thu cao, đặc biệt trong hoạt động Tư vấn tái cấu trúc tài chính, phát hành Trái phiếu, Tư vấn mua bán sáp nhập (M&A),...

3.6. Các hoạt động khác

Trong năm 2026, bên cạnh định hướng về hoạt động kinh doanh nêu trên, Công ty cũng sẽ tiếp tục bám sát các chủ điểm trọng tâm bao gồm: (i) Tăng cường triển khai các chương trình/sáng kiến chuyển đổi số, sáng kiến kinh doanh; (ii) Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, qua đó gia tăng hiệu quả sử dụng các nguồn lực và nâng cao năng suất lao động; (iii) Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và gia tăng hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ; (iv) Triển khai các biện pháp bảo mật cao, phòng ngừa và ứng phó hiệu quả với các sự cố an ninh mạng.

Trân trọng báo cáo!

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026



Trần Phúc Vinh



Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Căn cứ Khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Khoản 80 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (HDQT) xin báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập HDQT và đánh giá của Thành viên độc lập HDQT về hoạt động của HDQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (Công ty) như sau:

I. Hoạt động của Thành viên độc lập HDQT:

Tôi được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty bầu làm Thành viên độc lập HDQT Công ty tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 tổ chức ngày 24/04/2025 với nhiệm kỳ kể từ ngày 24/04/2025 đến hết ngày 09/04/2029.

Kể từ khi đảm nhận cương vị Thành viên độc lập HDQT Công ty đến nay, tôi đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của một thành viên HDQT và thành viên độc lập HDQT theo quy định của pháp luật hiện hành và hệ thống văn bản chính sách, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank, đã tham gia đầy đủ các hoạt động của HDQT Công ty, tuân thủ pháp luật, quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty (Điều lệ Công ty), Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HDQT và phân công công việc của Chủ tịch HDQT Công ty. Cụ thể:

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người quản lý Công ty, thành viên HDQT Công ty và thành viên độc lập HDQT Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện vai trò giám sát hoạt động của Công ty đảm bảo cho lợi ích của các cổ đông.
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin/bí quyết/cơ hội kinh doanh của Công ty, không sử dụng những thông tin có được nhờ chức



vụ của mình và không lạm dụng địa vị/chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hay phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, thường xuyên đóng góp ý kiến trên cương vị độc lập đối với các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp, cũng như có ý kiến đối với đầy đủ các trường hợp Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản của HĐQT; xem xét các hồ sơ trình HĐQT kèm theo Phiếu biểu quyết/Phiếu lấy ý kiến và đưa ra ý kiến/biểu quyết một cách độc lập đối với các nội dung được thảo luận/lấy ý kiến trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Theo đó, trong năm 2025, tính từ ngày bắt đầu là Thành viên độc lập HĐQT Công ty (ngày 24/04/2025) đến hết 31/12/2025, tôi đã tham dự đầy đủ 100% (22/22) cuộc họp HĐQT, cho ý kiến biểu quyết thông qua để ban hành đối với 100% (156/156) Nghị quyết HĐQT Công ty theo hình thức họp HĐQT và Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

- Tôi cũng đã thực hiện rà soát, cho ý kiến một cách độc lập, trách nhiệm, giám sát thường xuyên, liên tục và chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ đúng pháp luật đối với các vấn đề liên quan trong hoạt động của HĐQT. Bên cạnh đó, tôi cũng chủ động đưa ra những ý kiến đóng góp/đề xuất đối với hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro và quản lý điều hành của Công ty.

II. Đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT:

1. Về cơ cấu tổ chức của HĐQT:

Trong thời gian tôi là Thành viên độc lập HĐQT Công ty cho đến hiện tại, cơ cấu tổ chức của HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank có 05 (năm) thành viên, đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Cơ cấu thành viên HĐQT Công ty đáp ứng quy định: “*Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên*”, trong đó thành viên HĐQT không điều hành gồm Ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch HĐQT và Bà Hồ Thị Thu Hiền - Thành viên HĐQT và có 01 Thành viên độc lập HĐQT.

2. Về cơ chế hoạt động của HĐQT:

- Việc tổ chức họp HĐQT của Công ty đảm bảo họp định kỳ tối thiểu 01 quý/01 lần và họp bất thường khi có các vấn đề phát sinh. Ngoài các cuộc họp trực tiếp, Chủ tịch HĐQT cũng thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các quyết nghị của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

- Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, hợp lệ, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Nội dung các cuộc họp được các



thành viên HĐQT tích cực thảo luận, trao đổi và cho ý kiến. Các nội dung phải được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT cũng đã được Chủ tịch HĐQT tổ chức họp để lấy ý kiến các thành viên HĐQT đầy đủ theo quy định.

- Công tác xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản được triển khai theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Theo đó, trong các trường hợp có những vấn đề cần thiết cho hoạt động của Công ty mà không tổ chức họp được và để kịp thời giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT mà không thuộc trường hợp phải tổ chức họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT triển khai lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản và đều nhận được sự tham gia ý kiến của 100% thành viên HĐQT. Việc thực hiện lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản, tổng hợp ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty. Trên cơ sở đó, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành theo thể thức phù hợp theo quy định.

- Các trường hợp Nghị quyết, Quyết định của HĐQT phải công bố thông tin đã được Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Về kết quả công tác quản trị và giám sát của HĐQT:

3.1. Hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ được giao

- HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty đã được ĐHCĐ giao, HĐQT đã xác định các mục tiêu hoạt động, phê duyệt việc phân bổ chỉ tiêu kinh doanh cho các Đơn vị và giám sát việc triển khai thực hiện để hoàn thành kế hoạch được giao.

- Từ ngày 24/04/2025 đến hết 31/12/2025, HĐQT Công ty đã tổ chức 22 (hai mươi hai) cuộc họp trực tiếp, tổng trong năm 2025 HĐQT tổ chức 32 (ba mươi hai) cuộc họp trực tiếp với sự tham gia đầy đủ của 100% các thành viên HĐQT, qua đó kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành và quản lý rủi ro của Công ty, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty trong điều hành công việc, đưa ra các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động, giám sát công tác quản trị rủi ro và kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh doanh. Các thành viên HĐQT luôn tích cực tham gia các cuộc họp HĐQT, cũng như tích cực nghiên cứu, cho ý kiến đối với các quyết sách, phê duyệt của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao. Ngoài các cuộc họp trực tiếp, Chủ tịch HĐQT cũng thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của HĐQT. Tổng cộng số Nghị quyết HĐQT được ban hành trong giai đoạn kể



từ ngày 24/04/2025 đến hết 31/12/2025 là 156 (một trăm năm mươi sáu) Nghị quyết, tổng trong cả năm 2025 HĐQT Công ty đã ban hành 242 (hai trăm bốn mươi hai) Nghị quyết.

- Các thành viên HĐQT Công ty đã tham gia cho ý kiến biểu quyết đối với 100% các nội dung trình HĐQT, đồng thời cũng đã phát huy vai trò của HĐQT trong việc định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển của Công ty; giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất. Bên cạnh đó, HĐQT Công ty cũng đã triển khai nhiều hoạt động quản trị Công ty, nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro, tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách, quy định nội bộ,... và giám sát việc tuân thủ thực hiện.

3.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

- HĐQT Công ty đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- HĐQT cũng thường xuyên giám sát và chỉ đạo kịp thời đối với Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ giao; giám sát công tác điều hành, quản lý kinh doanh trên cơ sở Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành cũng như trên cơ sở quy định, hướng dẫn của các Cơ quan có thẩm quyền. HĐQT đã yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, công tác quản lý tại Công ty, qua đó HĐQT đã có các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc trong quá trình quản trị điều hành, quản lý rủi ro và triển khai các nhiệm vụ kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc.

- HĐQT đã ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định và các quyết định liên quan đến công tác quản trị nội bộ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành các quy chế, quy định của Ban Tổng Giám đốc nhằm bảo đảm an toàn cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT, tuy nhiên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, HĐQT/Chủ tịch HĐQT đã:

- Duy trì cơ cấu hoạt động của HĐQT Công ty (trong đó tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên HĐQT không điều hành và có tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập) để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT và tuân thủ quy định của Pháp luật.



- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách các mảng hoạt động cụ thể để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT một cách toàn diện, đầy đủ, tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ Công ty.

- Tiếp tục duy trì và tăng cường vai trò của Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Bộ phận Kiểm toán nội bộ tại Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ và Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và Quy chế Kiểm toán nội bộ của Công ty, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do HĐQT giao. Hiện tại Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty có 01 nhân sự là Trưởng Bộ phận.

4. Kết luận:

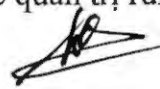
Kết quả đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT:

- Năm 2025, HĐQT Công ty đã hoạt động một cách tích cực, trách nhiệm đối với triển khai và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. Nội dung thảo luận trong các cuộc họp HĐQT đảm bảo minh bạch, độc lập, trên tinh thần xây dựng, tiếp thu ý kiến đóng góp của các thành viên.

- HĐQT đã triển khai, giám sát, góp ý với Ban Tổng Giám đốc trong xây dựng chiến lược trung hạn và kế hoạch kinh doanh của Công ty, xác định các mục tiêu hoạt động cho các Đơn vị trên cơ sở các mục tiêu, kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua, đảm bảo lợi ích của cổ đông, lợi ích của Công ty và quyền lợi của người lao động, quyền lợi của khách hàng.

- HĐQT cũng tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển công tác bán chéo sản phẩm để khai thác hiệu quả từ hệ sinh thái của Ngân hàng mẹ, tăng cường đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm dịch vụ cốt lõi phù hợp với xu hướng và diễn biến của thị trường cũng như định hướng của Công ty như môi giới và cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán; kinh doanh vốn; tư vấn tài chính doanh nghiệp; ... và tiếp tục duy trì, tối ưu hóa hiệu quả quản trị điều hành, quản lý rủi ro tại Công ty.

- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức họp thường kỳ và tổ chức họp khi cần thiết để nắm bắt tình hình, kết quả hoạt động và đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty. HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị Công ty, qua đó HĐQT đã có các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc trong công tác điều hành, triển khai các nhiệm vụ kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc.



- Trong năm 2025, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chủ động bám sát, đánh giá và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời để Công ty đạt được chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ đề ra. Kết quả, với sự nỗ lực và đồng lòng cố gắng HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên, Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 714,65 tỷ đồng, hoàn thành 240,30% kế hoạch Lợi nhuận trước thuế năm 2025 được ĐHĐCĐ giao.

Trân trọng báo cáo!

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



Phạm Việt Hùng





Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2025

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Giai đoạn 01/01/2025 – 23/04/2025)**

Căn cứ Khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, tôi xin báo cáo hoạt động của bản thân trên cương vị thành viên độc lập Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (Công ty) trong năm 2025 (từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 23/04/2025) và đánh giá về hoạt động của HDQT Công ty giai đoạn 01/01/2025 – 23/04/2025 như sau:

I. Hoạt động của bản thân trên cương vị thành viên độc lập HDQT:

Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 23/04/2025, tôi đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên HDQT và thành viên độc lập HDQT theo quy định của pháp luật và các văn bản chính sách, quy chế, quy định nội bộ của Công ty, tham gia đầy đủ các hoạt động của HDQT Công ty, tuân thủ pháp luật, quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty (Điều lệ Công ty), Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HDQT và phân công công việc của Chủ tịch HDQT Công ty. Cụ thể:

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người quản lý Công ty, thành viên HDQT và thành viên độc lập HDQT Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện vai trò giám sát hoạt động của Công ty đảm bảo cho lợi ích của các cổ đông.
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin/bí quyết/cơ hội kinh doanh của Công ty, không sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình và không lạm dụng địa vị/chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hay phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.



- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, thường xuyên đóng góp ý kiến trên cương vị độc lập đối với các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp, cũng như có ý kiến đối với đầy đủ các trường hợp Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản của HĐQT; xem xét các hồ sơ trình HĐQT kèm theo Phiếu biểu quyết/Phiếu lấy ý kiến và đưa ra ý kiến/biểu quyết một cách độc lập đối với các nội dung được thảo luận/lấy ý kiến trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Theo đó, trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 23/04/2025, tôi đã tham dự đầy đủ 100% (10/10) cuộc họp HĐQT, cho ý kiến biểu quyết thông qua để ban hành đối với 100% (86/86) Nghị quyết HĐQT Công ty theo hình thức họp HĐQT và Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

- Tôi cũng đã thực hiện rà soát, cho ý kiến một cách độc lập, trách nhiệm, giám sát thường xuyên, liên tục và chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ đúng pháp luật đối với các vấn đề liên quan trong hoạt động của HĐQT; phụ trách các mảng hoạt động, lĩnh vực công tác của HĐQT đối với: công tác kiểm toán nội bộ, công tác xây dựng, cập nhật bản đồ chính sách của Công ty và trực tiếp phụ trách Bộ phận Kiểm toán nội bộ thuộc HĐQT theo phân công công việc của Chủ tịch HĐQT. Bên cạnh đó, tôi cũng chủ động đưa ra những ý kiến đóng góp/đề xuất đối với hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro và quản lý điều hành của Công ty.

II. Đánh giá về hoạt động của HĐQT Công ty (trong giai đoạn 01/01/2025 – 23/04/2025):

1. Về cơ cấu tổ chức của HĐQT:

Cơ cấu tổ chức HĐQT của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam giai đoạn 01/01/2025 – 23/04/2025 có 05 (năm) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên không điều hành (không gồm thành viên độc lập HĐQT) và 01 (một) thành viên độc lập HĐQT, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên HĐQT/thành viên độc lập HĐQT.

2. Về cơ chế hoạt động của HĐQT:

- Việc tổ chức họp HĐQT của Công ty đảm bảo họp định kỳ tối thiểu 01 quý/01 lần và họp bất thường khi có các vấn đề phát sinh. Ngoài các cuộc họp trực tiếp, Chủ tịch HĐQT cũng thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các quyết nghị của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

- Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, hợp lệ, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy

chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT tích cực thảo luận, trao đổi và cho ý kiến. Các nội dung phải được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT cũng đã được Chủ tịch HĐQT tổ chức họp để lấy ý kiến các thành viên HĐQT đầy đủ theo quy định.

- Công tác xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản được triển khai theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Theo đó, trong các trường hợp có những vấn đề cần thiết cho hoạt động của Công ty mà không tổ chức họp được và để kịp thời giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT mà không thuộc trường hợp phải tổ chức họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT triển khai lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản và đều nhận được sự tham gia ý kiến của 100% thành viên HĐQT. Việc thực hiện lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản, tổng hợp ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty. Trên cơ sở đó, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành theo thể thức phù hợp theo quy định.

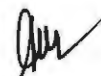
- Các trường hợp Nghị quyết, Quyết định của HĐQT phải công bố thông tin đã được Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Về kết quả công tác quản trị và giám sát của HĐQT:

3.1. Hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Trong giai đoạn 01/01/2025 – 23/04/2025, HĐQT đã tổ chức 10 (mười) cuộc họp trực tiếp với sự tham gia đầy đủ của 100% các thành viên HĐQT, qua đó kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành và quản lý rủi ro của Công ty, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty trong điều hành công việc, đưa ra các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động, giám sát công tác quản trị rủi ro và kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh doanh. Các thành viên HĐQT luôn tích cực tham gia các cuộc họp HĐQT, cũng như tích cực nghiên cứu, cho ý kiến đối với các quyết sách, phê duyệt của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao. Ngoài các cuộc họp trực tiếp, Chủ tịch HĐQT cũng thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của HĐQT. Số Nghị quyết HĐQT được ban hành trong giai đoạn 01/01/2025 – 23/04/2025 khi tôi đảm nhận chức vụ thành viên độc lập HĐQT Công ty là 86 (tám mươi sáu) Nghị quyết.



- Các thành viên HĐQT Công ty đã tham gia cho ý kiến biểu quyết đối với 100% các nội dung trình HĐQT, đồng thời cũng đã phát huy vai trò của HĐQT trong việc định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển của Công ty; giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất. Bên cạnh đó, HĐQT Công ty cũng đã triển khai nhiều hoạt động quản trị Công ty, nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro, tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách, quy định nội bộ,... và giám sát việc tuân thủ thực hiện.

3.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

- HĐQT Công ty đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- HĐQT cũng thường xuyên giám sát và chỉ đạo kịp thời đối với Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của Công ty; giám sát công tác điều hành, quản lý kinh doanh trên cơ sở Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành cũng như trên cơ sở quy định, hướng dẫn của các Cơ quan có thẩm quyền. HĐQT đã yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, công tác quản lý tại Công ty, qua đó HĐQT đã có các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc trong quá trình quản trị điều hành, quản lý rủi ro và triển khai các nhiệm vụ kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc.

- HĐQT đã ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định và các quyết định liên quan đến công tác quản trị nội bộ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành các quy chế, quy định của Ban Tổng Giám đốc nhằm bảo đảm an toàn cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT, tuy nhiên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, HĐQT/Chủ tịch HĐQT đã:

- Duy trì cơ cấu hoạt động của HĐQT Công ty (trong đó tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập) để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT và tuân thủ quy định của Pháp luật.

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách các mảng hoạt động cụ thể để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT một cách toàn diện, đầy đủ, tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ Công ty.

- Tiếp tục duy trì và tăng cường vai trò của Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Bộ phận Kiểm toán nội bộ tại Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và Quy chế Kiểm toán nội bộ của Công ty, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do HĐQT giao. Hiện tại Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty có 01 nhân sự là Trưởng Bộ phận.

4. Kết luận:

Kết quả đánh giá về hoạt động của HĐQT trong giai đoạn 01/01/2025 – 23/04/2025:

- Trong giai đoạn 01/01/2025 – 23/04/2025, HĐQT Công ty đã hoạt động một cách tích cực, trách nhiệm đối với triển khai và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. Nội dung thảo luận trong các cuộc họp HĐQT đảm bảo minh bạch, độc lập, trên tinh thần xây dựng, tiếp thu ý kiến đóng góp của các thành viên.

- HĐQT đã triển khai, giám sát, góp ý với Ban Tổng Giám đốc trong xây dựng chiến lược trung hạn và kế hoạch kinh doanh của Công ty, xác định các mục tiêu hoạt động cho các Đơn vị trên cơ sở các mục tiêu, kế hoạch của Công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông, lợi ích của Công ty và quyền lợi của người lao động, quyền lợi của khách hàng.

- HĐQT cũng tiếp tục tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển các mảng sản phẩm dịch vụ cốt lõi của Công ty và tiếp tục duy trì, tối ưu hóa hiệu quả quản trị điều hành, quản lý rủi ro tại Công ty.

- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức họp thường kỳ và tổ chức họp khi cần thiết để nắm bắt tình hình, kết quả hoạt động và thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty. HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị Công ty, qua đó HĐQT đã có các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc trong công tác điều hành, triển khai các nhiệm vụ kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc.



- Dưới sự định hướng, chỉ đạo sát sao và sự nỗ lực, đồng lòng của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty, kết thúc Quý I/2025, Công ty đã ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với 132,58 tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế, tăng 6,59% so với kết quả cùng kỳ Quý I/2024, hoàn thành 44,58% kế hoạch Lợi nhuận trước thuế năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông giao.

Trân trọng báo cáo!

NGƯỜI BÁO CÁO



Phạm Thị Huyền Trang





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

**NĂM
2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông CTCP Chứng khoán VietinBank

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 ("**Luật Doanh nghiệp**") và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 ("**Luật Chứng khoán 2019**") và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán ("**Nghị định 155**");
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank ("**Điều lệ Công ty**");
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán PwC Việt Nam.

Ban Kiểm soát (BKS) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (Công ty/VBSE) về hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của BKS trong năm 2025, định hướng hoạt động năm 2026 như sau:

I. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 Ban Kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên : Bà Phan Thị Thu Hằng (Trưởng BKS), Bà Lâm Thị Thu Hương (Thành viên BKS), Bà Trần Thị Kim Oanh (Thành viên BKS). Trong năm 2025, BKS đã tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

Trong năm 2025 BKS đã tổ chức 06 phiên họp định kỳ để triển khai công việc, thảo luận và cho ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi, trách nhiệm, quyền hạn của BKS. Tỷ lệ tham dự họp đạt 100%, cụ thể:

STT	Kiểm soát viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Phan Thị Thu Hằng	06/06	100%	100%
2	Bà Lâm Thị Thu Hương	06/06	100%	100%
3	Bà Trần Thị Kim Oanh	06/06	100%	100%

Tại các cuộc họp, BKS tiến hành rà soát, đánh giá công việc đã triển khai, định hướng công tác cụ thể trong thời gian tiếp theo. Những vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành, quản lý rủi ro của Công ty cũng như các nội dung khác thuộc phạm vi công việc, trách nhiệm và quyền hạn của BKS được các thành viên trao đổi, thảo luận. Các cuộc họp của BKS do Trưởng BKS triệu tập, có sự tham gia đầy đủ của các thành viên BKS. Biên bản họp của BKS được lập và lưu giữ đầy đủ theo quy định.

2. Tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và từng Kiểm soát viên

Công tác giám sát của BKS được triển khai thông qua các nội dung chính sau:

- ✓ Giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty.
- ✓ Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB), kiểm toán nội bộ (KTNB), quản lý rủi ro (QLRR) và cảnh báo sớm của Công ty.
- ✓ Giám sát giao dịch với Người có liên quan/Bên liên quan.
- ✓ Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD) và người điều hành khác của Công ty.

Các kết luận, kiến nghị/khuyến nghị, ý kiến của BKS được truyền tải đến Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Điều hành (BDH) thông qua các báo cáo giám sát định kỳ, văn bản đề nghị thực hiện kiến nghị sau kiểm tra, ý kiến trực tiếp tại các phiên họp HĐQT, họp giao ban của BDH và các văn bản/email kiến nghị/khuyến nghị.

Từng kiểm soát viên đã triển khai thực hiện công việc theo đúng phân công trong Ban kiểm soát, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên: Tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác của Ban kiểm soát năm 2025 là 3.080.817.449 đồng.

STT	Kiểm soát viên	Tổng lương, thù lao, thưởng lợi ích khác (đồng)
1	Bà Phan Thị Thu Hằng	1.441.320.643
2	Bà Lâm Thị Thu Hương	780.280.644
3	Bà Trần Thị Kim Oanh	859.216.162
	TỔNG CỘNG	3.080.817.449

II. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể

1. Công tác giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty

a) Giám sát việc thực hiện chỉ tiêu/kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ

BKS theo dõi việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc thường xuyên nắm bắt, cập nhật thông tin tình hình hoạt động của Công ty. BKS tham dự đầy đủ và phát biểu ý kiến tại các cuộc họp thường kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban của BĐH. Tại cuộc họp HĐQT, BĐH, BKS đã đưa ra quan điểm độc lập về các nội dung xin ý kiến, các tồn tại, rủi ro trong hoạt động kinh doanh, công tác quản trị điều hành của Công ty, từ đó kiến nghị các giải pháp cần triển khai để khắc phục những hạn chế, tồn tại. Đồng thời, đối với các nội dung cần lưu ý, tăng cường kiểm soát, BKS đều đưa ra những khuyến nghị cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo tăng trưởng an toàn, bền vững.

Năm 2025, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, BĐH, Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ đề ra, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	NQ ĐHĐCĐ giao	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024			
-	Trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi	24.604.000.000 đồng	Đã thực hiện phân chia Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi (theo Nghị quyết HĐQT số 93/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 15/05/2025 và Nghị quyết 222/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 24/12/2025), trong đó: + Quỹ Khen thưởng: 22.222.800.000 đồng + Quỹ Phúc lợi: 2.381.200.000 đồng.	100%
-	Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2024 còn lại sau trích quỹ (Công ty dự kiến thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và sẽ xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông sau khi được sự chấp thuận của cơ	217.948.063.493 đồng	Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024 của Công ty	100%

STT	Nội dung	NQ ĐHĐCĐ giao	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
	<i>quan có thẩm quyền)</i>			
2	Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2025	Lợi nhuận trước thuế: 297.400.000.000 đồng	714.652.851.935 đồng.	240.3%
3	Ủy quyền HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét/kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên/năm 2025 của Công ty	<p>Chọn 01 trong 04 Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Công ty TNHH KPMG - Công ty TNHH PwC (Việt Nam) 	<p>- Ngày 19/06/2024, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 112/2025/NQ-HĐQT-CKCT phê duyệt việc lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2025 và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 của Công ty.</p> <p>- Ngày 30/06/2025 Công ty đã ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH PwC (Việt Nam) và thực hiện Công bố thông tin theo quy định</p>	100%
4	Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT và mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của BKS	Tối đa 6% lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2025	Tổng mức thù lao/lương, thưởng, lợi ích khác của HĐQT, BKS năm 2025 là 11.727.682.350 đồng, tương ứng 2,03% Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2025.	Tuân thủ
5	Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024 của Công ty	Ủy quyền và giao cho HĐQT Công ty thực hiện các nội dung liên quan đến phương án tăng vốn điều lệ; sửa đổi điều lệ phù hợp và đăng ký lưu ký, niêm yết	- Đã hoàn thành các công việc liên quan đến tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2024. Vốn điều lệ sau phát hành là 2.126.934.380.000 đồng.	Đã hoàn thành

STT	Nội dung	NQ ĐHĐCĐ giao	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
		chứng khoán bổ sung.		
6	Miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT Công ty	Miễn nhiệm và bầu bổ sung đối với chức vụ Thành viên HĐQT Công ty/ Thành viên độc lập HĐQT	Đã thực hiện công bố thông tin Thông báo Thay đổi nhân sự số 47/TB-CKCT01 ngày 24/04/2025 theo quy định.	Đã hoàn thành
ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG 2025				
7	Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty	- ĐHĐCĐ giao người có thẩm quyền ký ban hành hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được ĐHĐCĐ thông qua	Chủ tịch HĐQT đã ký ban hành Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty ngày 18/11/2025 và các Văn bản này được công bố thông tin theo quy định.	Đã hoàn thành
8	Thay đổi tên Công ty	- Ủy quyền và giao HĐQT/BKS Công ty thực hiện các nội dung liên quan	- Công ty đã được các cơ quan ban ngành cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/mẫu dấu con số/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo tên Công ty mới. - Ngày 29/12/2025, HĐQT Công ty đã thông qua và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo tên mới của Công ty là Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (theo Nghị quyết HĐQT số 229/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 29/12/2025) và thực hiện công bố thông tin theo quy định. - Ngày 29/12/2025, BKS Công ty đã thông qua và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty (theo Biên bản họp Ban Kiểm soát số 05.2025/BB.BKS.CKCT ngày	Đã hoàn thành

STT	Nội dung	NQ ĐHĐCD giao	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
			29/12/2025) theo tên mới của Công ty là Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank và thực hiện công bố thông tin theo quy định.	
9	Miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT Công ty	- Miễn nhiệm/bầu bổ sung chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty	- Đã thực hiện công bố thông tin Thông báo Thay đổi nhân sự số 118/TB-CKCT01 ngày 18/11/2025 theo quy định	Đã hoàn thành

b) Thẩm định BCTC 2025

Theo chức năng, nhiệm vụ, trong năm 2025 BKS đã tiến hành thẩm định BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 trên cơ sở BCTC đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán và thẩm định BCTC giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 trên cơ sở BCTC đã được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) soát xét. Thông qua thẩm định, BKS đã đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, tính đầy đủ và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC.

Một số chỉ tiêu trên BCTC năm 2025 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025 (tỷ đồng)
1	Tổng tài sản	12.410,7
+	TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	2.067,6
+	TSTC nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM)	3.562,6
+	TSTC sẵn sàng để bán (AFS)	817,2
+	Cho vay khách hàng	4.964,2
2	Nợ phải trả	9.555,3
3	Vốn chủ sở hữu	2.855,4
4	Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	714,7
5	Lợi nhuận sau thuế	577,4

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã kiểm toán của Công ty)

c) Rà soát, kiểm tra một số mảng hoạt động, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB, KTNB, QLRR và cảnh báo sớm của Công ty

Năm 2025, BKS đã thực hiện công tác rà soát, giám sát định kỳ đồng thời thành lập các đoàn kiểm tra trực tiếp một số hoạt động của Công ty. Thông qua đó, BKS đã đánh giá, nhận diện các vấn đề, rủi ro tiềm ẩn, đồng thời kiến nghị HĐQT, BDH chỉ đạo các đơn vị khắc phục, chỉnh sửa, xử lý các tồn tại theo kiến nghị của các đoàn kiểm tra/kiểm toán nội/ngoại ngành.

Ngoài ra, qua kết quả giám sát, kiểm tra, BKS cũng thực hiện đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB, KTNB, QLRR và cảnh báo sớm của Công ty để đưa ra các kiến nghị/khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động này.

2. Giám sát giao dịch với Người có liên quan/Bên liên quan

a) *Rà soát hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan của Công ty thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ*

Trong năm 2025, BKS đã rà soát các hợp đồng/giao dịch giữa Công ty và người có liên quan (NCLQ) trên cơ sở các hồ sơ được chuyển cho BKS (10 hồ sơ). Ngoài ra Nghị quyết số 200/2024/NQ-HĐQT-CKCT v/v chấp thuận chủ trương ký Hợp đồng, giao dịch với NCLQ vẫn còn hiệu lực.

Qua rà soát cho thấy việc phê duyệt, thông qua hợp đồng/giao dịch có cơ sở pháp lý, được HĐQT thông qua và được công bố thông tin theo quy định.

b) *Giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng này*

Công ty hiện không có công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ.

Năm 2025 không phát sinh giao dịch giữa Công ty với các thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của các đối tượng này.

c) *Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý Công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch*

Trong năm 2025, Công ty phát sinh giao dịch với Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (trong đó, Bà Trần Thị Ngọc Tài – Phó Tổng Giám đốc Công ty là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đến thời điểm 30/03/2022). *(Chi tiết được trình bày tại BCTC năm 2025 đã được kiểm toán).*

3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và người điều hành khác của Công ty

Công tác giám sát của BKS đối với HĐQT, TGD, người điều hành khác của Công ty được BKS triển khai thường xuyên trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Qua giám sát cho thấy HĐQT, TGD đã chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác:

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ để đánh giá kết quả kinh doanh, đưa ra các định hướng, chỉ đạo hoạt động kinh doanh, trao đổi các nội dung phục vụ công tác quản trị Công ty. Cũng tại các cuộc họp TGD báo cáo đầy đủ về các mảng hoạt động của Công ty, báo cáo tiến độ, kết quả triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT. Các phiên họp HĐQT có mời BKS tham dự được tổ chức đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

Kết quả giám sát cho thấy trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Pháp luật và quy định nội bộ Công ty.

Trên cơ sở định hướng chỉ đạo của HĐQT đối với các mục tiêu chiến lược của Công ty, chủ điểm trọng tâm, TGD đã phân công nhiệm vụ đến từng thành viên BDH, giao nhiệm vụ cụ thể đến từng đơn vị tại cuộc họp giao ban hàng tháng và báo cáo tới HĐQT kết quả thực hiện.

Kết quả giám sát cho thấy năm 2025 TGD và người điều hành khác của VBSE đã tuân thủ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Công tác quản trị rủi ro (QTRR):

Song song cùng công tác phát triển kinh doanh, việc nâng cao hiệu quả QTRR được xác định là một trong những trọng tâm chiến lược của VBSE, góp phần bảo đảm an toàn hoạt động, phát triển kinh doanh gắn liền với kiểm soát rủi ro, do đó việc nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật và nội bộ Công ty, đạo đức nghề nghiệp cán bộ luôn được HĐQT, BDH chú trọng.

Giám sát của HĐQT, TGD về KSNB, QLRR:

Việc giám sát hệ thống KSNB, QLRR được thể hiện thông qua các văn bản chính sách, văn bản điều hành do HĐQT, TGD ban hành, cơ chế báo cáo định kỳ, đột xuất và chỉ đạo triển khai thực hiện khắc phục chỉnh sửa các tồn tại, hạn chế theo yêu cầu, kiến nghị của các Đoàn kiểm tra nội/ngoại ngành. Hoạt động kiểm soát và QLRR được chú trọng, tăng cường, văn hóa tuân thủ, ý thức chấp hành quy định, quy trình, pháp luật và đạo đức nghề nghiệp được đề cao.

III. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông

BKS tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của BDH. Về cơ bản các tài liệu, báo cáo, tờ trình của BDH khi gửi xin ý kiến HĐQT đồng thời được gửi cho BKS.

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BDH trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, trao đổi, cung cấp thông tin trên nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật, các quy định nội bộ của Công ty.

Trên cơ sở kết quả giám sát, kiểm tra, BKS đã đưa ra các kiến nghị/ khuyến nghị các giải pháp, tư vấn hỗ trợ HĐQT, BDH nâng cao công tác quản trị điều hành, kiểm soát rủi ro. HĐQT, BDH đã xem xét, chỉ đạo cá nhân, đơn vị liên quan triển khai các nội dung kiến nghị, khuyến nghị, lưu ý của BKS.

Trong năm 2025, BKS thực hiện kiểm tra, rà soát và lập *Báo cáo giám sát định kỳ/đột xuất* các hoạt động của Công ty theo yêu cầu từ cổ đông lớn là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

IV. Định hướng hoạt động của BKS năm 2026

Trong năm 2025, BKS đã tổ chức thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

Năm 2026, BKS xác định tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của BKS theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.
- Giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty, việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, giám sát việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, quy định nội bộ trong quản trị, điều hành của HĐQT, TGD và người điều hành khác.
- Tiếp tục tăng cường giám sát thường xuyên thông qua hệ thống thông tin báo cáo, triển khai kế hoạch kiểm tra hàng năm/đợt xuất, đảm bảo tiến độ để nhận diện và kiểm soát kịp thời các vấn đề có tác động trọng yếu đến hoạt động của VBSE để có kiến nghị/khuyến nghị biện pháp ứng xử phù hợp. Tăng cường mối quan hệ phối hợp, trao đổi thông tin với HĐQT, BDH để kịp thời nắm bắt thông tin phục vụ công tác giám sát, nhằm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, phát huy tối đa vai trò trách nhiệm của BKS.
- Thông qua bộ phận KTNB, KTKSNB Công ty, giám sát việc thực hiện khắc phục chỉnh sửa các tồn tại, hạn chế theo yêu cầu, kiến nghị các đoàn kiểm tra nội/ngoại ngành.
- Tăng cường công tác đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phan Thị Thu Hằng



TỜ TRÌNH BCTC NĂM 2025 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**NĂM
2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 (cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietinbank (Công ty/VBSE) đã được kiểm toán, bao gồm:

- Báo cáo tình hình tài chính
- Báo cáo kết quả hoạt động
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam). Công ty TNHH PwC (Việt Nam) đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty theo đúng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, với các chỉ tiêu cơ bản dưới đây:

	Đơn vị tính: Đồng
Chỉ tiêu	Số tiền
1. Tổng tài sản	12.410.698.820.601
2. Nợ phải trả	9.555.262.431.087
3. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	2.855.436.389.514
- Vốn góp của chủ sở hữu	2.126.934.380.000
- Thặng dư vốn cổ phần	7.415.080.553
- Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	49.773.892.800
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	7.000.641.200
- Lợi nhuận chưa phân phối	664.312.394.961
+ Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	631.867.774.163
+ Lợi nhuận chưa thực hiện	32.444.620.798
Tổng doanh thu và thu nhập khác	2.099.147.842.062
4. (=Doanh thu hoạt động kinh doanh + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác)	
Tổng chi phí	1.384.494.990.127
5. (=Chi phí hoạt động kinh doanh + Chi phí tài chính + Chi phí quản lý doanh nghiệp + Chi phí khác)	
6. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	714.652.851.935
+ Lợi nhuận đã thực hiện	768.601.967.436
+ Lỗ chưa thực hiện	(53.949.115.501)
7. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	577.371.584.960

Handwritten signature

(Theo chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 210/2014/TT-BTC).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

[Handwritten signature]

Trần Phúc Vinh



TỜ TRÌNH PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025

**NĂM
2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank

Theo Điều 4 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT ngày 21/03/2022 của Công ty: Công ty tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2021 và các năm tiếp theo, tỷ lệ trích 1% Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế. Xét thấy pháp luật hiện hành không có quy định về việc bắt buộc Công ty chứng khoán phải trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, đồng thời, căn cứ theo thực tế tại Công ty, số dư Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ tại 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty là: 7.000.641.200 đồng, trong quá trình hoạt động những năm qua Công ty cũng chưa sử dụng đến Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, theo đó Hội đồng quản trị Công ty đề xuất không trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2025.

Vậy, với các nội dung trình bày trên đây, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty như sau:

Nội dung	Đơn vị tính: Đồng	
	Số tiền	
1. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Báo cáo tài chính (BCTC)	577.371.584.960	
<i>Trong đó: Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2025 theo BCTC (*)</i>		
	616.832.933.233	
2. Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	33.240.470.400	
3. Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2025 còn lại sau trích quỹ (**)	583.592.462.833	

(*) Việc trích lập các quỹ tính toán dựa trên Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2025 của Công ty.

(**) Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Phúc Vinh

TỜ TRÌNH KẾ HOẠCH KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM 2026

**NĂM
2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietinbank

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và dự báo tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2026, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 của Công ty như sau:

1. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2026:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
1. Lợi nhuận trước thuế	454.000.000.000
2. Tỷ lệ Cổ tức dự kiến (%)	9%

2. Đề xuất của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động rà soát, nghiên cứu và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Phúc Vinh



TỜ TRÌNH LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP NĂM 2026


**NĂM
2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (“**Công ty**”).

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn 01 (một) Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 (theo danh sách đính kèm) và được cập nhật đến thời điểm lựa chọn để thực hiện soát xét/kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên/năm của Công ty năm 2026, đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý và theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua. 

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phan Thị Thu Hằng

**DANH SÁCH CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐƯỢC CHẤP THUẬN KIỂM TOÁN CHO
ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHỨNG THUỘC LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN NĂM 2026**

(Theo Quyết định số 902/QĐ-UBCK ngày 19/11/2025
của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

(Đính kèm Tờ trình DHDCD về việc Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2026)

STT	TÊN CÔNG TY
1	Công ty TNHH KPMG (KPMG)
2	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
4	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC (Moore AISC)
5	Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (PwC)
6	Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam (GT)
7	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
8	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)
9	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG (PKF-TTG)
10	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (RSM)
11	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
12	Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO)
13	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte)
14	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
15	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế ICPA (ICPA)
16	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
17	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY)
18	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NTV)
19	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)
20	Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO)
21	Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (ECOVIS AFA)
22	Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO (ASCO)
23	Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA)
24	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (An Việt)
25	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế IAV (IAV)
26	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
27	Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VN)
28	Công ty TNHH Kiểm toán FAC (FAC)



TỜ TRÌNH TỔNG MỨC THÙ LAO, THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT VÀ MỨC TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỜNG, LỢI ÍCH KHÁC VÀ NGÂN SÁCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

**NĂM
2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank

Theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank và căn cứ kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận năm 2026 của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank năm 2026: Tối đa 6% Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2026.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát quyết định mức cụ thể và phân phối phù hợp với quy định của Pháp luật và quy định của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026



Trần Phúc Vinh

TỜ TRÌNH PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC

**NĂM
2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (“Công ty”/“VBSE”) kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025 của Công ty (“**Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức**”), cụ thể như sau:

1. Nhu cầu và sự cần thiết của việc tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu là một trong các yếu tố rất quan trọng, đóng vai trò quyết định chỉ tiêu an toàn tài chính và các hạn mức trong hoạt động kinh doanh của các Công ty Chứng khoán (CTCK) nói chung và Công ty nói riêng như: hạn mức vay nợ để tăng cường nguồn lực vốn (không quá 05 lần vốn chủ sở hữu); hạn mức dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ (GDKQ) toàn Công ty (không quá 200% vốn chủ sở hữu), hạn mức cho vay GDKQ với 01 khách hàng (không quá 03% vốn chủ sở hữu), hạn mức cho vay GDKQ đối với 01 loại chứng khoán (không quá 10% vốn chủ sở hữu); cũng như quyết định các hạn mức đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, hạn mức đầu tư góp vốn vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, hạn mức bảo lãnh phát hành chứng khoán... của Công ty.

Tại VBSE, Công ty định hướng sẽ tiếp tục đẩy mạnh phát triển các hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi, phù hợp với xu hướng thị trường và gia tăng nguồn thu cho Công ty từ các mảng nghiệp vụ chính với các mục tiêu: gia tăng thị phần môi giới, tăng trưởng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ, mở rộng các hạn mức vay vốn nhằm linh hoạt trong lựa chọn các nguồn vốn vay, tối ưu hóa chi phí đầu vào phục vụ cho các hoạt động kinh doanh, đồng thời tiếp tục phát triển hoạt động tư vấn, đại lý, bảo lãnh phát hành chứng khoán, thu xếp vốn và gia tăng lợi nhuận từ hoạt động tự doanh.

Theo đó, việc tăng vốn điều lệ cho VBSE để tạo tiền đề cho việc tiếp tục tăng vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của Công ty trong thời gian tới nhằm mở rộng các hạn mức trong hoạt động kinh doanh của Công ty, đáp ứng nhu cầu vốn cho các kế hoạch và mục tiêu phát triển trong tương lai là vấn đề hết sức cấp thiết và phù hợp với xu thế thị trường. Nguồn vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu lớn cũng sẽ tạo điều kiện cho Công ty trong việc tối ưu hóa chi phí vốn, gia tăng năng lực cạnh tranh, cải thiện thị phần giao dịch và nâng cao hình ảnh, vị thế của

Công ty tại thị trường trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, với việc tăng vốn điều lệ này, Công ty mong muốn sẽ tiếp tục tái đầu tư vốn đúng mục đích nhằm đem lại sự gia tăng mới về lợi ích lâu dài cho các cổ đông cũng như kỳ vọng vào việc gia tăng giá trị của toàn Công ty và giá trị cổ phiếu của Công ty đối với các nhà đầu tư.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Quy chế niêm yết và Giao dịch Chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2025 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Quy chế về hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 03/02/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 38/QĐ-HĐTV ngày 29/04/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank;
- Các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

3.1. Mức tăng vốn điều lệ:

- Mức vốn điều lệ tại thời điểm phát hành: 2.126.934.380.000 đồng.
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 595.541.620.000 đồng.
- Mức vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành phát hành toàn bộ số cổ phiếu để trả cổ tức: 2.722.476.000.000 đồng.

3.2. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank.
- Mã cổ phiếu : CTS
- Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu).
- Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành : 212.693.438 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 212.693.438 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu phát hành dự kiến : 59.554.162 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức : 272.247.600 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá) : 595.541.620.000 đồng.
(Số lượng cổ phiếu phát hành và tổng giá trị phát hành cụ thể sẽ căn cứ vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty).
- Tỷ lệ phát hành : 28%, tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền là 100 : 28
(Số lượng cổ phiếu phát hành, tổng giá trị phát hành theo mệnh giá, tỷ lệ phát hành cụ thể thực hiện theo phê duyệt của Cơ quan có thẩm quyền (nếu có)).
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank có tên trong danh sách sở hữu cổ phần do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu theo phương án phát hành được thông qua và theo quy định của pháp luật.
- Nguồn vốn thực hiện : Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025 của Công ty *(căn cứ số liệu tại BCTC năm 2025 đã được kiểm toán)* *(Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm).*

- Thời gian phát hành : Trong năm 2026.
Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ủy quyền cho Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty quyết định thời điểm phát hành cụ thể sau khi được sự chấp thuận của Cơ quan có thẩm quyền về Phương án phát hành (nếu có).
- Thời gian hoàn thành : Thời gian hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại giấy phép/chấp thuận của Cơ quan có thẩm quyền.
- Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ : Số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức mỗi cổ đông nhận được sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ không thực hiện và số vốn điều lệ mới được đăng ký trên số cổ phần thực tế phân phối được.
Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức, cổ đông A đang sở hữu 15 cổ phiếu của Công ty sẽ nhận được số cổ phiếu mới phát hành để trả cổ tức là 4,2 cổ phiếu, tuy nhiên do làm tròn xuống đến hàng đơn vị nên thực tế cổ đông A sẽ chỉ nhận được 04 cổ phiếu mới và 0,2 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.
- Điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký, niêm yết bổ sung và đưa chứng khoán vào giao dịch : Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và Niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư nhận cổ phiếu phát hành thêm:

- Các tổ chức, cá nhân nhận cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của Điều lệ Công ty và các quy định tại Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại Tờ trình này.
- Các tổ chức, cá nhân nhận cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty được đối xử bình đẳng và được hưởng mọi quyền lợi của cổ đông Công ty theo quy định của pháp luật.

5. Cơ cấu cổ đông hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm.

6. Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt thông qua các nội dung sau:

6.1. Phê duyệt thông qua “*Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025 của Công ty*”.

6.2. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần tăng thêm.

6.3. Thông qua việc điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

6.4. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị Công ty:

- Quyết định, điều chỉnh, hoàn thiện “*Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025 của Công ty*” trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Cơ quan có thẩm quyền/yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền (nếu có).
- Thông qua nội dung sửa đổi, toàn văn hợp nhất và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần tăng thêm.
- Quyết định, thông qua nội dung và triển khai tất cả các công việc, thủ tục cần thiết để thực hiện: tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty, điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại VSDC, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại HOSE và các thủ tục khác theo quy định của Pháp luật.
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Phúc Vinh

PHỤ LỤC 01

NGUỒN VỐN THỰC HIỆN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC

(Đính kèm Tờ trình Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trình ĐHCĐ thường niên 2026 của Công ty)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
1	Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025 (theo số liệu tại BCTC năm 2025 đã được kiểm toán)	631.867.774.163	(1)
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 (theo số liệu tại BCTC năm 2025 đã được kiểm toán)	577.371.584.960	(2)
3	Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2025 (tính theo số liệu tại BCTC năm 2025 đã được kiểm toán)	616.832.933.233	(3)
4	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế năm 2025	33.240.470.400	(4)
5	Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025 có thể dùng để trả cổ tức	598.627.303.763	(5) = (1)-(4)
6	Tỷ lệ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025	28%	(6)
7	Nguồn vốn thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến (từ Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025) (i)	595.541.620.000	(7)
8	Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2025 còn lại sau trích quỹ và trả cổ tức (ii)	3.085.683.763	(8) = (5)-(7)

(i), (ii): Theo Phương án xử lý phân lễ cổ phần, cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức mỗi cổ đông nhận được sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ không thực hiện. Số liệu cuối cùng tại mục (i) và (ii) sẽ được tính toán lại theo kết quả phát hành cổ phiếu thực tế của Công ty.

PHỤ LỤC 02

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG DỰ KIẾN TRƯỚC VÀ SAU KHI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
ĐỂ TRẢ CỔ TỨC CỦA CÔNG TY (*)**

(Đính kèm Tờ trình Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trình ĐHĐCĐ thường niên 2026 của Công ty)

Stt	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp	Số cổ phần sở hữu hiện tại (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu hiện tại	Số cổ phần dự kiến phát hành thêm để trả cổ tức (cổ phần)	Giá trị cổ phần phát hành thêm để trả cổ tức dự kiến (đồng)	Số cổ phần sở hữu dự kiến sau khi Công ty tăng vốn điều lệ (cổ phần)	Vốn điều lệ dự kiến sau khi Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (đồng)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi Công ty tăng vốn điều lệ
I	Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty								
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0100111948	160.873.331	75,636%	45.044.532	450.445.320.000	205.917.863	2.059.178.630.000	75,636%
II	Các cổ đông khác								
1	Các cổ đông khác	-	51.820.107	24,364%	14.509.629	145.096.290.000	66.329.736	663.297.360.000	24,364%
III	Cổ phiếu quỹ								
1	Cổ phiếu quỹ	-	0	0%	0	0	0	0	0%
TOÀN CÔNG TY (**)			212.693.438	100%	59.554.162	595.541.620.000	272.247.600	2.722.476.000.000	100%

(*) *Tạm tính theo số liệu tại ngày 24/03/2026, ngày chốt danh sách gần nhất của Công ty. Số liệu cuối cùng sẽ theo cơ cấu cổ đông thực tế trước phát hành và kết quả sau phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty.*

(**) *Do số cổ phiếu phát hành mới mỗi cổ đông nhận được sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị nên khi cộng tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành thêm để trả cổ tức cho các đối tượng theo cơ cấu cổ đông như tính toán tại bảng trên sẽ nhỏ hơn 01 cổ phiếu so với khi nhân tổng cộng 212.693.438 cổ phiếu đang lưu hành trước phát hành với tỷ lệ phát hành 28% (bằng 59.554.162 cổ phiếu như số liệu TOÀN CÔNG TY trên đây).*

/im/

TỜ TRÌNH VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

NĂM
2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng khoán**”) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 155**”);
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 245**”);
- Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán (“**Thông tư 121**”);
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (“**Công ty**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động (“**Điều lệ**”) và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể như sau:

Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty hiện hành được xây dựng trên cơ sở căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Trên cơ sở Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và các văn bản chính sách nội bộ Công ty, trong thời gian qua Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đã hoạt động an toàn, hiệu quả. Theo đó, để tiếp tục hoàn thiện hơn nữa các văn bản nêu trên làm cơ sở cho quá trình hoạt động, quản trị điều hành của Công ty và phù hợp với tình hình thực tế, đồng thời cập nhật một số nội dung theo quy định mới của pháp luật, Công ty đã xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Vậy, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn hợp nhất Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (theo các Dự thảo văn bản hợp nhất Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty sau sửa đổi, bổ sung

đính kèm Tờ trình này); đồng thời giao người có thẩm quyền ký ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung sau khi được ĐHĐCĐ Công ty thông qua. Các nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty:

Stt	Điều, Khoản, Điểm sửa đổi, bổ sung	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện tại	Nội dung tại Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Điểm c Khoản 3 Điều 25. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này . Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật .	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành tại từng thời điểm.
2	Khoản 3 Điều 26. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân , Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số định danh cá nhân , Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại	Sửa đổi cụm từ “ số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân ” thành “ số định danh cá nhân ” theo Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.

Stt	Điều, Khoản, Điểm sửa đổi, bổ sung	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện tại	Nội dung tại Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	
3	Khoản 2 Điều 27. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản (“Văn bản ủy quyền”). Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cổ đông ủy quyền, bên được ủy quyền; số lượng cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền; nội dung, phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền; chữ ký và chức danh của người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền và/hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Bên được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp bản chính văn bản ủy quyền (trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty cùng với văn bản ủy quyền lại) kèm theo bản sao chứng thực giấy tờ pháp lý của mình và các tài liệu khác liên quan (nếu có theo yêu cầu của Công ty) khi đăng ký dự họp. Văn bản ủy quyền của cổ đông là cá</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản (“Văn bản ủy quyền”). Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cổ đông ủy quyền, bên được ủy quyền; số lượng cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền; nội dung, phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền; chữ ký và chức danh của người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền và/hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Bên được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp bản chính văn bản ủy quyền (trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty cùng với văn bản ủy quyền lại) kèm theo bản sao chứng thực giấy tờ pháp lý của mình và các tài liệu khác liên quan (nếu có theo yêu cầu của Công ty) khi đăng ký dự họp. Văn bản ủy quyền của cổ đông là cá</p>	Sửa đổi bổ sung cho cụ thể và phù hợp với giải thích từ ngữ tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ Về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự

Stt	Điều, Khoản, Điểm sửa đổi, bổ sung	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện tại	Nội dung tại Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		nhân, tổ chức nước ngoài phải được hợp pháp hóa và/hoặc dịch và công chứng theo quy định của pháp luật Việt Nam.	nhân, tổ chức nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự và/hoặc dịch và công chứng theo quy định của pháp luật Việt Nam.	
4	Khoản 2 Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	y. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;	y. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty;	Bổ sung “ Người phụ trách quản trị công ty ” theo Điểm a Khoản 81 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.
		Chưa có quy định cụ thể	Bổ sung điểm dd vào sau điểm cc khoản 2 Điều 36 và thay đổi thứ tự điểm dd tại Điều lệ Công ty hiện tại thành điểm ee tại Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung. dd. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;	Bổ sung theo Điểm b Khoản 81 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.
5	Điểm b Khoản 7 Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Chưa có quy định cụ thể	Bổ sung tiết ix điểm b khoản 7 vào sau tiết viii điểm b khoản 7 Điều 36 và thay đổi thứ tự tiết ix tại Điều lệ Công ty hiện tại thành tiết x tại Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung. ix. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan;	Bổ sung cho cụ thể theo Khoản 80 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.
6	Điểm c Khoản 2 Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành	c. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác và không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám	c. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác và không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng	Bổ sung “ hoặc Hội đồng thành viên ” theo Khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.

Stt	Điều, Khoản, Điểm sửa đổi, bổ sung	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện tại	Nội dung tại Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	viên Hội đồng quản trị	đốc) của công ty chứng khoán khác.	thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác.	
Các nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết theo Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đính kèm.				

- Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (“Quy chế”):

Stt	Điều, Khoản, Điểm sửa đổi, bổ sung	Nội dung tại Quy chế hiện tại	Nội dung tại Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Khoản 2.1 Điều 2. Tài liệu tham chiếu	Chưa có.	Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 2.1 Điều 2 và thay đổi thứ tự điểm d, e, f tại Quy chế hiện tại thành điểm e, f, g tại Quy chế sửa đổi, bổ sung: d. Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	Bổ sung quy định pháp luật có liên quan.
2	Khoản 5.3 Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	5.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan.	5.3. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan.	Sửa đổi theo Khoản 80 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.
3	Điểm c Khoản 8.1 Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	c. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác và không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;	c. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác và không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;	Bổ sung “hoặc Hội đồng thành viên” theo Khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều lệ Công ty.

Stt	Điều, Khoản, Điểm sửa đổi, bổ sung	Nội dung tại Quy chế hiện tại	Nội dung tại Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
4	Khoản 13.2 Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	y. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;	y. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty;	Bổ sung “ Người phụ trách quản trị công ty ” theo Điểm a Khoản 81 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều lệ Công ty.
		Chưa có quy định cụ thể	Bổ sung điểm dd vào sau điểm cc khoản 13.2 Điều 13 và thay đổi thứ tự điểm dd tại Quy chế hiện tại thành điểm ee tại Quy chế sửa đổi, bổ sung. dd. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;	Bổ sung theo Điểm b Khoản 81 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết theo Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Phúc Vinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

(Sửa đổi tháng 04/2026)

Hà Nội, tháng 04/2026

MỤC LỤC

Chương I	
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	4
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	5
Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động của Công ty	6
Điều 7. Quyền của Công ty	7
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty	7
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế.....	9
Chương II	
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	12
Mục 1	
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	12
Điều 10. Vốn điều lệ.....	12
Điều 11. Các loại cổ phần	12
Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông.....	13
Điều 13. Chứng nhận cổ phiếu	13
Điều 14. Chứng quyền có bảo đảm và Chứng chỉ chứng khoán khác.....	13
Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần.....	14
Điều 16. Mua lại cổ phần	14
Điều 17. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ.....	15
Điều 18. Phát hành trái phiếu	16
Mục 2	
CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CÔNG TY MẸ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	16
Điều 19. Thông tin về cổ đông sáng lập, Công ty mẹ	16
Điều 20. Quyền của cổ đông của Công ty.....	17
Điều 21. Nghĩa vụ của cổ đông	20
Điều 22. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.....	21
Chương III	
QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	22



Điều 23. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty	22
I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	22
Điều 24. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 25. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 26. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 27. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 28. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 29. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 30. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	30
Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 32. Thay đổi các quyền.....	34
Điều 33. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	35
Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	36
II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	36
Điều 37. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	41
Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	42
Điều 39. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	43
Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị	44
Điều 41. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp.....	45
Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	49
Điều 43. Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.....	49
Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty	51
III. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	51
Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý nội bộ của Công ty.....	51
Điều 46. Ban Tổng Giám đốc và Người điều hành Công ty	52
Điều 47. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	53
Điều 48. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc.....	55
IV. BAN KIỂM SOÁT	56
Điều 49. Thành phần Ban Kiểm soát, số lượng và nhiệm kỳ của Kiểm soát viên	56

Handwritten signature

Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	57
Điều 51. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	58
Điều 52. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	59
Điều 53. Trách nhiệm của Kiểm soát viên	59
Điều 54. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	60
Điều 55. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên	60
Điều 56. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	61
V. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	61
Điều 57. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	62
Điều 58. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	63
Điều 59. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan	63
VI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	64
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	64
Chương IV	
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	65
Điều 61. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	65
Chương V	
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	66
Điều 62. Công nhân viên và công đoàn	66
Chương VI	
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	66
Điều 63. Chế độ báo cáo và công bố thông tin	66
Điều 64. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính quý.....	66
Điều 65. Báo cáo thường niên.....	67
Chương VII	
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN.....	67
Điều 66. Tài khoản ngân hàng	67
Điều 67. Năm tài chính.....	67
Điều 68. Chế độ kế toán	67
Điều 69. Kiểm toán	68
Điều 70. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận	68
Điều 71. Xử lý lỗ trong kinh doanh.....	69

Điều 72. Trích lập các quỹ theo quy định	69
Chương VIII	
DẤU CỦA CÔNG TY	69
Điều 73. Dấu của Công ty	69
Chương IX	
TỔ CHỨC LẠI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY	70
Điều 74. Tổ chức lại Công ty	70
Điều 75. Chấm dứt hoạt động, giải thể.....	70
Điều 76. Phá sản	70
Chương X	
SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	70
Điều 77. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	70
Chương XI	
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ.....	71
Điều 78. Ngày hiệu lực	71



11/11/2017


CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng khoán**”) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ (nếu có);
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 số /2026/NQ-ĐHĐCĐ-VBSE ngày 21/04/2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “**Công ty**” là Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank;
 - b. “**Trụ sở chính**” là Trụ sở chính của Công ty được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 của Điều lệ này;
 - c. “**Chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện**” là đơn vị trực thuộc của Công ty;
 - d. “**Địa bàn kinh doanh**” là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài nơi Công ty được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh hợp pháp;
 - e. “**Vốn điều lệ**” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được ghi nhận tại Điều 10 Điều lệ này;
 - f. “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
 - g. “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
 - h. “**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu;
 - i. “**Người quản lý Công ty**” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty;



- j. **“Người điều hành Công ty”** bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh của Công ty;
- k. **“Thành viên Ban Tổng Giám đốc”** bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- l. **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;
- m. **“Người có quan hệ gia đình”** bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;
- n. **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty;
- o. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- p. **“Nhà đầu tư”** là tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán;
- q. **“Tổ chức phát hành”** là tổ chức thực hiện chào bán, phát hành chứng khoán;
- r. **“Kinh doanh chứng khoán”** là việc Công ty thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Điều 72 Luật Chứng khoán và cung cấp dịch vụ về chứng khoán theo quy định tại Điều 86 của Luật Chứng khoán;
- s. **“Môi giới chứng khoán”** là việc làm trung gian thực hiện mua, bán chứng khoán cho khách hàng;
- t. **“Tự doanh chứng khoán”** là việc Công ty mua hoặc bán chứng khoán cho chính mình;
- u. **“Bảo lãnh phát hành chứng khoán”** là việc cam kết với tổ chức phát hành nhận mua một phần hoặc toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết hoặc cố gắng tối đa để phân phối số chứng khoán cần phát hành của tổ chức phát hành;
- v. **“ Tư vấn đầu tư chứng khoán”** là việc cung cấp cho khách hàng kết quả phân tích, báo cáo phân tích và đưa ra khuyến nghị liên quan đến việc mua, bán, nắm giữ chứng khoán;
- w. **“Lưu ký chứng khoán”** là việc nhận ký gửi, bảo quản, chuyển giao chứng khoán cho khách hàng, giúp khách hàng thực hiện các quyền liên quan đến chứng khoán lưu ký;
- x. **“Chứng quyền có bảo đảm”** là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở với Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại một thời điểm hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện;



y. “**Thời hạn hoạt động**” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 của Điều lệ này;

z. “**Việt Nam**” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

aa. “**UBCKNN**” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của quy định hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

a. Tên Công ty viết đầy đủ bằng tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank**

b. Tên Công ty viết đầy đủ bằng tiếng Anh: **VietinBank Securities Joint Stock Company**

c. Tên Công ty viết tắt: **VBSE**

d. Mã chứng khoán: **CTS**

2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank là công ty cổ phần được cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp đăng ký lần đầu ngày 01/07/2009 và các lần điều chỉnh.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

a. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội.

b. Điện thoại: +84.24.3974 1771

Fax: +84.24.3974 1760

c. Email: vanphong@vbse.vn

d. Địa chỉ trang thông tin điện tử (Website) chính thức của Công ty: www.vbse.vn

4. Mạng lưới hoạt động của Công ty:

a. Công ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty theo Điều lệ này, phù hợp

với quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi pháp luật cho phép;

b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Công ty;

c. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCKNN chấp thuận;

d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 75 của Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là **Chủ tịch Hội đồng quản trị**. Trong trường hợp Công ty chưa có Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi Công ty có Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật:

a. Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà Người đại diện theo pháp luật, người có liên quan của Người đại diện theo pháp luật làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;

e. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều này;

f. Thực hiện theo các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp



luật và Điều lệ Công ty.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú tại Việt Nam. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

5. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 4 Điều này mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Khi Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:
 - a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Tự doanh chứng khoán;
 - c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d. Tư vấn đầu tư chứng khoán.
2. Công ty được phép cung cấp các dịch vụ sau đây theo quy định của pháp luật:
 - a. Nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân; thực hiện phân phối hoặc làm đại lý phân phối chứng khoán; quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán; cung ứng dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán cho các doanh nghiệp khác;
 - b. Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh;



c. Công ty được phép giao dịch chứng khoán trên tài khoản tự doanh chứng khoán và được đầu tư, góp vốn, phát hành, chào bán các sản phẩm tài chính;

d. Công ty được phép cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán; đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán; tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;

e. Công ty được phép ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng để cung cấp cho khách hàng kết quả phân tích, báo cáo phân tích và đưa ra khuyến nghị liên quan đến việc mua, bán, nắm giữ chứng khoán.

3. Ngoài các dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này, Công ty chỉ được cung cấp dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi báo cáo UBCKNN bằng văn bản.

4. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại khoản 1 Điều này sau khi được UBCKNN chấp thuận.

5. Công ty chỉ được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã được cấp phép và/hoặc chấp thuận bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo các quy định của pháp luật có liên quan và được thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

1. Mục tiêu hoạt động chính của Công ty là phát triển Công ty trở thành một công ty hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam; tăng trưởng lợi nhuận, tăng lợi tức cho cổ đông và đóng góp vào Ngân sách nhà nước; nâng cao đời sống người lao động; tích lũy đầu tư cho phát triển;

2. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty;

3. Kinh doanh phù hợp với chiến lược hoạt động và lợi ích của các cổ đông.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động của Công ty

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan;

2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực;

3. Ban hành và áp dụng các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh và hoạt động của Công ty, phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan;



4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật;

5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng;

6. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật khác có liên quan;

2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép;

3. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

4. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền khác;

5. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:

a. Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;

b. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;

c. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

d. Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính, thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e. Duy trì các điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán;

f. Cập nhật, lưu giữ đầy đủ hồ sơ thông tin khách hàng, chứng từ phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;



g. Tuân thủ quy định của pháp luật về các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

h. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

i. Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật;

j. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục;

k. Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính;

l. Đảm bảo nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán;

m. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ đối với cổ đông:

a. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Pháp luật có liên quan;

b. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

c. Không được thực hiện các hành vi sau:

(i) Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cố tức cố định);

(ii) Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;

(iii) Cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với cổ đông lớn, Kiểm soát viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên;

(iv) Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;

(v) Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:



a. Trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty;

b. Không được lạm dụng tiền của khách hàng dưới mọi hình thức. Các giao dịch liên quan đến tiền của khách hàng chỉ được phép thực hiện theo quy định của pháp luật;

c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;

d. Khi tư vấn cho khách hàng giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán phải thu thập thông tin về khách hàng, không được đảm bảo giá trị chứng khoán mà mình khuyến nghị đầu tư;

e. Cập nhật các thông tin thay đổi của khách hàng khi khách hàng có yêu cầu;

f. Công bố về mức phí giao dịch chứng khoán trên trang thông tin điện tử của Công ty;

g. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;

h. Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;

i. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;

j. Bảo mật thông tin của khách hàng:

Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin liên quan đến sở hữu của khách hàng; từ chối việc phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản, trích lục, sao chép thông tin sở hữu chứng khoán của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng trừ trường hợp:

(i) Cung cấp cho Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

(ii) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:

a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;

b. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận hoặc thua lỗ với khách hàng hoặc đưa ra ý kiến về việc tăng hay giảm giá chứng khoán mà không có căn cứ để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;



- c. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCKNN chấp thuận để ký hợp đồng mở tài khoản giao dịch với khách hàng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng, trừ trường hợp thực hiện giao dịch chứng khoán trực tuyến;
- d. Không được nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của người đứng tên tài khoản bằng văn bản;
- e. Không được sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
- f. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
- g. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; không được tiết lộ các nội dung đặt lệnh giao dịch của khách hàng hoặc thông tin bí mật khác có được khi thực hiện giao dịch cho khách hàng mà không phải để công bố thông tin hoặc theo yêu cầu thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật;
- h. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- i. Không được xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích khác của khách hàng;
- j. Công ty phải thực hiện hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán với danh nghĩa của chính mình; không được sử dụng danh nghĩa tổ chức, cá nhân khác hoặc cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng danh nghĩa của mình để kinh doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán;
- k. Công ty không được góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của một (01) công ty chứng khoán khác tại Việt Nam, trừ các trường hợp sau đây:
- (i) Mua để thực hiện hợp nhất, sáp nhập;
 - (ii) Mua để sở hữu hoặc cùng với người có liên quan (nếu có) sở hữu không quá năm phần trăm (05%) số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch.
- l. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thỏa thuận sau: thỏa thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty mà không có lý do chính đáng; thỏa thuận hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty mà không có lý do chính đáng hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; thỏa thuận buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thỏa thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.
- m. Công ty, nhân viên Công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy



định của Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan;

n. Công ty không được thực hiện các hành vi bị cấm/không được thực hiện khác theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

o. Tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan tại Công ty là bốn mươi chín phần trăm (49%) vốn điều lệ Công ty.

2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán của Công ty:

a. Người hành nghề chứng khoán của Công ty không được thực hiện các hành vi quy định tại khoản 2 Điều 98 Luật Chứng khoán.

b. Người hành nghề chứng khoán của Công ty phải tham gia các khóa tập huấn về pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, hệ thống giao dịch, loại chứng khoán mới do UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tổ chức.

c. Người hành nghề chứng khoán của Công ty phải thực hiện hành nghề chứng khoán theo đúng nguyên tắc hành nghề chứng khoán phù hợp với chứng chỉ hành nghề chứng khoán mà người hành nghề chứng khoán được cấp.

d. Phải báo cáo UBCKNN trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty.

e. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung khác liên quan đến người hành nghề chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán và văn bản pháp luật khác có liên quan.

f. Tuân thủ và thực hiện đúng các nội dung khác có liên quan đến người hành nghề chứng khoán theo đúng và phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

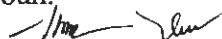
3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc:

a. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;

b. Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên) hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác;

c. Thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; Tổng Giám đốc Công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

d. Thành viên Ban Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán.



Chương II
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Mục 1
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 10. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là **2.126.934.380.000 đồng** (Hai nghìn một trăm hai mươi sáu tỷ, chín trăm ba mươi tư triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng Việt Nam).

Điều 11. Các loại cổ phần

1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **212.693.438** (Hai trăm mười hai triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm ba mươi tám) **cổ phần**. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.

2. Các loại cổ phần của Công ty: Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Công ty chỉ có cổ phần phổ thông với số lượng là **212.693.438** (Hai trăm mười hai triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm ba mươi tám) **cổ phần**. Công ty có thể có cổ phần ưu đãi bao gồm cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nội dung tương ứng với mỗi loại cổ phần ưu đãi không được trái với quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Công ty có quyền phát hành cổ phần các loại để huy động vốn theo các quy định của pháp luật.

4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức, tỷ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Đặc điểm của các loại cổ phần:

a. Cổ phần phổ thông: Công ty phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Cổ phần ưu đãi biểu quyết: là cổ phần phổ thông có nhiều hơn phiếu biểu quyết so với cổ phần phổ thông khác; số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Quyền biểu quyết và thời hạn ưu đãi biểu quyết đối với cổ phần ưu đãi biểu quyết do tổ chức được Chính phủ ủy quyền nắm giữ do Đại hội đồng cổ đông quyết



định. Sau thời hạn ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi biểu quyết chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế;

c. Cổ phần ưu đãi cổ tức: là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức;

d. Cổ phần ưu đãi hoàn lại: Là cổ phần được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại và Điều lệ Công ty.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Hình thức của Sổ đăng ký cổ đông: tệp dữ liệu điện tử.

4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 13. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty.

2. Chứng nhận cổ phiếu do Công ty phát hành phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Chứng quyền có bảo đảm và Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Chứng quyền có bảo đảm:



Việc phát hành chứng quyền có bảo đảm của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Phù hợp theo quy định của pháp luật, người sở hữu chứng quyền có các quyền sau đây:

- a. Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty khi phát hành;
 - b. Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết theo quy định pháp luật;
 - c. Quyền chuyển nhượng, cho tặng, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp trong các quan hệ dân sự kinh tế theo quy định pháp luật;
 - d. Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, văn bản pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần phải được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quy định của UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được: chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

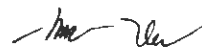
Điều 16. Mua lại cổ phần

1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp mua lại cổ phần:

a. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu



rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu này phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề nêu trên. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu; giá mua lại được xác định theo quy định pháp luật có liên quan.

b. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:

Công ty có quyền mua lại cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phần được thực hiện theo quy định pháp luật.

Trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng, mua để sửa lỗi giao dịch theo quy định của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và quy định pháp luật khác có liên quan (nếu có), Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng, trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại theo khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ theo Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành, trong đó Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam phải luôn bảo đảm nắm giữ tối thiểu năm mươi một phần trăm (51%) vốn điều lệ của Công ty.

2. Cách thức tăng vốn điều lệ của Công ty:

Phù hợp và tuân thủ theo quy định của pháp luật, Công ty có thể thực hiện tăng vốn điều lệ theo một trong các cách thức sau:

- a. Chào bán, phát hành chứng khoán ra công chúng hoặc chào bán, phát hành riêng lẻ.
- b. Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần theo quy định của pháp luật.
- c. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động theo quy định của pháp luật.

d. Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn hợp lệ khác để tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

e. Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ theo quy định của pháp luật.

f. Cách thức khác theo và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

3. Cách thức giảm vốn điều lệ của Công ty:

Công ty có thể thực hiện giảm vốn điều lệ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện khi thực hiện giảm vốn điều lệ Công ty mà Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan có quy định.

Điều 18. Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành các loại trái phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện phát hành của mỗi loại trái phiếu được thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Công ty quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định sau:

a. Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền; việc biểu quyết thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về chào bán trái phiếu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ này; trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu.

Mục 2

CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CÔNG TY MẸ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 19. Thông tin về cổ đông sáng lập, Công ty mẹ

1. Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank không có cổ đông sáng lập do được cổ phần hóa từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

2. Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank.



Điều 20. Quyền của cổ đông của Công ty

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Quyền của cổ đông phổ thông:
 - a. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, hoặc theo hình thức khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - d. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - f. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:
 - (i) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí

mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

(ii) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại điểm m khoản 2 Điều này;

(iii) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

(iv) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

(v) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật khác có liên quan.

m. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

(i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

(ii) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm m khoản 2 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

n. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

(i) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;



(ii) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

o. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp theo quy định pháp luật; Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự;

Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại điểm này được quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quy định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

p. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết:

a. Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 11 của Điều lệ này;

b. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

4. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức:

a. Nhận cổ tức theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 11 của Điều lệ này;

b. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;

c. Các quyền khác như cổ đông phổ thông trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (trừ trường hợp Điều lệ và pháp luật có quy định khác).

5. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại:

a. Được Công ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 11 của Điều lệ này;

b. Các quyền khác như cổ đông phổ thông trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (trừ trường hợp Điều lệ và pháp luật có quy định khác).



Điều 21. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức quy định tại Điều 27 Điều lệ này.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của Công ty và người có liên quan của cổ đông đó (nếu có) không được sở hữu trên năm phần trăm (05%) vốn điều lệ của một công ty chứng khoán khác; Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện quy định của Luật Chứng khoán;

7. Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của Công ty không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác; đồng thời phải thông báo đầy đủ cho Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nhận được thông tin, đối với các trường hợp sau:

a. Số cổ phần bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của tòa án;

b. Cổ đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản.

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.



Điều 22. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan và được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền, có các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ của Công ty.

2. Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền; và:

a. Trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì cổ đông là tổ chức đó phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền;

b. Trường hợp cổ đông là tổ chức đó không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần của cổ đông là tổ chức đó sẽ được chia đều cho tất cả số người đại diện theo ủy quyền.

3. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

4. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức:

a. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông Công ty tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

b. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.



Chương III

QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 23. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

Bộ máy quản trị điều hành (cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty) theo mô hình công ty cổ phần, bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

I. Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.


c. Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;

g. Quyết định việc mua lại cổ phần trong các trường hợp không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 36 của Điều lệ này (trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng, mua để sửa lỗi giao dịch theo quy định của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ này và quy định pháp luật khác có liên quan (nếu có));



- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định chủ thể thanh lý;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Điều lệ này;
 - o. Quyết định số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết (nếu có);
 - p. Quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền của Công ty;
 - q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 25. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Số lượng, thời gian họp:
 - a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại

diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

b. Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo UBCKNN bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo.

c. Công ty có thể áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Thâm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm I khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, có các nội dung quy định tại điểm m khoản 2 Điều 20 Điều lệ này và phải có đầy đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.



c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

d. Tất cả chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo các điểm a, b và c khoản 3 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp phù hợp với các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành;

d. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e. Xác định thời gian và địa điểm cuộc họp;

f. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định sau:

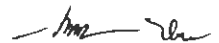
Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, thực hiện công bố theo quy định của pháp luật. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp/số giấy phép thành lập và hoạt động; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông đã được ghi nhận bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và Phiếu biểu quyết được gửi cho các cổ đông kèm theo thông báo mời họp, hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được

gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - (ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (nếu có);
 - (iii) Phiếu biểu quyết;
 - (iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- g. Thực hiện các công việc khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về: (i) kết quả kinh doanh của Công ty; (ii) kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; (iii) tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số định danh cá nhân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
4. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:



- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 3 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông và nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên như quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này; hoặc
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 27. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Công ty có quyền từ chối bên được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp văn bản ủy quyền không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, hoặc nội dung, phạm vi ủy quyền không rõ ràng, không cụ thể.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản (“Văn bản ủy quyền”). Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cổ đông ủy quyền, bên được ủy quyền; số lượng cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền; nội dung, phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền; chữ ký và chức danh của người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền và/hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Bên được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp bản chính văn bản ủy quyền (trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty cùng với văn bản ủy quyền lại) kèm theo bản sao chứng thực giấy tờ pháp lý của mình và các tài liệu khác liên quan (nếu có theo yêu cầu của Công ty) khi đăng ký dự họp. Văn bản ủy quyền của cổ đông là cá nhân, tổ chức nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự và/hoặc dịch và công chứng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình



thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 28. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại điểm f khoản 4 Điều 25 của Điều lệ này.

Điều 29. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ Biểu quyết và/hoặc Phiếu Biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.



2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một (01) hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một (01) hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách hợp lệ, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm và không giới hạn các nội dung sau:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

d. Các quyền quy định tại khoản 7 Điều này.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Chủ tọa không có nghĩa vụ dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.



7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 30. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định áp dụng hình thức biểu quyết bằng cách sử dụng Thẻ biểu quyết và/hoặc Phiếu biểu quyết hoặc các hình thức khác theo quy định tại Điều lệ này, quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:



- a. Định hướng phát triển Công ty;
- b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- d. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- e. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- f. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty theo Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 6, 7 Điều này và khoản 1 Điều 32 Điều lệ này:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty theo Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

5. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 6, 7 Điều này và khoản 1 Điều 32 Điều lệ này.

6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.



7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, riêng trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thông qua nội dung quy định tại điểm b khoản 4 Điều này được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp.

Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 30 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại điểm f khoản 4 Điều 25 của Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép và ngày cấp, nơi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, mã số doanh nghiệp (nếu có);

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;



g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép và ngày cấp, nơi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, mã số doanh nghiệp (nếu có);

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.



7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 30 của Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 33. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này, thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc mã số doanh nghiệp (nếu có);

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;


g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.



4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

II. Hội đồng quản trị

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.


2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định; đồng thời Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trái phiếu riêng lẻ của Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm p khoản 2 Điều 24 của Điều lệ này;



- e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- f. Quyết định việc Công ty mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp (trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng, mua để sửa lỗi giao dịch theo quy định của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ này và quy định pháp luật khác có liên quan (nếu có));
- g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 24, khoản 2 và khoản 3 Điều 59 của Điều lệ này. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 59 của Điều lệ này;
- j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- k. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc; quyết định tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc;
- l. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- m. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng các phòng tại Trụ sở chính, Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Công ty (nếu có) theo đề nghị của Tổng Giám đốc; quyết định tiền lương và lợi ích khác của những người đó;
- n. Quyết định thù lao, thưởng và lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên trong tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác, ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- o. Quyết định số lượng lao động trên cơ sở kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- p. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; Yêu cầu người điều hành Công ty báo cáo, giải trình, trình Hội đồng quản trị các nội dung thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách, giao nhiệm vụ



(nếu cần);

q. Quyết định cơ cấu tổ chức (số lượng, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ chính của: (i) Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện; (ii) Phòng/Ban chức năng tại Trụ sở chính). Quyết định quy chế quản lý nội bộ của Công ty (trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Quyết định thành lập, chấm dứt hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc tổ chức lại đối với: Công ty con, Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện của Công ty và quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty;

r. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

s. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

t. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

u. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

v. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, quyết định ban hành các Quy chế này sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;

w. Quyết định ban hành Quy chế tài chính, Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế, quy định khác phù hợp với thẩm quyền và quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;

x. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

y. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty;


z. Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty;

aa. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

bb. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;

cc. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

dd. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;



ee. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua bằng các phương thức có sử dụng thiết bị điện tử viễn thông, công nghệ thông tin. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Hội đồng quản trị có thể giao/phân công nhiệm vụ cho cấp dưới và người quản lý Công ty thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị trên cơ sở đảm bảo phù hợp với các quy định nội bộ của Công ty và tuân thủ quy định của Pháp luật.

7. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

a. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

(i) Quyền được cung cấp thông tin:

(i.1) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

(i.2) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị;

(i.3) Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo quy định của Công ty.

(ii) Quyền được nhận thù lao công việc, thưởng và lợi ích khác:

Các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc, thưởng và các lợi ích khác dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

(ii.1) Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, thưởng và

lợi ích khác của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

(ii.2) Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

(ii.3) Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

(ii.4) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

(ii.5) Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

(i) Thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này;

(ii) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

(iii) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình và không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

(iv) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;

(v) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Công khai các



lợi ích liên quan và cập nhật danh sách những người có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan;

(vi) Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

(vii) Báo cáo, công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;

(viii) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất đối với các giao dịch sau:

(viii.1) Các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

(viii.2) Các giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp trong đó người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn;

(ix) Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan;

(x) Các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

8. Hội đồng quản trị phải thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro, đồng thời phải xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan (nếu có).

Điều 37. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng và thành phần thành viên Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị của Công ty có năm (05) thành viên.

b. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên Hội đồng quản trị điều hành và không điều hành, số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị để bảo đảm tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Số lượng thành viên không điều hành và/hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

2. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành



viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trên nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 6 Điều 30 của Điều lệ này.

b. Việc ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo cơ chế sau:

(i) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

(i.1) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

(i.2) Trình độ chuyên môn;

(i.3) Quá trình công tác;

(i.4) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

(i.5) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

(i.6) Các thông tin khác (nếu có).

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

(ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định tại điểm n khoản 2 Điều 20 Điều lệ này.

(iii) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ và mục (ii) điểm b Khoản này,

Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

c. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

d. Các ứng viên Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này:

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác và không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác.

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

c. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 39. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị khi không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện nêu trên. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

3. Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại quy chế nội bộ của Công ty.



Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;
- e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- f. Phân công nhiệm vụ và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ đã được phân công của các thành viên Hội đồng quản trị để điều hành hoạt động của Công ty. Nội dung phân công phải được thể hiện dưới dạng văn bản;
- g. Triệu tập, chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập;
- h. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
- i. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;
- j. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- k. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
- l. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- m. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;
- n. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
- o. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ khác của Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (mười) 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này, các quy định nội bộ của Công ty (nếu có) và pháp luật có liên quan, đồng thời thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc biết về việc ủy quyền này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký công ty được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và pháp luật.

Điều 41. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường. Trình tự, thủ tục họp được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi Phiếu Biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải **đựng** trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.



10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại và/hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được lập thành biên bản theo quy định tại khoản 14 Điều này.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên năm mươi phần trăm (50%)) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành; trong trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tọa (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị).

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tại các phiếu lấy ý kiến-biểu quyết, trong trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động, mã số doanh nghiệp (nếu có);

(ii) Thời gian, địa điểm họp;

(iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;



(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

(v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

(ix) Họ, tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này. Ngoài ra, Biên bản họp Hội đồng quản trị có thể có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị/đại diện theo ủy quyền dự họp khi Chủ tọa cuộc họp yêu cầu.

b. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các mục (i), (ii), (iii), (iv), (v), (vi), (vii) và (viii) điểm a Khoản này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

c. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

d. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó.

e. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

15. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của

tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban;

b. Việc thực thi nghị quyết của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 và/hoặc khoản 1 Điều 39 của Điều lệ này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 43. Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Công ty phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ. Hội đồng quản trị quyết định việc ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty theo quy



định của pháp luật áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, khách quan trung thực và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận kiểm toán nội bộ như sau:

a. Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ Công ty, các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;

d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;

e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;

f. Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;

g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;

h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;

i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;

j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;

k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;

l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con (nếu có).

3. Nhân sự của bộ phận kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

b. Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c. Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh trong Công ty;

d. Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;



- e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;
- f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 6 Điều 40 của Điều lệ này.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy định nội bộ của Công ty.

III. Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý nội bộ của Công ty

Hệ thống quản lý nội bộ của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.



Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 46. Ban Tổng Giám đốc và Người điều hành Công ty

- I. Ban Tổng Giám đốc và tiêu chuẩn thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - a. Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
 - b. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và cũng có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - c. Tổng Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định sau:
 - (i) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật; không thuộc đối tượng khác quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - (ii) Có tối thiểu hai (02) năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
 - (iii) Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
 - (iv) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn sáu (06) tháng gần nhất tính đến thời điểm bổ nhiệm;
 - (v) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;
 - (vi) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
 - d. Các Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các mục (i), (ii), (iv) và (vi) điểm c khoản 1 Điều này và có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ phụ trách.
 - e. Công ty phải xây dựng các quy định làm việc của Ban Tổng Giám đốc và phải được Hội đồng quản trị Công ty thông qua. Quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
 - (i) Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám đốc;



(ii) Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;

(iii) Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

2. Người điều hành Công ty:

a. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng, bổ nhiệm Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

b. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Người điều hành Công ty thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật khác có liên quan, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

3. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định; tiền lương và lợi ích khác của những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến Tổng Giám đốc trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

4. Tiền lương của Người điều hành Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 47. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Giúp việc Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, các cán bộ quản lý khác và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

2. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc quy định tại Điều này theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;



- b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, hoạt động khác của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Tổ chức, quản lý và điều hành hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty an toàn hiệu quả, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;
- e. Kiến nghị số lượng và đề xuất cán bộ giữ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị quy định tại điểm m khoản 2 Điều 36 Điều lệ này để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định nội bộ của Công ty; kiến nghị tiền lương và lợi ích khác của các cán bộ đó;
- f. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các chức danh quản lý trong Công ty theo các quy định nội bộ của Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị quy định tại điểm m khoản 2 Điều 36 của Điều lệ này;
- g. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc theo các quy định nội bộ của Công ty;
- h. Tuyển dụng lao động, ký hợp đồng lao động theo các quy định nội bộ của Công ty trên cơ sở tổng số lao động đã được Hội đồng quản trị phê duyệt. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ nếu thấy cần thiết;
- i. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển của Công ty;
- j. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty và đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- k. Tổ chức, sắp xếp và sử dụng nhân sự tại các Phòng/Ban/Bộ phận trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, tại các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện để triển khai công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Ban hành các quy trình nghiệp vụ, các quy định, văn bản hướng dẫn để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh và công tác quản trị điều hành tại Công ty;
- m. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng quản trị;
- o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hợp đồng lao động đã được ký kết.

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:
 - a. Tổng Giám đốc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 46 của Điều lệ này.
 - b. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến Trụ sở chính của Công ty.
 - c. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 48. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

1. Công ty phải thiết lập bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc. Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách, quy trình.
2. Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ:
 - a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
 - b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
 - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
 - a. Bố trí tối thiểu một (01) nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
 - b. Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh trong Công ty;



d. Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

IV. Ban Kiểm soát

Điều 49. Thành phần Ban Kiểm soát, số lượng và nhiệm kỳ của Kiểm soát viên

1. Ban Kiểm soát của Công ty có ba (03) Kiểm soát viên. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Các Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, pháp luật có liên quan.

4. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên:

a. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn trên nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 6 Điều 30 của Điều lệ này. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 38 Điều lệ này.

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

5. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty và không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên) hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác. Ngoài các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên, Trưởng Ban Kiểm soát còn có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm như sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;



- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này.
6. Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, cơ cấu tổ chức nội bộ của Công ty, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị,



yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.

11. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

12. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

13. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

14. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

15. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

16. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

17. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

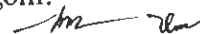
18. Sử dụng tư vấn độc lập, Bộ phận Kiểm toán nội bộ và các nguồn lực khác của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

19. Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

20. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:



- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo;
 - b. Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại Trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 52. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát, hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 53. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.



3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty, địa vị, chức vụ của mình để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu Kiểm soát viên có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 54. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên của Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

3. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 55. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

4. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

5. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

6. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
7. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liên trước đó.
8. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên) hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.

Điều 56. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 55 của Điều lệ này và tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không tuân thủ và/hoặc không thực hiện đúng, không hoàn thành nhiệm vụ, công việc của Kiểm soát viên theo phân công trong Ban Kiểm soát;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ và Điều lệ Công ty và các vi phạm khác gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông Công ty;
 - d. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

V. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình và các quyền, nghĩa vụ được giao (kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị) theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật khác có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định tại Mục V này một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của Công ty.



Điều 57. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một (01) hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; đồng thời dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan



hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 58. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 59. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ



ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều 30 của Điều lệ này.

b. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:

a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm a khoản 3 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

b. Hợp đồng, giao dịch khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

VI. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:



- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

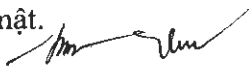
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương IV

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 61. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng, chứng thực của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.



4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động (và các Giấy phép điều chỉnh)/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này. Đồng thời Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương V CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 62. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với cán bộ công nhân viên và các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 63. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 64. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và thực hiện công bố thông tin



tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo các quy định của pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính quý của Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 65. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương VII QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 66. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 67. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ Ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 68. Chế độ kế toán

1. Công ty sử dụng Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 69. Kiểm toán

1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán/soát xét theo đúng quy định.

2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty phải thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, Công ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

3. Báo cáo kiểm toán/soát xét được đính kèm báo cáo tài chính năm/báo cáo tài chính bán niên của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 70. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phần.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.



4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phần được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức:

a. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác;

b. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 72. Trích lập các quỹ theo quy định

1. Hằng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:

- a. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- c. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VIII DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 73. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).



3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu của Công ty theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy định nội bộ của Công ty.

Chương IX

TỔ CHỨC LẠI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 74. Tổ chức lại Công ty

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi loại hình công ty sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 75. Chấm dứt hoạt động, giải thể

1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a. Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể Công ty và được UBCKNN chấp thuận;
- b. UBCKNN thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể, thanh lý tài sản Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 76. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản và/hoặc pháp luật khác có liên quan.

Chương X

SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 77. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì áp dụng những quy định pháp luật đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.



Chương XI
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 78. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 11 Chương 78 Điều, được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank nhất trí thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 số /2026/NQ-ĐHĐCĐ-VBSE ngày 21/04/2026 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này được lập thành hai (02) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 04 năm 2026 thay thế cho tất cả các bản Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó. Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và bản Điều lệ này.


NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Phúc Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

-----o0o-----

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK**

Mã số QC.00.02.V

(Được phê duyệt ban hành theo Nghị quyết số /2026/NQ-ĐHĐCĐ-VBSE

ngày 21/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank)

HÀ NỘI – 04/2026

MỤC LỤC
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK
MÃ SỐ QC.00.02.V

STT	NỘI DUNG	TRANG
Chương I	QUY ĐỊNH CHUNG	3/36
Điều 1	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3/36
Điều 2	Tài liệu tham chiếu	3/36
Điều 3	Giải thích thuật ngữ và các từ viết tắt	4/36
Điều 4	Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	5/36
Chương II	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5/36
Điều 5	Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	5/36
Điều 6	Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	7/36
Điều 7	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	7/36
Điều 8	Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	8/36
Điều 9	Chủ tịch Hội đồng quản trị	8/36
Điều 10	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	11/36
Điều 11	Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	12/36
Điều 12	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	13/36
Chương III	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14/36
Điều 13	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	14/36
Điều 14	Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa Công ty với người có liên quan	17/36
Điều 15	Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	18/36
Điều 16	Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	19/36
Chương IV	CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20/36
Điều 17	Các cuộc họp, hội nghị của Hội đồng quản trị	20/36
Điều 18	Cuộc họp Hội đồng quản trị	20/36
Điều 19	Biên bản họp Hội đồng quản trị	23/36

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 1 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

[Handwritten signature]

STT	NỘI DUNG	TRANG
Điều 20	Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp của Hội đồng quản trị	24/36
Điều 21	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	25/36
Chương V	BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	27/36
Điều 22	Trình báo cáo hằng năm	27/36
Điều 23	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27/36
Điều 24	Công khai các lợi ích liên quan	28/36
Chương VI	PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC, KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29/36
Điều 25	Phân cấp, phân quyền của Hội đồng quản trị	29/36
Điều 26	Nguyên tắc phối hợp trong quan hệ công tác của Hội đồng quản trị	32/36
Điều 27	Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	32/36
Điều 28	Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Điều hành	33/36
Điều 29	Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát	34/36
Điều 30	Kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị	35/36
Chương VII	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	35/36
Điều 31	Hiệu lực thi hành	35/36
Điều 32	Sửa đổi, bổ sung Quy chế	36/36

Handwritten signature

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

Mã số QC.00.02.V

(Được thông qua và phê duyệt ban hành theo Nghị quyết số /2026/NQ-ĐHĐCD-VBSE ngày 21/04/2026
của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank.

Điều 2. Tài liệu tham chiếu

2.1. Văn bản quy phạm pháp luật

a. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;

b. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng khoán**”) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Chứng khoán;

c. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 155**”);

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 3 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

d. Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

e. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Thông tư 116**”);

f. Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán (“**Thông tư 121**”).

g. Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2.2. Văn bản nội bộ của Công ty

a. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Các văn bản nội bộ khác của Công ty có liên quan.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ và các từ viết tắt

3.1. Giải thích thuật ngữ

a. Các thuật ngữ được áp dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ Công ty.

b. Các thuật ngữ khác:

- Công ty: là Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank, tên gọi tắt là VBSE.

- Điều lệ/Điều lệ Công ty: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank và các bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

- Đơn vị: Phòng, Ban, các bộ phận khác tại Trụ sở chính của Công ty và Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện trực thuộc Công ty.

- Ban Điều hành: bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

- Người điều hành Công ty: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh của Công ty.

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 4 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

- Người quản lý Công ty: bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty.

3.2. Các từ viết tắt

- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT: Hội đồng quản trị.
- BKS: Ban Kiểm soát.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

4.1. Hội đồng quản trị hoạt động theo chế độ tập thể, cá nhân phụ trách, đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ, minh bạch. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về mảng công việc được phân công, ủy quyền, giao nhiệm vụ và cùng chịu trách nhiệm tập thể trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

4.2. Mọi hoạt động của Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ Điều lệ và các quy định pháp luật.

4.3. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia công tác lãnh đạo, quản lý, giám sát hoạt động của Công ty theo sự phân công của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4.4. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4.5. HĐQT sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty và phải bổ nhiệm ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty tại Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

5.1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 5 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

5.2. Thành viên Hội đồng quản trị có các nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình và không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;

e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Công khai các lợi ích liên quan và cập nhật danh sách những người có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan;

f. Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

g. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất đối với các giao dịch sau:

(i). Các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

(ii). Các giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp trong đó người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 6 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

h. Báo cáo, công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

5.3. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan.

5.4. Trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu bất cứ Người điều hành Công ty, Người đại diện của Công ty tại các Đơn vị nhận vốn, các cá nhân giữ chức danh quản lý khác, nhân viên và Đơn vị có liên quan làm việc trực tiếp để nắm bắt tình hình hoạt động, triển khai thực hiện nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị.

5.5. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, công việc theo phân công của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có); chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị về nhiệm vụ, công việc được phân công, ủy quyền.

Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

6.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

6.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty và pháp luật.

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

7.1. Hội đồng quản trị Công ty có năm (05) thành viên.

7.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

7.3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 7 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

7.4. Số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty và pháp luật.

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

8.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác và không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

8.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

8.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 8.2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện nêu trên. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị

9.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.



QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 8 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

9.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.

9.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Triệu tập, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập;
- f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
- g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;
- h. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- i. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
- j. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- k. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;
- l. Phân công các thành viên Hội đồng quản trị đầu mối theo dõi, chỉ đạo, xử lý/đề xuất xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (nếu cần); giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị;
- m. Phân công thành viên Hội đồng quản trị giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị trong lĩnh vực/phạm vi nhiệm vụ được phân công đầu mối phụ trách (nếu cần);
- n. Phân công thành viên Hội đồng quản trị giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị, đánh giá hiệu quả

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 9 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

hoạt động quản lý điều hành, thực thi các chiến lược, kế hoạch kinh doanh, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, trong lĩnh vực/phạm vi nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị được phân công đầu mỗi phụ trách (nếu cần);

o. Thay mặt Hội đồng quản trị xử lý những vấn đề đột xuất, cấp bách, bất khả kháng có liên quan đến nguy cơ rủi ro cao về vốn, tài sản, danh tiếng, uy tín, thương hiệu thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo yêu cầu phải xử lý khẩn cấp, ngay lập tức; sau đó Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo ngay Hội đồng quản trị trong cuộc họp gần nhất;

p. Chỉ đạo các công việc của Hội đồng quản trị, các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các công việc lớn, quan trọng, những vấn đề có tính chiến lược trên tất cả các lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị; ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty (nếu cần);

q. Thay mặt Hội đồng quản trị quyết định những nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua chủ trương, thống nhất về nguyên tắc, sau đó báo cáo tại phiên họp Hội đồng quản trị gần nhất đối với những vấn đề đã quyết định;

r. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế này và các quy định nội bộ khác của Công ty.

9.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

9.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty (nếu có) và pháp luật có liên quan, đồng thời thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc biết về việc ủy quyền này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên Hội

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 10 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

9.6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

10.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 và/hoặc khoản 1 Điều 39 của Điều lệ Công ty;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

10.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Trường hợp khác quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

10.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 10.1 và khoản 10.2 Điều này.

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 11 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

10.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

11.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên (hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty) có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

11.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 11.1 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và pháp luật. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 12 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

11.3. Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

11.4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

12.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 13 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

12.2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

13.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

13.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, các quy chế, quy định nội bộ khác của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trái phiếu riêng lẻ của Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm p khoản 2 Điều 24 của Điều lệ Công ty;

e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

f. Quyết định việc Công ty mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp (trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng, mua

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 14 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

để sửa lỗi giao dịch theo quy định của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty và quy định pháp luật khác có liên quan (nếu có));

g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 24, khoản 2 và khoản 3 Điều 59 của Điều lệ Công ty. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 59 của Điều lệ Công ty;

j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

k. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc; quyết định tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc;

l. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

m. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng các phòng tại Trụ sở chính, Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Công ty (nếu có) theo đề nghị của Tổng Giám đốc; quyết định tiền lương và lợi ích khác của những người đó;

n. Quyết định thù lao, thưởng và lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác, ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

o. Quyết định số lượng lao động trên cơ sở kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

p. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; Yêu cầu người điều hành Công ty báo cáo, giải trình, trình Hội đồng quản trị các nội dung thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách, giao nhiệm vụ (nếu cần);

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 15 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

q. Quyết định cơ cấu tổ chức (số lượng, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ chính của: (i) Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện; (ii) Phòng/Ban chức năng tại Trụ sở chính). Quyết định quy chế quản lý nội bộ của Công ty (trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Quyết định thành lập, chấm dứt hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc tổ chức lại đối với: Công ty con, Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện của Công ty và quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty;

r. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

s. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

t. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

u. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

v. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, quyết định ban hành các Quy chế này sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;

w. Quyết định ban hành Quy chế tài chính, Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế, quy định khác phù hợp với thẩm quyền và quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;


x. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

y. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty;

z. Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty;

aa. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

bb. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;



QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 16 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

cc. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

dd. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

ee. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định nội bộ khác của Công ty.

13.3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua bằng các phương thức có sử dụng thiết bị điện tử viễn thông, công nghệ thông tin hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

13.4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

13.5. Hội đồng quản trị phải thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro, đồng thời phải xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan (nếu có).

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:

14.1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, đồng thời dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 17 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

14.2. Hợp đồng, giao dịch khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật (nếu có).

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

15.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 của Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp và các nội dung theo quy định tại điểm m khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty và phải có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

15.2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại khoản 15.1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 18 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

15.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các nhiệm vụ, công việc sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp phù hợp với các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành;

d. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e. Xác định thời gian và địa điểm họp;

f. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại điểm f khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty;

g. Thực hiện các công việc khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

16.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 19 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

16.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Các cuộc họp, hội nghị của Hội đồng quản trị

17.1. Các cuộc họp, hội nghị của Hội đồng quản trị gồm:

a. Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp, hội nghị (khi cần thiết) để triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, các cơ chế, chính sách lớn hoặc các công việc quan trọng của Công ty, một số Đơn vị hoặc một/một số lĩnh vực hoạt động nhất định;

b. Cuộc họp của các thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 18 Quy chế này (“**Cuộc họp Hội đồng quản trị**”).

c. Cuộc họp của Hội đồng quản trị với Ban Điều hành (khi cần thiết);

d. Định kỳ, khi cần thiết hoặc theo đề nghị của các Đơn vị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc với các Đơn vị tại Trụ sở chính hoặc trực tiếp tại các Đơn vị.

17.2. Tần suất các cuộc họp, hội nghị của Hội đồng quản trị:

a. Cuộc họp, hội nghị thường kỳ;

b. Cuộc họp, hội nghị bất thường.

17.3. Các hình thức tổ chức cuộc họp, hội nghị của Hội đồng quản trị:

a. Trực tiếp;

b. Trực tuyến.

Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị

18.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 20 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

18.2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường. Trình tự, thủ tục họp được thực hiện theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

18.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

18.4. Đề nghị quy định tại khoản 18.3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

18.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 18.3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

18.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp (nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác). Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

18.7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

18.8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 21 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất (trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn). Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

18.9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 18.11 Điều này và mục (ii) điểm b khoản 8.2 Điều 8 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

18.10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

18.11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

18.12. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.



QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 22 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

Các nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại và/hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được lập thành biên bản theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

18.13. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

a. Trong các cuộc họp trực tiếp hoặc bằng phương tiện trực tuyến, các thành viên Hội đồng quản trị sẽ biểu quyết bằng phiếu, lời nói, giơ tay hoặc hình thức phù hợp khác đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận. Các tình trạng biểu quyết có thể là tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

b. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên năm mươi phần trăm (50%)) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tọa (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị).

c. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tại các phiếu lấy ý kiến biểu quyết, trong trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

18.14. Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành trong toàn Công ty. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được sao gửi đến các Đơn vị và cá nhân có trách nhiệm triển khai, tuân thủ và cần được biết để phối hợp thực hiện.

Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị

19.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Người phụ trách quản trị Công ty hoặc Thư ký Công ty hoặc thành viên/cá nhân dự họp được Chủ tọa cuộc họp phân công có trách nhiệm ghi Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động, mã số doanh nghiệp (nếu có);

b. Thời gian, địa điểm họp;

c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 23 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 19.2 Điều này. Ngoài ra, Biên bản họp Hội đồng quản trị có thể có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị/đại diện theo ủy quyền dự họp khi Chủ tọa cuộc họp yêu cầu.
- j. Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty và pháp luật (nếu có).

19.2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 19.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

19.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

19.4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo việc chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó.

19.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp của Hội đồng quản trị

20.1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 20.2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp (hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty) có một (01) phiếu biểu quyết.

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 24 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

20.2. Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết đối với các vấn đề liên quan đến hợp đồng, giao dịch đó.

20.3. Trong cuộc họp của Hội đồng quản trị, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 59 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

21.1. Trong trường hợp có những vấn đề cấp thiết cho hoạt động của Công ty mà Hội đồng quản trị không thể tổ chức họp được hoặc để kịp thời giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị mà không cần thiết phải tổ chức họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

21.2. Thư ký Công ty hoặc Người phụ trách quản trị công ty hoặc cán bộ khác được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công sẽ gửi toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến vấn đề cần lấy ý kiến kèm Phiếu lấy ý kiến đến từng Thành viên Hội đồng quản trị để lấy ý kiến (kể cả thông qua hình thức fax, email hoặc hình thức phù hợp khác). Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định (nếu có) của pháp luật và Điều lệ Công ty.

21.3. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời (phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị) về cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Bộ phận kiểm phiếu/Thư ký Công ty/Người phụ trách quản trị công ty/cán bộ được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công theo thời hạn yêu cầu tại Thư công tác gửi lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc chậm nhất không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, tài liệu. Khi quá thời hạn mà Thành viên Hội đồng quản trị không gửi Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về cho Chủ tịch Hội đồng quản trị /Bộ phận kiểm phiếu/Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký Công ty/cán bộ được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công theo yêu cầu thì thành viên đó được hiểu là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết thông qua.

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 25 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

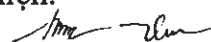
Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác biểu quyết phải thông báo việc ủy quyền trước hoặc cùng thời điểm gửi Phiếu lấy ý kiến tới Chủ tịch Hội đồng quản trị.

21.4. Bộ phận kiểm phiếu hoặc Thư ký Công ty hoặc Người phụ trách quản trị công ty hoặc cán bộ được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công nêu tại khoản 21.2 và 21.3 Điều này có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng quản trị trình Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét.

21.5. Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong Biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng) và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép và ngày cấp, nơi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Tổng số phiếu gửi lấy ý kiến;
- d. Số thành viên HĐQT với tổng số phiếu hiệu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ;
- e. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- f. Các vấn đề đã được thông qua;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Thư ký Công ty hoặc Người phụ trách quản trị công ty hoặc cán bộ khác được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công kiểm phiếu và các thành viên khác tham gia kiểm phiếu (nếu có).

21.6. Các thành viên tham gia ký tên trên Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc có liên quan để phối hợp triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện.



QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 26 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

21.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ Tại trụ sở chính của Công ty, thời hạn lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 22. Trình báo cáo hằng năm

22.1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

22.2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 22.1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

22.3. Báo cáo quy định tại các khoản 22.1, 22.2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

23.1. Các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc, thưởng và các lợi ích khác dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ có liên quan.

23.2. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.



QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 27 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

23.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

23.4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

23.5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

23.6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

24.1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

24.2. Việc kê khai quy định tại khoản 24.1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 28 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

24.3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

24.4. Các trường hợp phải công khai lợi ích và công bố thông tin khác theo quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và pháp luật.

Chương VI

PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC, KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Phân cấp, phân quyền của Hội đồng quản trị

25.1. Nguyên tắc phân cấp, phân quyền:

a. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề chiến lược của Công ty, các mục tiêu chiến lược, kế hoạch hàng năm và các chính sách quản trị điều hành, văn bản khung của các nghiệp vụ trọng yếu hoặc những vấn đề mà Hội đồng quản trị thấy cần thiết liên quan đến quản trị điều hành của Công ty.

b. Hội đồng quản trị quyết định thẩm quyền, hạn mức, phạm vi quyết định của Tổng Giám đốc đối với hoạt động của Công ty đảm bảo Tổng Giám đốc có thể đưa ra quyết định kịp thời trong điều hành hoạt động của Công ty hằng ngày. Việc phân cấp, phân quyền được thể hiện trong các quy định nội bộ của Công ty hoặc được lập thành văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc trong những trường hợp mà Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Những trường hợp không có phân cấp, phân quyền của Hội đồng quản trị thì hạn mức tối đa thuộc phạm vi giải quyết của Tổng Giám đốc là mức cao nhất mà pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế tài chính của Công ty cho phép.

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc hoặc các thành viên Hội đồng quản trị ký các văn bản trình, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.



QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 29 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

d. Tổng Giám đốc ký các văn bản trình cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc hay đối với những vấn đề đã được Hội đồng quản trị phân cấp, phân quyền.

e. Trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng có thể ảnh hưởng xấu đến danh tiếng, sự ổn định của Công ty hoặc phát sinh các vi phạm nghiêm trọng về đạo đức, pháp luật, Hội đồng quản trị có thể can thiệp trực tiếp vào các vấn đề đã phân cấp, phân quyền cho Tổng Giám đốc.

f. Ban Điều hành có vai trò tham mưu, chịu trách nhiệm điều hành, thực thi các chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong các hoạt động nghiệp vụ, tác nghiệp của Công ty.

g. Tổng Giám đốc là người đứng đầu bộ máy điều hành, chịu trách nhiệm cao nhất trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong điều hành hoạt động của Công ty. Tổng Giám đốc chủ động điều hành hoạt động Công ty, giải quyết công việc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc về quản trị, điều hành quy định tại Quy chế này.

h. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo theo quy định/yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc các vấn đề tự xét thấy Hội đồng quản trị cần được biết nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị thực hiện được vai trò và trách nhiệm của mình, phát huy tốt nhất hiệu quả hoạt động của Công ty.

25.2. Đối với một số vấn đề cụ thể:

a. Quyết định phân cấp về mua sắm tài sản cố định, hàng hóa dịch vụ thực hiện theo các quy định, quy chế mua sắm tài sản cố định, hàng hóa dịch vụ do Hội đồng quản trị Công ty ban hành, Quy chế tài chính của Công ty và theo các nghị quyết, quyết định có liên quan của Hội đồng quản trị.

b. Quyết định phân cấp liên quan đến hoạt động vay vốn được thực hiện theo Quy chế tài chính của Công ty và các quy định của pháp luật.

c. Quyết định phân cấp liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán được thực hiện theo Quy chế, Quy định về cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán do Hội đồng quản trị Công ty ban hành và các quy định của pháp luật.

d. Quyết định phân cấp các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành được thực hiện theo các Quy định, Quy chế về hoạt động đầu tư, kinh doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành do Hội đồng quản trị Công ty ban hành và các quy định của pháp luật.

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 30 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

e. Quyết định về công tác cán bộ: Thực hiện theo Quy chế quản lý cán bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

f. Các nội dung phân cấp khác được thực hiện theo quy định cụ thể tại Điều lệ, các Quy định, Quy chế, văn bản nội bộ có liên quan do Hội đồng quản trị Công ty ban hành, Quy chế tài chính của Công ty và pháp luật có liên quan (nếu có).

25.3. Phân cấp duyệt kế hoạch:

a. Hội đồng quản trị phê duyệt chiến lược phát triển, chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh hằng năm của toàn Công ty và phê duyệt việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm cho các Đơn vị trong Công ty.

b. Tổng Giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh tới các Đơn vị trên cơ sở chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

25.4. Phân cấp trong công tác và phát triển mối quan hệ với Cơ quan nhà nước, đối tác, cơ quan truyền thông:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ nhân danh Hội đồng quản trị và nhân danh Công ty khi quan hệ công tác với các Cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân bên ngoài.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện thay mặt Công ty trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của Cơ quan cấp trên, với các ban ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn, khách hàng chiến lược, với cơ quan thông tấn báo chí... Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không tham dự được thì phân công thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc một thành viên trong Ban Điều hành thực hiện. Sau khi tham dự, thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban Điều hành đó có trách nhiệm báo cáo lại Chủ tịch Hội đồng quản trị về nội dung làm việc.

c. Tại các buổi làm việc quan trọng của Công ty phải có sự tham gia, chủ trì của thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Điều hành được phân công theo dõi mảng công việc có liên quan và các cán bộ có liên quan. Các phòng/ban có liên quan tại Trụ sở chính chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung và lo hậu cần cho buổi làm việc theo chỉ đạo của người chủ trì.

25.5. Phân cấp trong một số vấn đề khác của Hội đồng quản trị:

a. Các hồ sơ Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt phải đảm bảo các thủ tục về hành chính, pháp lý và kèm theo đầy đủ các hồ sơ liên quan đã có ý kiến của các phòng/ban chức năng, các đơn vị thành viên theo đúng quy định, quy chế, quy trình nghiệp vụ hiện hành.

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 31 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

b. Các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc cần phải trình Hội đồng quản trị.

c. Các văn bản do Ban Điều hành trình Hội đồng quản trị giải quyết phải do Tổng Giám đốc trình ký. Trường hợp Tổng Giám đốc vắng mặt và không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, Phó Tổng Giám đốc trình ký trực tiếp Hội đồng quản trị phải được Tổng Giám đốc ủy quyền.

d. Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị ký ban hành các quy định về quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Điều 26. Nguyên tắc phối hợp trong quan hệ công tác của Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

26.1. Luôn luôn trung thành vì lợi ích của Công ty;

26.2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty;

26.3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;

26.4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 27. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

27.1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

27.2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này.

27.3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 32 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

bản giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 28. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Điều hành

28.1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định đó.

28.2. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của những Người điều hành trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp họ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

28.3. Hội đồng quản trị thực hiện việc khen thưởng và kỷ luật, xử lý sai phạm đối với Người điều hành một cách khách quan trên các căn cứ và cơ sở phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

28.4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Điều hành:

a. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng Giám đốc hoặc Trưởng/Phó Phòng/Ban/Đơn vị phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu cần).

c. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên Ban Điều hành chủ trì, người chủ trì mời Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan cùng tham dự họp và chỉ đạo trực tiếp (nếu có). Tổng Giám đốc phải gửi một (01) bản nội dung kết luận cuộc họp để báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị.

d. Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ, đột xuất hoặc chuyên đề (nếu cần thiết) với Người quản lý, Người điều hành, Ban Điều hành, Phòng/Ban/Đơn vị để chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, nhiệm vụ Hội đồng quản trị giao. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì cuộc họp hoặc phân công thành viên Hội đồng quản trị chủ trì.

28.5. Chế độ Thông tin, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành:

a. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc đề nghị với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 33 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

b. Ban Điều hành phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ của Công ty, đồng thời phải báo cáo Hội đồng quản trị các nội dung trên.

c. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề có liên quan đến hoạt động điều hành kinh doanh của Công ty và kết quả triển khai các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị hàng tháng/quý/năm và đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

d. Trong thời hạn (07) bảy ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng, quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.

e. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo chỉ đạo giải quyết có liên quan đến mảng công việc được phân công phụ trách, thực hiện.

f. Trong trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc động kinh doanh của Công ty hoặc sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban Điều hành, Người điều hành và Người quản lý Công ty phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

g. Các văn bản của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc về chỉ đạo, điều hành có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước; các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; các văn bản hướng dẫn triển khai quy chế, cơ chế của Hội đồng quản trị đều phải được sao gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị.

h. Ban Điều hành có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian ngắn nhất.

Điều 29. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát

29.1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

29.2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 34 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

Điều 30. Kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thực hiện việc kiểm tra, giám sát khi cần thiết đối với hoạt động của Công ty, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua các hình thức, bao gồm nhưng không giới hạn các hình thức sau:

- a. Qua các hệ thống thông tin quản lý của Công ty.
- b. Qua báo cáo định kỳ hoặc đột xuất.
- c. Qua làm việc trực tiếp theo kế hoạch hoặc đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
- d. Qua việc thành lập đoàn kiểm toán, kiểm tra, thẩm tra, xác minh.
- e. Qua các hình thức khác theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ Công ty.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

31.1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank bao gồm 07 Chương 32 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty thông qua ngày 21/04/2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/04/2026, thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị mã số QC.00.02.IV ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT ngày 18/11/2025 và Nghị quyết số 229/2025/NQ-HĐQT-CKCT ngày 29/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty. Các thành viên HĐQT và các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.

31.2. Những nội dung chưa được quy định tại Quy chế này sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty (và bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ - nếu có), Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định nội bộ khác của Công ty.

31.3. Trường hợp Quy chế này có quy định khác so với quy định của pháp luật/Điều lệ Công ty thì áp dụng các quy định của pháp luật/Điều lệ Công ty.

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 35 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, thay thế Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Phúc Vinh

)

QUY CHẾ	Mã số: QC.00.02.V	Trang: 36 36
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Lần sửa đổi: 05	Ngày văn bản: / /2026

TỜ TRÌNH BAN HÀNH QUY TRÌNH VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

NĂM
2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán về việc: “*Công ty chứng khoán phải xây dựng quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên và phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên thông qua*”, Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đã xây dựng dự thảo Quy trình về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty trên cơ sở các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các nội dung được quy định tại các Điều từ Điều 25 đến Điều 35 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Vậy, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua Quy trình về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty (*theo Dự thảo văn bản Quy trình về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đính kèm Tờ trình này*); đồng thời giao người có thẩm quyền ký ban hành Quy trình về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Phúc Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

-----o0o-----

DỰ THẢO

QUY TRÌNH

**VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK**

Mã số QT.00.03.00

*(Được phê duyệt ban hành theo Nghị quyết số /2026/NQ-ĐHĐCĐ-VBSE
ngày 21/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026
Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank)*

HÀ NỘI – 04/2026

Handwritten signature

MỤC LỤC
QUY TRÌNH VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK
MÃ SỐ QT.00.03.00

STT	NỘI DUNG	TRANG
Chương I	QUY ĐỊNH CHUNG	2/18
Điều 1	Mục đích	2/18
Điều 2	Phạm vi và đối tượng áp dụng	2/18
Điều 3	Các tài liệu liên quan	2/18
Điều 4	Giải thích từ ngữ và từ viết tắt	3/18
Chương II	QUY ĐỊNH CỤ THỂ	3/18
Điều 5	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	3/18
Điều 6	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	6/18
Điều 7	Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	7/18
Điều 8	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	8/18
Điều 9	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	9/18
Điều 10	Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	11/18
Điều 11	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	13/18
Điều 12	Thay đổi các quyền	15/18
Điều 13	Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	15/18
Điều 14	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	16/18
Điều 15	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	17/18
Điều 16	Lưu trữ Hồ sơ	17/18
Chương III	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	17/18
Điều 17	Hiệu lực thi hành	17/18
Điều 18	Sửa đổi, bổ sung Quy trình	18/18

QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 1 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCD	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

**QUY TRÌNH VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ
BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK
MÃ SỐ QT.00.03.00**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-ĐHĐCĐ-VBSE ngày 21/04/2026 của
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích

Quy trình này quy định các nội dung về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank và một số vấn đề liên quan.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi áp dụng:

Quy trình này được áp dụng khi thực hiện triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank theo quy định của Pháp luật hiện hành.

2.2. Đối tượng áp dụng:

Quy trình này áp dụng tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank trong quá trình triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Điều 3. Các tài liệu liên quan

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Doanh nghiệp ("**Luật Doanh nghiệp**");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn Luật Chứng khoán ("**Luật Chứng khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 2 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank;

- Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Điều 4. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt

4.1. Giải thích từ ngữ:

Trong văn bản này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Công ty/VBSE:** là Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank;

- **Cổ đông:** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

- **Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:** là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty;

- **Điều lệ:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

4.2. Các từ viết tắt:

- **ĐHĐCĐ** : Đại hội đồng cổ đông

- **HDQT** : Hội đồng quản trị

- **UBCKNN** : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

5.1. Số lượng, thời gian họp:



QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 3 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

b. Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo UBCKNN bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo.

c. Công ty có thể áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5.2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, có các nội dung quy định tại điểm m khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty và phải có đầy đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5.3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 4 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 5.2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 5.2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5.3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Quy trình này. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 5.3 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

d. Tất cả chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo các điểm a, b và c khoản 5.3 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp phù hợp với các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành;

d. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e. Xác định thời gian và địa điểm cuộc họp;

f. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định sau:



QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 5 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, thực hiện công bố theo quy định của pháp luật. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp/số giấy phép thành lập và hoạt động; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông đã được ghi nhận bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và Phiếu biểu quyết được gửi cho các cổ đông kèm theo thông báo mời họp, hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - (ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (nếu có);
 - (iii) Phiếu biểu quyết;
 - (iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- g. Thực hiện các công việc khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- 6.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về: (i) kết quả kinh doanh của Công ty; (ii) kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; (iii) tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 6 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

6.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.

6.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số định danh cá nhân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6.4. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 6.3 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 6.3 Điều này;
- b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông và nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên như quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty; hoặc
- d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

6.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 6.3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6.4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

7.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 7.3 Điều này. Công ty có quyền từ chối bên được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp văn bản ủy quyền không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, hoặc nội dung, phạm vi ủy quyền không rõ ràng, không cụ thể.

7.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 7.1 Điều này phải lập thành văn bản (“Văn bản ủy quyền”). Văn bản ủy quyền

QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 7 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP DHDČĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cổ đông ủy quyền, bên được ủy quyền; số lượng cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền; nội dung, phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền; chữ ký và chức danh của người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền và/hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Bên được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp bản chính văn bản ủy quyền (trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty cùng với văn bản ủy quyền lại) kèm theo bản sao chứng thực giấy tờ pháp lý của mình và các tài liệu khác liên quan (nếu có theo yêu cầu của Công ty) khi đăng ký dự họp. Văn bản ủy quyền của cổ đông là cá nhân, tổ chức nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự và/hoặc dịch và công chứng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

7.3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

7.4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

8.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

8.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.1 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, *Minh*

QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 8 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP DHĐCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

8.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

8.4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại điểm f khoản 5.4 Điều 5 Quy trình này.

Điều 9. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

9.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ Biểu quyết và/hoặc Phiếu Biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

9.2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một (01) hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một (01) hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 9 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

9.3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

9.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách hợp lệ, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm và không giới hạn các nội dung sau:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

- d. Các quyền quy định tại khoản 9.7 Điều này.

9.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

9.6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Chủ tọa không có nghĩa vụ dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

9.7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 10 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9.9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9.8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9.10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

10.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định áp dụng hình thức biểu quyết bằng cách sử dụng Thẻ biểu quyết và/hoặc Phiếu biểu quyết hoặc các hình thức khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, quy định khác của pháp luật có liên quan.

10.2. Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.

10.3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Định hướng phát triển Công ty;
- b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- d. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- e. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- f. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty theo Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

10.4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và

QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 11 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 10.6, 10.7 Điều này và khoản 12.1 Điều 12 Quy trình này:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty theo Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

10.5. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 10.4, 10.6, 10.7 Điều này và khoản 12.1 Điều 12 Quy trình này.

10.6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

10.7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, riêng trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thông qua nội dung quy định tại điểm b khoản 10.4 Điều này được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

10.8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp.



QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 12 18
VỀ THỰC TẬP, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

Điều 11. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

11.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 10.3 Điều 10 Quy trình này.

11.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5.4 Điều 5 Quy trình này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại điểm f khoản 5.4 Điều 5 Quy trình này.

11.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép và ngày cấp, nơi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, mã số doanh nghiệp (nếu có);

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 13 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

11.5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép và ngày cấp, nơi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, mã số doanh nghiệp (nếu có);

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

11.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

11.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

11.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 14 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHDCD	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

Điều 12. Thay đổi các quyền

12.1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp họp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

12.2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

12.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Quy trình này.

12.4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 13. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

13.1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

13.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

13.3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 15 Quy trình này, thì nghị quyết đó vẫn

QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 15 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 14. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

14.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc mã số doanh nghiệp (nếu có);
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

14.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

14.3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

14.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông



QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 16 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp.

14.5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 15. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

15.1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 13.2 Điều 13 Quy trình này.

15.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 16. Lưu trữ Hồ sơ

Toàn bộ văn bản giấy tờ có liên quan đến hồ sơ triệu tập, biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lưu đầy đủ tại Công ty theo thời hạn quy định của Pháp luật.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

17.1. Quy trình về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank bao gồm ba (03) Chương 18 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/04/2026. Các đơn vị, cá nhân có liên quan tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung Quy trình này.

17.2. Trong trường hợp nội dung tại các văn bản pháp luật được căn cứ để xây dựng Quy trình này hoặc nội dung tương ứng tại Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ thông qua có sự thay đổi hoặc được sửa đổi, bổ sung thì nội dung tại Quy trình này sẽ được hiểu là được thay thế/sửa đổi/bổ sung tương ứng và thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành/Điều lệ Công ty hiện hành tại từng thời điểm.

QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 17 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026

17.3. Trường hợp Quy trình này có quy định khác so với quy định của pháp luật/Điều lệ Công ty thì áp dụng các quy định của pháp luật/Điều lệ Công ty.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Quy trình

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, thay thế Quy trình này do Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Phúc Vinh



QUY TRÌNH	Mã số: QT.00.03.00	Trang: 18 18
VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	Lần sửa đổi: 00	Ngày văn bản: / /2026